

MÃI MÃI LÀ BÍ ẨN

NHIỀU TÁC GIẢ

TẬP
11



NHÀ XUẤT BẢN THỜI ĐẠI

MÃI MÃI LÀ BÍ ẨN

MÃI MÃI LÀ BÍ ẨN

(Tập 11)

NHÀ XUẤT BẢN THỜI ĐẠI

B51 - Lô 2 - Mỹ Đình 1 - Hà Nội - Việt Nam

Tel: (04) 62872617 - (04) 62872348 - Fax: (04) 62871730

Email: nxbthoidai@nxbthoidai.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh

Số 1101 Trần Hưng Đạo - P.5 - Q.5 - TP. Hồ Chí Minh

Tel: (08) 39225769 - Fax: (08) 39225770

E-mail: chinhanhhcm@nxbthoidai.vn - website: <http://nxbthoidai.vn>

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc: VŨ VĂN HỢP

Chịu trách nhiệm nội dung

Phó giám đốc: NGUYỄN THANH

Biên tập NXB: KHÁNH HOÀI

Vẽ bìa: BÙI NAM

Trình bày: VĂN CHƯƠNG

Sửa bản in: KHÁNH HOÀI

Mã ISBN: 978-604-942-047-4

In 1000 cuốn. Khổ 13 x 20,5cm. Tại Cty TNHH MTV in Báo Nhân Dân D20/532 P Ấp 4 xã Phong Phú. H. Bình Chánh.

Giấy đăng ký KHXB số: 391-2014/CXB/10-14/TĐ

Quyết định xuất bản số: 223/QĐ-NXBTĐ/CN78 cấp ngày 10/03/2014

In xong và nộp lưu chiểu quý 1 năm 2014.

NHIỀU TÁC GIẢ
Sưu tầm và biên soạn

MÃI MÃI LÀ BÍ ẨN

(Tập 11)



NHÀ XUẤT BẢN THỜI ĐẠI

10 BÍ ẨN THÚ VỊ NHẤT VỀ CÁC NỀN VĂN MINH...

HẦU HẾT CÁC NHÀ AI CẬP HỌC TIN RẰNG
TƯỢNG NHÂN SƯ SPHINX TRÊN CAO NGUYÊN
GIZA KHOẢNG 4.500 TUỔI. NHƯNG CON SỐ NÀY
CHỈ LÀ GIẢ THUYẾT CHỨ KHÔNG CÓ BẰNG
CHỨNG XÁC THỰC.

Những đường kẻ Nazca nổi tiếng được khắc trên một sa mạc cách thủ đô Lima của Peru 200 dặm về phía tây. Cao nguyên dài 58km, rộng 1,6km, với những đường kẻ và các khối hình khác nhau đã khiến giới khoa học đau đầu kể từ khi nó được phát hiện vào những năm 30 của thế kỷ trước...

1. TUỔI CỦA KIM TỰ THÁP VÀ TƯỢNG NHÂN SƯ SPHINX

Theo Robert Bauval, tác giả cuốn *"Tuổi của Sphinx"* thì "không hề có bất cứ ghi chép nào, thậm chí chữ khắc trên vách đá, bia mộ hoặc chữ viết trên giấy cội" gắn kết Sphinx với khoảng thời gian trên.

Vậy nó được xây dựng từ khi nào? Học giả John Anthony West đã phủ nhận con số 4.500 tuổi, ông đưa

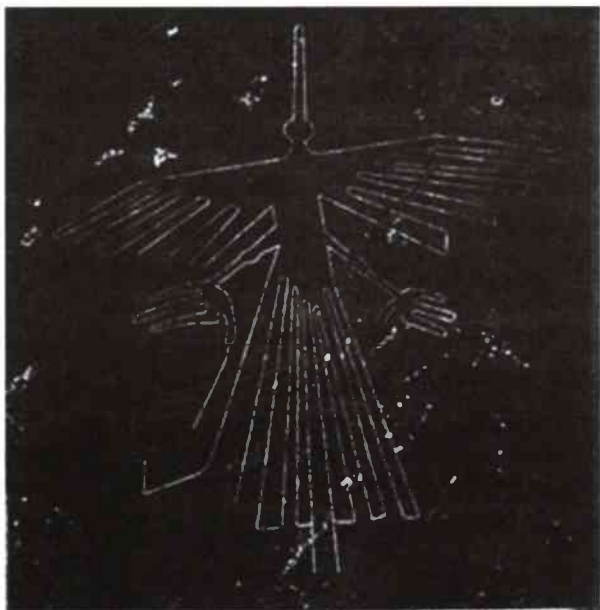
ra bằng chứng là chân tượng bị phong hóa theo chiều thẳng đứng mà nguyên nhân thì chỉ có thể là do ngâm lâu dưới nước (từ những trận mưa lớn).

Mưa lớn tại sa mạc là điều không tưởng trong khoảng thời gian đó và nó chỉ xảy ra cách đây 10.500 năm. Điều này có nghĩa là tuổi của Sphinx gấp hơn 2 lần so với con số 4.500 mà người ta vẫn nghĩ. Bauval và Graham Hancock ước tính Đại kim tự tháp Giza được xây dựng cách đây khoảng 10.500 năm trước Công nguyên - trước khi có nền văn minh Ai Cập. Câu hỏi đặt ra là: Ai đã xây dựng chúng và tại sao?

2. NHỮNG ĐƯỜNG KẼ NAZCA

Những đường kẻ Nazca nổi tiếng được khắc trên một sa mạc cách thủ đô Lima của Peru 200 dặm về phía tây. Cao nguyên dài 58km, rộng 1,6km, với những đường kẻ và các khối hình khác nhau đã khiến giới khoa học đau đầu kể từ khi nó được phát hiện vào những năm 30 của thế kỷ trước.

Những đường kẻ này rất thẳng, một số đường chạy song song với nhau, nhiều đường giao nhau khiến chúng trông như đường băng của một sân bay khi nhìn từ trên cao. Nhà văn Erich von Daniken đã từng viết trong cuốn sách *Chariots of the Gods* rằng chúng là những đường băng dành cho tàu vũ trụ của người ngoài hành tinh.



Thú vị hơn là những khối hình khổng lồ của 70 con vật được khắc trên mặt đất trong đó có một con khỉ, nhện và một con chim ruồi nằm giữa những con khác. Điều khó hiểu là những đường kẻ và khối hình này lớn đến nỗi người ta chỉ có thể nhận ra hình thù của chúng từ trên cao. Vậy tầm quan trọng của chúng là gì? Nhiều người tin rằng chúng được dùng cho mục đích thiên văn học trong khi một số khác lại cho rằng người xưa dùng chúng trong các nghi lễ tôn giáo. Một giả thuyết gần đây là các đường kẻ dẫn tới những nguồn nước quý giá. Cho đến nay vẫn chưa có lời giải đáp.

3. VỊ TRÍ CỦA LỤC ĐỊA ATLANTIS

Ngày nay có rất nhiều giả thuyết về lục địa Atlantis. Lục địa Atlantis từ lâu đã thu hút được sự quan tâm của rất nhiều nhà nghiên cứu khoa học trên toàn thế giới. Dựa trên những tài liệu đáng tin cậy, người ta đã xây dựng rất nhiều những giả thuyết khác nhau về lục địa này.

Mặc dù Atlantis được xem là đạt tới đỉnh cao vinh quang hơn 11 nghìn năm trước, nhưng nó chỉ xuất hiện trong thư tịch khoảng 2.350 năm trước, từ 359 đến 347 năm trước Công nguyên. Atlantis được nhà triết học Hy Lạp cổ đại lừng danh Plato miêu tả là một hòn đảo tuyệt đẹp và phát triển về khoa học công nghệ nhưng vị trí của Atlantis thì rất mơ hồ.



Thế nên nhiều người kết luận Atlantis không thật sự tồn tại. Những người cho rằng nó tồn tại thì đi kiếm tìm bằng chứng và manh mối trên mọi góc ngách của trái đất. Nhà tiên tri Edgar Cayce tiên đoán tàn tích của Atlantis nằm đâu đó gần quần đảo Bermuda. Năm 1969, những khối đá nhiều hình thù được tìm thấy gần đảo Bimini khiến người ta tin rằng lời tiên đoán của Cayce là đúng.

Người ta còn cho rằng lục địa Atlantis có thể được tìm thấy ở châu Nam Cực, Mexico, ngoài khơi nước Anh và thậm chí cả ngoài khơi Cuba.

4. LỊCH CỦA NGƯỜI MAYA

Có nhiều người hiện nay tin rằng, “ngày tận thế” của nhân loại trên Trái Đất chúng ta sẽ là ngày 21/12/2012. Niềm tin của họ dựa trên dấu tích lịch cổ của người Maya - một dân tộc từng sống ở Mexico thời cổ đại.

Người Maya vốn nổi tiếng về sự thông thái trong các lĩnh vực toán học và thiên văn học. Dựa theo chiếc cột vốn là lịch của người Maya, được các nhà khảo cổ tìm thấy tại Mexico, thì người Maya đã tính toán và xây dựng lịch cho tổng cộng... 5126 năm. Điều đặc biệt ở chỗ: ngày cuối cùng của bộ lịch cổ này chính là ngày 21/12/2012.

Theo đó, vào đúng ngày này thì phần trung tâm của dải Ngân Hà chứa Trái Đất của chúng ta sẽ tạo với Mặt Trời một đường thẳng lần đầu tiên trong 26 nghìn năm.

Điều này sẽ làm xáo trộn nguồn năng lượng từ Mặt Trời chuyển đến Trái Đất.

Nói cụ thể hơn, nguồn nhiệt của Mặt Trời vào thời điểm như vậy sẽ phóng ra cao hơn bình thường, có thể ảnh

hưởng mạnh đến môi trường sống trên Trái Đất.



Liệu Trái Đất của chúng ta có tan tác vào “ngày tận thế” 21/12/2012 hay không? Câu hỏi này vẫn đang được bàn cãi xuất phát từ một nguồn khác là những tài liệu lịch cổ của người Maya. Tài liệu cổ nhất còn giữ lại của nền văn minh này đã được các tu sĩ Tây Ban Nha dịch ra năm 1521 có nói về sự xuất hiện của quỷ dữ và “ngày tận thế”.

5. XÁC ƯỚP TẠI ‘HANG MA’

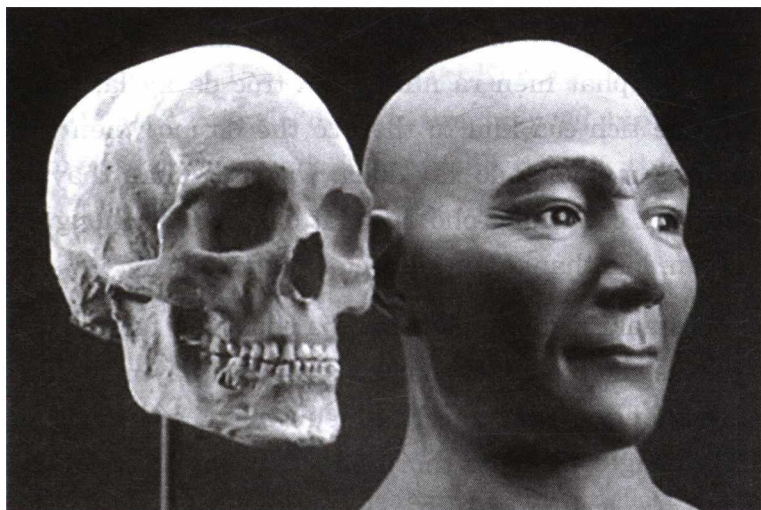
Năm 1940, hai vợ chồng nhà khảo cổ học Sydney và Georgia Wheeler tìm thấy một xác ướp tại ‘Hang Ma’, một hang động cách thành phố Fallon, bang Nevada (Mỹ) 15 dặm về phía đông.

Khi bước vào hang, họ phát hiện bộ hài cốt của 2 người được quấn bằng vải tuyền. Một bộ hài cốt được chôn

sâu hơn bộ kia, phần đầu và vai phải vẫn còn nguyên vẹn.

Với sự trợ giúp của người dân địa phương, Sydney và Georgia Wheeler đã đào được 67 cổ vật trong hang. Những cổ vật này được giám định tại bảo tàng bang Nevada, người ta ước tính chúng 1.500-2.000 tuổi. 54 năm sau, vào năm 1994, nhà nhân chủng học thuộc trường đại học California R. Ervin Taylor đã giám định lại 17 cổ vật trong 'Hang Ma' bằng phương pháp ghi phổ khối lượng.

Kết quả thật bất ngờ xác ướp có tuổi thọ vào khoảng 9.400 tuổi. Nghiên cứu thêm cho thấy xác ướp cổ nhất tại Bắc Mỹ này có những đặc điểm của người Aino, một chủng người da trắng sống ở vùng biển Bắc - Nhật Bản. Cho đến nay người ta vẫn chưa giải thích được mối liên hệ này.



6. NHỮNG CHUYẾN THĂM HIỂM CHÂU MỸ

Người ta đã tìm thấy những đồng xu La Mã và Hy Lạp, vật dụng bằng gốm của người Do Thái cổ và của người châu Á tại Mỹ và Mexico, tượng thần Isis và Osiris của người Ai Cập tại Mexico.

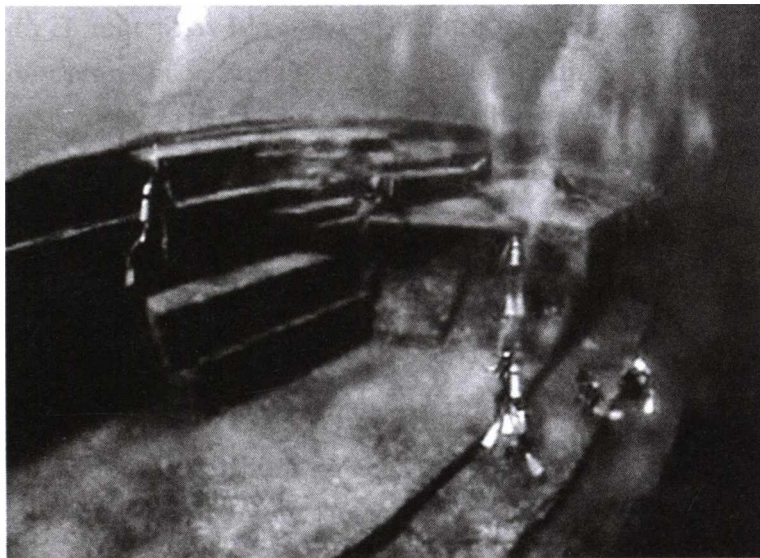
Ngoài ra còn có những dấu vết chứng minh sự hiện diện của người Ai Cập tại hẻm núi Grand Canyon. Những chuyến thám hiểm châu Mỹ cũng được nhắc đến trong thần thoại và văn học dân gian của nhiều dân tộc.

Tuy nhiên, cho đến nay chúng ta có được rất ít thông tin về những chuyến thám hiểm trước thời của Christopher Columbus.

7. TÀN TÍCH NGOÀI KHƠI NHẬT BẢN

Dưới độ sâu 30m ngoài khơi đảo Okinawa, các nhà khoa học phát hiện ra những cấu trúc đá kỳ lạ, trông như phế tích của kim tự tháp có thể do một “nền văn minh đã mất” nào đó xây dựng. Người ta nhận thấy sự hiện diện của đường phố được lát đá, giao lộ, những án thờ lớn, bậc thang dẫn tới các quảng trường...

Masaaki Kimura, một nhà địa chất biển tại Đại học Ryukyus cho biết: “Tôi sửng sốt khi nhìn thấy một chiếc cổng khổng lồ được xếp từ nhiều tảng đá lớn tương tự như những công trình thời tiền sử thường thấy tại các thành phố của người Inca”.



Các nhà khoa học phát hiện ra những cấu trúc đá kỳ lạ, trông như phế tích của kim tự tháp ngoài khơi đảo Okinawa, Nhật Bản

Trong hơn 15 năm, Masaaki Kimura đã lặn xuống khu vực này để đo đạc và tìm hiểu sự hình thành của nó. Nhiều người phỏng đoán đây có thể là lục địa Lemuria.

8. LỤC ĐỊA LEMURIA

Lemuria, hay còn gọi là Mu, một lục địa tồn tại ở Thái Bình Dương cùng khoảng thời gian với Atlantis, dường như đã bị quên lãng, cho dù nó chính là đối cực tinh thần với Atlantis. Theo truyền thuyết của thổ dân



Nếu thế giới Mu thật sự tồn tại, thì nó nằm ở đâu?

trên nhiều hòn đảo, thiên đường nhiệt đới Mu nằm đâu đó ở vùng biển Thái Bình Dương nhưng đã bị nhấn chìm cùng với công dân của nó nhiều nghìn năm trước.

Người Lemuria tin rằng, chủ nghĩa duy vật không quan trọng, thay vào đó, họ chú ý nhiều hơn tới chữa bệnh, nghệ thuật, âm nhạc và tâm linh. Cho đến nay người ta vẫn tranh cãi liệu thế giới Mu có thật sự tồn tại, nếu có thì nó nằm ở đâu?

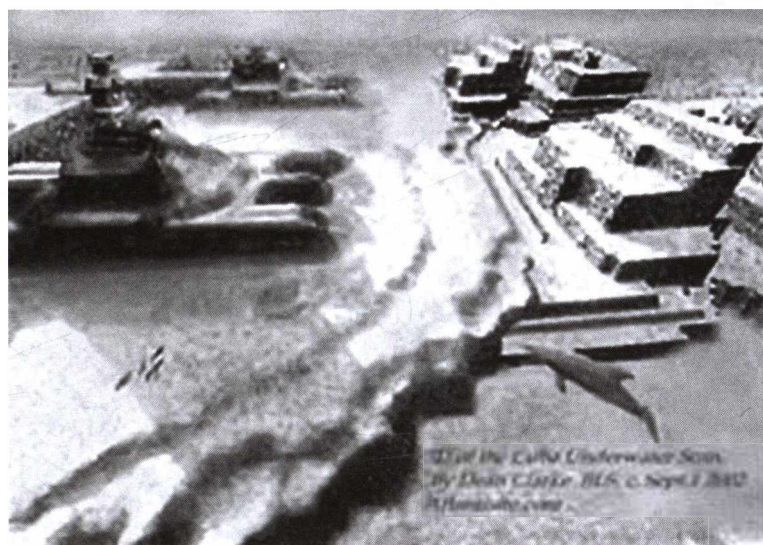
9. THÀNH PHỐ CHÌM NGOÀI KHƠI CUBA

Tháng 5/2001, Công ty truyền thông kỹ thuật số *Advanced Digital Communications* (ADC) của Canada

đã có một phát hiện thú vị trong khi đang thám hiểm đáy biển thuộc lãnh hải Cuba. Thiết bị định vị siêu âm dưới nước đã chụp được các bức ảnh về những khối đá có cấu trúc đối xứng, trông giống tàn tích của một thành phố.

Paul Weinzwieg, thuộc công ty ADC cho hay: “Tự nhiên không thể tạo nên những khối đá cân nhau đến vậy, chắc chắn không phải bàn tay của tự nhiên nhưng chúng tôi vẫn chưa biết nó là cái gì”.

Những cuộc thăm dò sau này thu hút nhiều sự quan tâm của thế giới trong đó có kênh truyền hình National Geographic. Năm 2003, một nhóm nghiên cứu đã gửi

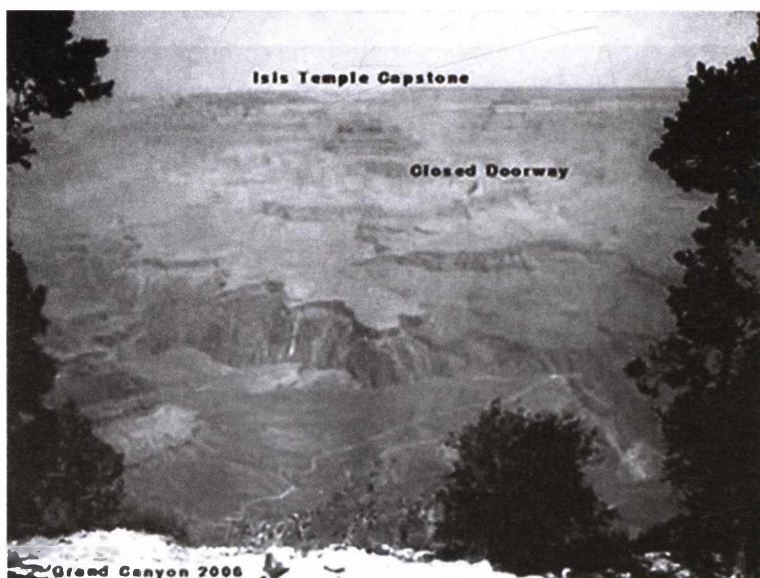


Thành phố chìm ngoài khơi Cuba? Đây vẫn là câu hỏi chưa có lời giải đáp.

một chiếc tàu ngầm nhỏ xuống để thăm dò những công trình của “một trung tâm đô thị lớn”. “Tuy nhiên chúng tôi vẫn chưa có đủ bằng chứng để khẳng định đây là một thành phố”, Paulina Zelitsky nói.

10. NHỮNG KHO BÁU CỦA NGƯỜI AI CẬP TẠI HÈM NÚI GRAND CANYON

Ngày 5/4/1909, tờ *Arizona Gazette* đăng tải một bài báo có tựa đề: “Thám hiểm Grand Canyon: Những phát hiện đột phá minh chứng người cổ đại di cư từ phương Đông”. Theo bài báo, chuyến thám hiểm do Viện Smithsonian tài trợ đã tìm ra nhiều cổ vật khẳng định



Bản đồ dẫn tới kho báu được cất giấu tại hẻm núi Grand Canyon

sự tồn tại của các kho báu được cất giấu tại hẻm núi Grand Canyon.

Bên trong một hang động, người ta tìm thấy các phiến đá có khắc chữ tượng hình, các công cụ và vũ khí bằng đồng, tượng các hoàng đế Ai Cập và các xác ướp. Cho đến nay vẫn chưa có ai khẳng định được tính xác thực của bài báo vì người ta không thể xác định được vị trí của hẻm núi Grand Canyon. Nhiều người cho rằng đây chỉ là tin đồn nhảm, một số người lại cho rằng một thế lực nào đó đã xóa dấu vết đường vào kho báu Ai Cập.

VƯỜN ĐỊA ĐÀNG

VƯỜN ĐỊA ĐÀNG LÀ NƠI DUY NHẤT TRÊN TRÁI ĐẤT, NHƯNG KHÔNG CÓ SINH VẬT NÀO BIẾT ĐƯỢC ĐỊA ĐIỂM CHÍNH XÁC CỦA NÓ NẪM Ở ĐÂU. TRONG THỜI GIAN SAU NÀY... CHÚA SẼ TIẾT LỘ ĐƯỜNG ĐẾN VƯỜN ĐỊA ĐÀNG.

MỘT CÂU NÓI BÍ ẨN CỦA GIÁO SĨ DO THÁI

Chưa ai biết được Vườn địa đàng trong Kinh Thánh có con sông tạo ra sự sống chảy ngang qua nằm ở đâu. Sách Sáng thế bảo rằng “Chúa đã trồng một khu vườn về phía đông Vườn địa đàng” (Genesis 2: 8), nhằm ám chỉ vùng đất cổ xưa ở miền Nam Iraq gọi là Xứ Sumer và Akkad. Qua nhiều thế kỷ, nhiều người đi tìm khu vườn nổi tiếng này, nhưng không hề tìm thấy. Cũng có nhiều truyền thuyết tương tự xuất phát từ Sumer, mặc dù không có ý nghĩa tội lỗi và trừng phạt theo cách giải thích trong Kinh Thánh Hebrew (nguyên bản Cựu ước bằng tiếng Hebrew). Những nhà thần học sau này, từ St Paul trở về sau, cho rằng Vườn địa đàng là một nơi nhận phần thưởng từ trên trời chứ không phải là thiên đàng hạ giới (2 Corinthians 12: 3).

Hình vẽ Vườn địa đàng trong Kinh Thánh như một Thiên đàng hạ giới hay Vườn vui thú, với Chúa, Chúa Cha và Chúa Ki-tô vua, ban phúc cho Adam và Eve từ thiên đàng. Hành tinh nằm trong hình cầu chia trời và đất.

VƯỜN Ở AI CẬP VÀ VÙNG CẬN ĐÔNG

Ý tưởng về khu vườn ăn sâu trong tinh thần người Semite - có lẽ như một phản đề với phong cảnh khô nứt bao quanh các khu vực canh tác nơi họ sinh sống. Có được miếng ăn từ phần lớn vùng Cận Đông bất đắc dĩ quả thật là một công việc đầy gian khó. Khu vực mệnh mông này luôn là vùng có sự tương phản rõ nét: ốc đảo đất đai màu mỡ, nước thừa thãi, được cư dân chăm chút cẩn thận, tồn tại ngay giữa sa mạc khô hạn. Thung lũng sông rất phì nhiêu như sông Tigris và Euphrates, chảy qua Thổ Nhĩ Kỳ, Syria và Iraq, và sông Nile ở Ai Cập hoàn toàn tương phản với đám bụi mù của các đồng bằng khô cằn và hoang mạc đầy cát phía bên kia. Không có nước không có gì tồn tại - động, thực vật hay con người. Dọc theo vùng duyên hải, đất không thể trồng trọt được trừ phi có giếng hay các con suối chảy thành dòng để tưới cây. Mưa ở đây là chuyện hoàn toàn không thể đoán trước được, ngay cả nông nghiệp dựa vào thủy lợi cũng do nguồn cung cấp nước định đoạt. Trong thung lũng sông Nile, giấc mơ của một pharaoh mơ bảy năm sống dư dả sau đó đói kém bảy năm nữa (Genesis 41: 1-4), phản ánh một tình thế rất thật ở Ai Cập vẫn tồn tại dai dẳng đến giữa thế kỷ 20 khi

xây xong đập Aswan. Một chuyển dã ngoại trong vườn, trích từ bản vẽ tay Ba Tư đầu thế kỷ 16 sau CN, người Ba Tư cung cấp cho thế giới ý tưởng Thiên đàng, từ một từ mang nghĩa “khu vườn”.

Vì thế ý tưởng về một khu vườn đều đáng trân trọng ở vùng Cận Đông trong hàng thiên niên kỷ. Chính cái tên “Địa đàng” liên tưởng đến một từ trong tiếng Akkadia edinu có nghĩa “một đồng bằng” hay có thể liên tưởng đến một từ tiếng Hebrew có gốc từ mang nghĩa “vui thú” hay “dễ chịu”, vốn từ các thời điểm lâu đời nhất đều liên kết với ý tưởng Thiên đàng. Từ “Thiên đàng” của chúng ta bắt nguồn từ tiếng Ba Tư cổ apiri-daeza có nghĩa là một khu vườn, sau này trở thành pardes trong tiếng Hebrew, và paradeiseos trong tiếng Hy Lạp. Trong bản dịch Kinh Thánh bằng tiếng Hy Lạp, từ lần đầu tiên được sử dụng để ám chỉ Vườn địa đàng, sau đó dành để gọi tất cả các khu vườn và công viên giải trí chẳng hạn như khu cung điện phức hợp xây dựng trong các khu vườn có đủ hệ thống nước tưới cùng hồ bơi và công trình thủy mà vua Herod xây dựng ở Jeri-cho vào thế kỷ 1 tr. CN.

Một bể bơi trong khu vườn của Nebamun, trong phần mộ của ông thuộc vương triều thứ 18 của Ai Cập. Bao quanh bể bơi là cây cối để tạo bóng mát.

Các nhà vua và giới quý tộc Ai Cập thường xây các khu vườn có nước tưới để trồng cây ăn trái và rau quanh

nhà, cá nuôi dưới hồ làm thức ăn, ngoài ra cảm thấy dễ chịu vào giữa trưa. Người ta đề cập đến một khu vườn như thế trong Kinh Thánh Hebrew trong khu vực nằm giữa hai bức tường đôi bảo vệ Jerusalem (2 Kings 25: 4). Khu vườn này có thể giống như khu vườn của vua Uzziah đề cập trong 2 Kings 21: 18. Nơi khác thuộc vùng Cận Đông cổ đại hoàng gia cũng xây dựng vườn địa đàng như các khu vườn trong cung điện của xứ Assyria và Babylon. Một số vua cũng lập ra các khu công viên rộng mênh mông để nuôi động vật hoang dã, nhưng không quan tâm nhiều đến việc bảo tồn mà chủ yếu là để săn bắn tất cả các loại thú nhập khẩu, được chăm sóc đặc biệt - nổi tiếng nhất là sư tử do Assurbanipal (668-627 tr. CN) săn được mô tả trên các tác phẩm chạm nổi trong cung của ông ở Nineveh. Tác phẩm chạm nổi khác cũng hình vị vua này cùng hoàng hậu đang thiết tiệc trong một nhà nghỉ có trồng nho cùng với các loại cây xa xỉ khác trong khu vườn cung điện của ông. Một khu vườn, có lẽ do Sennacherib (704-681 tr. CN), xây dựng, được mô tả trong một tác phẩm chạm nổi khác ở Nineveh, với hệ thống kênh đào tưới nước theo hình chữ chi lấy nước từ các cống dẫn do nhà vua xây dựng để mang nước tưới các mảnh đất trồng rau, vườn cây ăn quả và công viên của thành phố, từ núi Zagros cách Nineveh khoảng 80 km (50 dặm) về phía đông.

Assurbanipal, vua xứ Assyria, thiết tiệc trong khu vườn cung điện. Tác phẩm chạm nổi ở cung điện Nineveh, thế kỷ 7 tr. CN.

VƯỜN TREO BABYLON

NGÔI VƯỜN NỔI TIẾNG NHẤT TRONG SỐ
TẤT CẢ LÀ VƯỜN TREO BABYLON - NỔI TIẾNG
THẬM CHỈ VÀO THỜI CỔ ĐẠI NHỮNG “KHU
VƯỜN VUI THÚ” NÀY (MỘT CÁCH DỊCH THÍCH
HỢP CỦA “VƯỜN ĐỊA ĐÀNG”) LÀ MỘT TRONG
BẢY KỲ QUAN THẾ GIỚI CỔ ĐẠI.

Theo truyền thuyết, do vua xứ Babylon là Nebuchadnezzar (604-562 tr. CN) xây dựng để tặng vợ tên Amyitis, người Media, vốn đang tiêu tụy vì nhớ các ngọn núi nhiều cây ở quê nhà. Đầu thế kỷ 20, nhà khảo cổ người Đức Robert Koldewey nghĩ rằng ông đã tìm thấy phần móng của khu vườn này, ông hình dung giống như một loại tháp đền xây dựng trên dải đất bằng tạo bậc trồng nhiều loại cây. Gần đây hơn, nghiên cứu khảo cổ nhận dạng khu vực phía bắc cung điện nơi có nhiều dải đất bằng tạo bậc khổng lồ có hệ thống nước tưới trồng các loại hoa và thảo mộc khác phục vụ nhà vua, hoàng gia và người tùy tùng. Thật thú vị, khu vực này nằm giữa các bức tường của cung điện đúng ở góc tây bắc của thành Babylon và các bức tường công sự phụ ở hướng bắc. Có



thể địa điểm khu vườn hoàng gia trước kia nằm trong khu vực giữa các bức tường đôi phòng thủ của thành phố, gần với cung điện, như ở Jerusalem.

Mặt tiền tái tạo của căn phòng có ngai vàng của Nebuchadnezzar. Babylon, nhiều cây cọ và cây bụi thế kỷ 6 tr. CN.

Adam và Eve, do Masolino và Masaccio vẽ vào thế kỷ 15. Lưu ý đầu rắn có hình dạng giống hệt đầu phụ nữ.

Một con dấu hình trụ của người Mesopotamia, có hai người ngồi ở hai bên một cây thiêng - bên phải là nữ thần, có kiểu tóc búi sừng. Phía sau mỗi người là một con rắn, báo trước câu truyện Vườn địa đàng?

Ý TƯỢNG ĐỊA ĐÀNG

Các khu vườn hoàng gia thuộc Cận Đông cổ đại là sự gợi nhớ thật sự về một giấc mơ huyền thoại. Hình ảnh Vườn địa đàng trong Kinh Thánh là hình ảnh của một thiên đàng hạ giới hay trên thiên đường đối với nhân loại đều khao khát như một nơi yên nghỉ. Trong nền văn minh phương Tây, Vườn địa đàng liên quan đến các khái niệm về một “thời đại hoàng kim”, “đảo nhỏ Hạnh phúc”, “Quần đảo hưởng phước” và “cánh đồng Elysian” cùng nhiều nhóm từ tương tự khác. Khái niệm Arcadia yên bình, hạnh phúc chúng ta vẫn thấy rất dai dẳng.

Trong Kinh Thánh, Vườn địa đàng là một nơi yên bình, hạnh phúc, thuộc về một thời đại yên bình, hạnh phúc, nơi đây con người nói chuyện với Chúa như bạn bè. Sau đó chúng ta trưởng thành. Khi quả của Cây hiểu biết giúp chúng ta nhận thức thực tại về thân thể của mình, chúng ta đã trở thành con người hoàn toàn. Chúng ta hiểu mình phải làm việc để sống, và bệnh tật, thói xấu, nghèo đói và cái chết đuổi theo mọi người. Chân lý trong truyện ngụ ngôn rất thâm thúy và tác động đến tình cảm, tâm hồn con người. Ngày nay chúng ta sẵn sàng nhận thức rằng Vườn địa đàng chỉ có vị trí trong tình cảm của chúng ta, nơi ý nghĩa của một câu chuyện thần thoại mang tính tượng trưng lại mạnh hơn cả thực tế cụ thể.

BÍ ẨN THỜI KỲ ĐỒ ĐÁ

BÒ RỪNG ĐA SẮC ALTAMIRA, BÒ ĐỤC KHỔNG
LỒ LASCAUX, TÊ GIÁC TRONG HANG CHAUVET:
NHỮNG CƯ DÂN TRONG THỜI KỲ ĐỒ ĐÁ THUỘC
THỜI KỲ BĂNG HÀ MUỘN LUÔN LÀ ĐỀ TÀI
QUYẾN RỦ XƯA NAY BẮT ĐẦU BẰNG CÁC PHÁT
HIỆN VỀ NGHỆ THUẬT CRO-MAGNON CÁCH
ĐÂY MỘT THẾ KỶ.

Chúng ta đạt nhiều tiến bộ từ các bản in đã bị bào mòn khá nhiều của thời kỳ ấy: con người sống trong hang động lấy da thú che thân, trang bị dùi cui để săn hổ rừng kiếm, trong khi người Neanderthal hung bạo vung về vượt qua phong cảnh đầy tuyết Thời kỳ băng hà. Nhờ khảo cổ, di truyền học và biết bao phương pháp khoa học khác, chúng ta biết đến xã hội Thời kỳ đồ đá với chi tiết đáng ngạc nhiên về cách sống, công nghệ, di chuyển theo mùa phức tạp, thậm chí một số vấn đề về niềm tin tôn giáo. Thế nhưng chúng ta càng biết nhiều hơn, thì càng có thêm nhiều cuộc tranh luận.

Một trong những tranh luận sôi nổi nhất là nguồn gốc giống người của chính chúng ta hiện thời *Homo sapiens sapiens*. Có phải các nhà di truyền thể hạt sợi đã đúng khi lập luận rằng chúng ta có nguồn gốc ở Châu Phi nhiệt đới, rồi sau đó phát triển rộng khắp Cựu thế giới, sang Châu Mỹ vào Thời kỳ băng hà muộn? Hay người hiện đại tiến hóa ở nhiều vùng khác nhau như một số học giả nồng nhiệt tin tưởng?

Cho dù nguồn gốc xuất xứ từ đâu đi nữa, thì chúng ta thường giả định rằng mình thuộc họ người đầu tiên có khả năng lập luận logic và chuyện trò lưu loát. Chúng ta nêu rõ sự xuất hiện đột ngột của các truyền thống nghệ thuật cách đây khoảng 30.000 năm, đến sự thích nghi mới phức tạp với môi trường băng giá. Người Neanderthal và các giống người cổ đại khác thường được cho là người nguyên thủy, ít tiến bộ nhất, nhưng chúng cứ cho thấy họ là giống người thông minh, hung bạo ngày một nhiều, họ phải có một hình thức ngôn ngữ. Chúng ta cũng không chắc điều gì đã xảy ra cho họ khi loài người hiện đại định cư trong lãnh thổ của họ. Khám phá khảo cổ gần đây không hẳn cho phép chúng ta giả định họ bị tuyệt chủng nhanh chóng.

Khi người hiện đại phát triển khắp thế giới, họ vấp phải các trở ngại khủng khiếp và thách thức của môi trường. Các khám phá gần đây đưa ra các câu hỏi thú vị như các nhóm người trong Thời kỳ đồ đá từ Đông Nam

Á vượt biển đến định cư ở New Guinea, Châu Úc và quần đảo Solomon vào lúc nào. Cũng như đối với Châu Mỹ, nhiều cuộc tranh luận xoay quanh ai là người định cư đầu tiên, họ đến vùng đất hoang chưa dấu chân người này khi nào. Vấn đề này lại gây tranh cãi đặc biệt ở Bắc Mỹ, nơi phát hiện ra người Kennewick, một số



Các tảng đá vẫn còn ở Ballochroy, ngọn đồi Jura, Kintyre, Scotland phía sau. Tại sao người ta dựng thẳng các tảng cự thạch như thế?

học giả xác nhận thi thể này thuộc họ người Caucasoid (núi Caucasus, Nga), tạo ra nhiều người Mỹ đầu tiên và đạo đức học trong nghiên cứu cách mai táng của người Mỹ bản xứ. Tác động của con người đến môi trường tự nhiên là một vấn đề đương đại khác. Thú lớn - toàn bộ hệ động vật lớn - đã bị tuyệt chủng ở mỗi lục địa khi con người đặt chân đến. Liệu con người là nguyên nhân hay do các nguyên nhân khác?

Cách đây khoảng 12.000 năm, các xã hội trồng trọt đầu tiên đã có mặt ở Đông Nam Á vào thời khô hạn khắc nghiệt. Trong tài liệu này, vấn đề này đưa ra như một trong những bí ẩn lớn của Thời kỳ đồ đá - tại sao con người lại đột nhiên thay đổi từ lục lọi, tìm tòi sang

trồng trọt? Cuộc tranh luận gồm vô số các yếu tố, trong số này là sự thay đổi khí hậu đột ngột, gia tăng dân số, cuộc sống và công nghệ khiến con người ít di chuyển. Nhưng mọi người đều đồng ý với nhau một điểm. Việc trồng trọt và nuôi gia súc đã thay đổi các quy tắc sinh tồn của con người, tác động rất lớn đến mối quan hệ của chúng ta với môi trường. Chu kỳ gieo trồng và thu hoạch bất tận, sống và chết, đã tạo ra mối quan hệ mới, mật thiết giữa con người với vùng đất tiền nhân.

Một số bí ẩn thú vị nhất trong Thời kỳ đồ đá liên quan đến tiền nhân và các vị nữ thần mẹ. Các tảng cự thạch ở Tây Âu bao gồm các vòng tròn bằng đá và nhiều nơi mai táng cộng đồng, nhưng chức năng chính xác của các công trình này vẫn còn tranh luận, nhất là khả năng có thể dùng làm đài quan sát thiên văn, đánh dấu các ngày đông, hạ chí cùng các sự kiện xảy ra theo chu kỳ khác. Stonehenge ở miền nam nước Anh được ví như một ngôi giáo đường thời tiền sử, một công trình tưởng niệm phức hợp qua nhiều thế kỷ phát triển nhiều lần. Công trình này tạo ra biết bao tranh luận dai dẳng về cách thức xây dựng cũng như nhân lực xây dựng một công trình kỳ diệu như thế.

Hầu hết những người Châu Âu, đa số người Tây và Nam Á đều nói các ngôn ngữ thuộc về một họ ngôn ngữ độc nhất, bắt đầu lan tỏa khắp Âu Á trong Thời kỳ đồ đá mới hay Thời kỳ đồ đồng. Thế ngôn ngữ này xuất



Hình vẽ một con ngựa hoang trên vách đá hang Lascaux ở Pháp. Ý nghĩa của các bức họa như thế gây nhiều tranh luận và có nhiều giả thuyết khác nhau.

phát từ đâu? Vấn đề nguồn gốc của các ngôn ngữ Ấn-Âu đã được dò tìm theo nhóm ra sao qua các ghi chép khảo cổ. Khảo cổ học thường giải quyết với các nhóm ẩn danh như thế, chứ không giải quyết cá nhân. Hiếm khi giới khảo cổ may mắn tìm được thi thể của một người, như Otzi, người Tuyết, thi thể có trang phục đầy đủ bị đông cứng tìm thấy trên đỉnh núi Alps, anh ta bỏ mạng nơi đây, có lẽ do bị vút bỏ, cách đây hơn 5.000 năm. Y học hiện đại cho chúng ta biết về sức khỏe của người Tuyết còn nhiều hơn anh ta biết về chính mình, nhưng thi thể lại không trả lời câu hỏi hóc búa: anh ta đã làm gì ở độ cao như thế trên đỉnh Alps? Lời đáp cho câu hỏi này, cùng nhiều bí ẩn khác của quá khứ, sẽ đưa chúng ta vào một thế giới mơ hồ, lúc nào cũng khó giải mã qua các chứng cứ khảo cổ.

BÍ ẨN CỦA NGHỆ THUẬT KHẮC HỌA ĐÁ

TÁC PHẨM ĐIÊU KHẮC VÀ TRANH HỌA NẾU
NHƯ XUẤT HIỆN CÙNG LÚC, CÁC MINH HỌA
DIỄN HÌNH NHẤT CŨNG ĐẠT ĐẾN MỨC ĐỘ
XUẤT SẮC ĐẾN NỖI NHỮNG NGƯỜI KHÁM PHÁ
NHIỆT THÀNH CHO RẰNG TRONG MỘT SỐ
PHƯƠNG DIỆN CHÚNG TỎ RA HƠN HẸN CÁC
TÁC PHẨM CỦA NGƯỜI HY LẠP.

W.J. SOLLAS, 1911

Hầu hết chứng cứ khảo cổ của chúng ta không chỉ bao gồm vàng lấp lánh mà còn mảnh vụn, đồ vật hư hỏng hay bỏ đi do bị mòn, vỡ hay không dùng đến. Các học giả biên soạn tất cả sách về các bộ sưu tập các mảnh gốm vỡ nhưng không tận mắt chứng kiến một minh họa hoàn hảo riêng lẻ của các vật hình thuyền mà họ đang mô tả, sau đó cố sức tái tạo công việc của người thợ gốm. Trái lại, nghệ thuật khắc họa đá gà một ghi chép trực tiếp: đây là những bức tranh từ quá khứ bảo tồn cho chúng ta một hình ảnh về người cổ đại đã từng

trái như thế nào trong thế giới của riêng mình. “Tùng trái” là từ dùng chính xác hơn “chứng kiến” vì sự từng trái định dạng những gì mà con người nhìn thấy và để ý và những gì nên bỏ qua.

Mặc dù chính nghệ thuật Thời kỳ băng hà trong các hang động ở Pháp và Tây Ban Nha là nổi tiếng nhất, nhưng đa số nghệ thuật khắc họa đá có niên đại muộn hơn, rải rác nhiều hơn trên khắp thế giới và được tìm thấy trên các bề mặt lộ thiên hay được bảo vệ sơ sài chứ không phải nằm sâu trong các hang động. Nơi nào có đá, nơi ấy đều có nghệ thuật khắc họa. Phần lớn các vùng có nghệ thuật khắc họa đá nổi tiếng nhất trên thế giới - bán



Các tảng sa thạch ở Châu Úc mang một trong những kho báu nổi tiếng nhất của nghệ thuật khắc họa đá. Đây là hình chuột túi (kangaroo) thời cổ đại vẽ trên hoàng thổ, Công viên quốc gia Kakadu, Bắc Úc.

đảo Scandinavia, miền viễn tây nước Mỹ, vùng xa xôi hẻo lánh ở Châu Úc, các dãy núi giữa sa mạc Sahara về mặt tự nhiên là những vùng núi đá lởm chởm có nhiều đá lộ thiên. Đồng thời, sự phân bố nghệ thuật khắc họa đá cũng thất thường, trong cách ngụ ý các mẫu gây ấn tượng ở thời cổ đại: như trong nghệ thuật khắc họa Alps, cả triệu hay hai hình chỉ có trong hai thung lũng Bắc Ý - Valcamonica và Valtellina - và khoảng 30.000 hình khác chỉ trên một dãy núi của Pháp, dãy Bego, trong khi phần dãy núi còn lại chỉ có khoảng vài ngàn hình.

NGHỆ THUẬT KHẮC HỌA ĐÁ CỦA NGƯỜI SĂN BẮN

Thế người ta mô tả những gì? Hình vẽ rất đa dạng: hình chuột túi và thú lông nhím ở Úc, linh dương ở nam Châu Phi, gấu và tuần lộc ở Na Uy. Nhưng luôn có sự nhất quán trong nghệ thuật khắc họa đá của người săn bắn. Động vật gần như luôn chiếm đa số, có sự chọn lựa cân nhắc trong tác phẩm: không phải chỉ có một loài phổ biến nhất trong cảnh quan cổ đại, hay loài mà người ta tìm thấy xương ở các di chỉ khảo cổ đương đại. Vì thế có sự chọn lựa động vật mang ý nghĩa khác. Trái lại, hiếm thấy hình thực vật (nhưng thực vật khó nhận thấy hơn các hình động vật dễ phân biệt) - mặc dù chúng ta biết người săn bắn-hái lượm sống dựa vào thực vật nhiều hơn động vật. Hình vẽ cảnh quan chưa thấy có trong thực tế. Thế lý do tại sao?



Những hình vẽ cừu hoang này được khoét vào bề mặt đá bazan ở rặng núi Coso, gần thung lũng Chết, California, Mỹ.

Sự hiểu biết về các dân tộc săn bắn-hái lượm hiện sống ngày nay hay những người còn sót lại trong các thời kỳ lịch sử sẽ cung cấp manh mối. Nhiều người săn bắn-hái lượm quan tâm đến một số loại động vật đặc biệt - gấu ở vùng Bắc Âu, Bắc Á; linh dương ở dân tộc San, vùng Drakensberg, Nam Phi; cừu hoang ở sa mạc khô cằn đông nam California - và đây là những động vật được vẽ. Một số động vật được kết hợp với kinh nghiệm tưởng tượng, đôi lúc chúng ta hiểu ý nghĩa của chúng: cừu hoang ở California có liên quan đến việc tạo mưa, tìm thấy ở các dãy núi gần thung lũng Chết, nơi khô hạn nhất ở Bắc Mỹ.

Sự hiểu biết tưởng tượng, bao gồm trạng thái xuất thần và kiến thức đặc biệt cũng như kỹ năng của “giới pháp sư” hay “những người thông minh” rất phổ biến trong các xã hội săn bắn-hái lượm hiện đại, vì thế cho rằng điều này đã xảy ra trong các xã hội săn bắn-hái lượm thời xa xưa là suy nghĩ hợp lý.

Việc luôn nhấn mạnh đến một loài động vật cũng biểu thị niềm tin tôn giáo như thế, và trong các cách khác cảm giác của trạng thái xuất thần - trạng thái không trọng lượng, “bay bổng”, phiêu diêu, khác với cái chết - được thể hiện bằng phép ẩn dụ thị giác. Có lẽ đây là ý nghĩa của hình vẽ “Con người năng động” thời cổ đại ở Bắc Úc. Việc đặt nghệ thuật khắc họa đá vào hang động - vào Thời kỳ đồ đá cũ ở Châu Âu thời kỳ băng hà cũng như đông nam nước Mỹ và các vùng đất của người Maya – cũng mang các ý nghĩa này, vì những nơi dưới đất tăm tối, khó vào như thế thường được xem là những nơi gặp gỡ thế giới bên kia.

Ở phương Tây ngày nay, hầu hết chúng ta ít nghĩ đến thế giới thần linh – chúng ta không tin chuyện thần



Một “Con người năng động, một tay cầm hai boomerang, đầu đội khăn, với “khung áo lót phụ nữ” phun ra phía sau, ở Western Arnhem Land, Bắc Úc.

linh hay sinh vật có hình dáng giống con người đang sống trong số chúng ta. Nhưng khi phải tiếp cận trực tiếp để tìm hiểu về nghệ thuật khắc họa đá, chúng ta thường phát hiện hình vẽ động vật, chim trông không có vẻ gì mang tính siêu nhiên. Một hình vẽ có thể là hình của một con nai, nhưng cũng chính là sinh vật thuộc thế giới thần linh chứ không còn là một thực thể nơi trần thế nữa. Do đó, khi quan sát các hình vẽ lịch sử, chúng ta nên hiểu theo hai cách. Ở một cấp độ, chúng ta chỉ hiểu đó là hình ảnh theo vẻ ngoài: hình gấu, cá voi và cá bơn halibut cho chúng ta biết các loài này được tìm thấy trong môi trường đương đại, dân cư thời ấy đều biết chúng. Nhưng mặc khác không nên nghĩ cá voi là một động vật thuộc sinh học mà còn chuyển tải một ý nghĩa quan trọng hơn.

Ý nghĩa tương tự cũng áp dụng cho các hình chúng ta cho là “theo thuyết hình người” - vẽ bằng hình thức con người. Trong khi hình mang dạng người, đồng thời hình ảnh này cũng thuộc về thế giới thần linh. Hoặc không hoàn toàn xếp vào một loại: Đức Mẹ đồng trinh trong sự mô tả bằng tranh



Hai “Hình năng động” tương tác:
bên phải là một người, bên trái
là một sinh vật đầu thú,
Djuwarr, Lãnh thổ phía bắc, Úc.



Hình nửa người nửa thú kết hợp các yếu tố con người với các yếu tố động vật – linh dương trong ví dụ này tìm thấy ở dãy Drakensberg, Nam Phi.

tượng của đạo Cơ Đốc “chỉ” là hình ảnh của một phụ nữ trẻ - nhưng lại mang nhiều ý nghĩa thiêng liêng vượt quá thể xác cụ thể.

Khi hình ảnh chọn hình dạng chỉ một phần là hình người, chúng ta chắc chắn hình ảnh này vượt quá ý mô tả đơn thuần. Như hình “Nữ thần nước” chẳng hạn, sống dưới nước, nhận chìm con người cho đến chết, được mô tả trong nghệ thuật khắc họa đá vùng lưu vực Bighorn, Wyoming. Motif trong nghệ thuật khắc họa đá mang đặc trưng và khó hiểu liên kết với thế giới thần linh gọi là “therianthrope” - một hình ảnh đơn giản kết hợp con người và các yếu tố động vật - ở Nam Phi, hình người có

dầu và móng linh dương, hay ở Úc hình người có đầu một con cáo bay (fruit-bat). Hình nửa người nửa thú thường được mô tả cùng với hoặc tương tác với các mô tả “con người đơn giản”. Có lẽ những hình như thế là con người có liên quan đến các động vật thần linh hoặc bản thân người ấy phải là sinh vật thần thánh - dữ, hiền, trung lập, nguy hiểm hay thiêng liêng, hay tất cả - đều có thể xảy ra khi chọn hình người.

NGHỆ THUẬT KHẮC HỌA ĐÁ CỦA SỐ NÔNG DÂN ĐẦU TIÊN

Như chúng ta nhìn thấy hình vẽ trong nghệ thuật khắc họa đá, thế giới và sự từng trải của cư dân nông nghiệp khác hẳn với thế giới và sự từng trải của những người săn bắn-hái lượm. Vì thế ở Châu Âu, nghệ thuật khắc họa đá của người săn bắn-hái lượm thuộc Thời kỳ băng hà sau này đã có hình ảnh khác hẳn với Thời kỳ đồ đá mới và đồ đồng, phần lớn khoét vào các bề mặt đá phẳng, ngoài trời chứ không vẽ trong hang động hay nơi trú ẩn. Các cải tiến cũng như đồ tạo tác trong cách sống mới này đáng chú ý: cày, bò kéo cày, dao găm bằng kim loại và kích, thuyền, nhà gỗ. Nhưng lần này cũng có sự chọn lựa cân nhắc. Trên núi Alps, motif đặc trưng trong nghệ thuật khắc họa đá là kích, một loại rìu hiếm khi được ghi chép trong ngành khảo cổ. Vì thế chúng ta hiểu rằng kích là một vật thể đặc biệt, nhưng không



Nghệ thuật họa khắc đá của nông dân ban đầu phản ánh sự từng trải của họ về thế giới, cùng các cải tiến và đồ tạo tác của cách sống mới. Ở đây là chiếc xe bốn bánh hai ngựa kéo, Valcamonica, Brescia, Bắc Ý.

biết mang ý nghĩa gì. Cả dao găm lẫn kích đều kết hợp với hình người thường là nam giới, vì thế chúng ta nghĩ ý nghĩa của chúng thuộc về công việc của phái nam.

NGUỒN GỐC NGHỆ THUẬT KHẮC HỌA ĐÁ

Bí ẩn kéo dài về nghệ thuật khắc họa đá chính là nguồn gốc. Không như các công nghệ cổ đại như đồ gốm và đồ đá tạo tác, thể hiện sự cải tiến liên tục cũng như phát triển kỹ năng thủ công, nghệ thuật khắc họa đá ban đầu đã hoàn mỹ đến mức phải ngạc nhiên. Hai khám phá quan trọng về các hang động có hình vẽ ở Pháp, Cosquer và Chauvet, đều tinh xảo và tinh xảo hơn cả hang Lascaux nổi tiếng, và có vẻ lâu đời hơn. Chúng

cứ về nghệ thuật ban đầu ngày càng tìm thấy nhiều ở các châu lục khác ngoài Châu Âu cho thấy sự việc tương tự, ngay từ đầu đã có kỹ năng thanh nhã hay thậm chí có ngay từ khi bắt đầu.

Vì thế thuật hội họa xuất sắc “lóa sáng” đã phát triển - và thậm chí hoàn hảo - chứ không phải bò dần từng bước từ các thử nghiệm vụng về bước đầu, như thế nào? Nhưng có lẽ đây chỉ là cách chúng ta nhận xét vào lúc này

như thế nào, chứ không phải chúng thật sự đã phát triển ra sao: có thể có sự phát triển lâu dài, nhưng nghệ thuật ban đầu được tạo tác trên chất liệu gỗ hay các vật liệu dễ hỏng khác hoặc trên đá lộ thiên ngoài mưa nắng đều không tồn tại. Thế nhưng khi cân nhắc chứng cứ, người ta vẫn thiên về ý nghĩ có sự ra đời đột ngột của các hình ảnh nghệ thuật hoàn mỹ.



Mặc dù trong thế giới của dân cư nông nghiệp, nghệ thuật khắc họa đá sau này của Châu Âu thời tiền sử bắt nguồn từ một thời đại khi mọi việc đều hoàn toàn khác. Vùng đất bên dưới tác phẩm chạm trên đá cá từ Thời kỳ đồ đồng này nằm ở Massleberg, Bohuslan, Thụy Điển, ngày nay là cánh đồng đã cây xới, khi xưa có lẽ là bãi biển của một vịnh nông lúc ấy người ta khắc các hình lên bề mặt.

ĐIỀU BÍ ẨN CỦA TƯỢNG NHÂN SƯ

MỘT VẬT CÓ TIẾNG NÓI, NHƯNG CÓ BỐN, SAU ĐÓ CÒN HAI, TIẾP ĐẾN LÀ BA CHÂN, KHÔNG ĐIỀU GÌ CÓ THỂ THAY ĐỔI. VẬT NÀY ĐƯỢC TÌM THẤY TRÊN MẶT ĐẤT, BẦU TRỜI HAY BIỂN CẢ. KHI VẬT NÀY ĐI TRÊN ĐỦ CÁC CHÂN CỦA NÓ, KHI ĐÓ SỨC MẠNH CỦA NÓ LẠI Ở MỨC YẾU NHẤT VÀ BƯỚC ĐI CHẠM NHẤT. CÂU ĐỐ CỦA OEDIPUS VỀ TƯỢNG NHÂN SƯ

Câu đố thịnh hành nhất thường dùng để đố tượng Nhân sư là câu đố được Oedipus giải đáp trong truyền thuyết Hy Lạp. Thế nhưng có nhiều câu đố về tượng Nhân sư lớn gần các kim tự tháp ở Giza, là tiền nhân lâu đời so với tượng Nhân sư Hy Lạp ác tâm. Thế tượng làm khi nào? Ai làm, và làm cho ai? Có phòng nào bí mật bên trong hay bên dưới tượng hay không? Câu trả lời có thể đối với các câu hỏi này nằm trong sự phối hợp của ngành khảo cổ học, lịch sử cổ đại và địa chất học.

TƯỢNG NHÂN SƯ LÀ GÌ?

Người Hy Lạp cổ đại cho rằng từ nhân sư phát xuất từ một từ Hy Lạp có nghĩa “kìm hãm” (*sphingein*), nhưng có thể nguồn gốc thật sự là từ một ngữ trong tiếng Ai Cập *shesep ankh* (“hình ảnh sinh động”), là tên gọi có ý nghĩa dành cho các tác phẩm điêu khắc và đôi khi dành để gọi tượng Nhân sư lớn. Ở Ai Cập, tượng nhân sư thường được mô tả bằng thân sư tử (đồng nhất

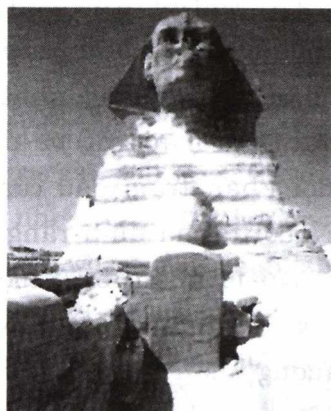
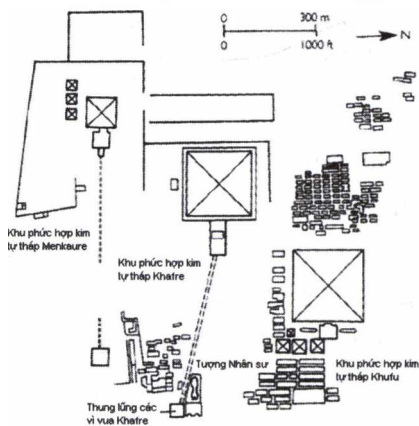


Tượng Khafre, trong ngôi đền thờ ông trong thung lũng ở Giza. Chắc hẳn vị pharaoh này đảm trách việc xây dựng tượng Nhân sư, đầu tượng có lẽ tạc theo khuôn mặt ông.

với thần mặt trời) và đầu một người đàn ông, thường đội khăn trùm đầu của hoàng gia như khăn nemes. Người ta giả định rằng sự kết hợp giữa sư tử với con người là nhằm biểu tượng hóa sự liên minh của nhà vua với thần mặt trời Re. Một khác biệt chính giữa các tượng nhân sư Ai Cập và Hy Lạp là phiên bản Ai Cập lâu đời nhất luôn là nam giới, cho đến thời Trung vương quốc (lúc ấy lần đầu tiên tượng nhân sư được chấp thêm cánh).

LỊCH SỬ TƯỢNG NHÂN SƯ LỚN

Tượng Nhân sư lớn nằm ở bên ngoài đường đất đắp dẫn vào kim tự tháp Khafre (k. 2500 tr. CN), dài gần 73m (238 ft), cao tối đa 20m (66 ft), được chạm trổ từ một gò đá phía sau sau khi khai thác từ mỏ đá, qua nhiều thế kỷ tượng thường bị cát vùi lấp, mặc dù người ta thường xuyên dọn cát phủ quanh tượng. Một ngôi đền chưa hoàn tất, rõ ràng làm từ cùng loại đá tạc tượng Nhân sư, được xây dựng phía trước công trình đồ sộ trong vương triều thứ 4 - (k. 2575-2465 tr. CN). Có lẽ dùng để thờ phụng ba thần mặt trời trong ba buổi: Khepri buổi sáng, Re buổi trưa và Atum buổi chiều (một kịch bản đáng ngạc nhiên tương tự ba độ tuổi của con người trong câu đố về nhân sư của



Sơ đồ Giza cho thấy vị trí tượng Nhân sư, kế bên kim tự tháp Khafre trong thung lũng đền thờ.

Bia Giác mơ nằm giữa các móng của tượng Nhân sư.



Sự xói mòn biến đổi ở các bộ phận khác nhau trên tượng Nhân sư cho thấy do tượng được tạc từ các lớp địa chất khác nhau.

người Hy Lạp dẫn chúng ở trên). Trong Tân vương quốc, tượng Nhân sư đồng nhất với Horemakhet (“Horus nằm ở chân trời”), có lẽ được truyền cảm hứng bằng thực tế tượng nhân sư bị vùi lấp chỉ còn lại phần đầu khổng lồ của nhà thống trị nổi bật ở đường chân trời. Lúc tượng được dọn sạch cát chung quanh được ghi lại trên “bia Giấc mơ” do Thutmose IV (k. 1400 tr. CN) dựng ngay phía trước tượng. Lời khắc trên bia mô tả lời hứa trong giấc mơ nếu vị hoàng tử trẻ dọn quang cát đang vùi lấp tượng thì anh ta sẽ lên làm vua.

Vào đầu vương triều thứ 18 (k. 1550-1307 tr. CN), tượng Nhân sư được trùng tu với lớp phủ đá vôi, vào thời

điểm này người ta xây thêm tượng một nhà vua đứng giữa hai chân trước của tượng. Trong những năm gần đây, người ta ngày càng lo ngại về xuống cấp dần của công trình, cách đây hàng thế kỷ tượng đã bị mất mũi. Các mảnh râu vỡ và chân mày được Giovanni Battista Caviglia và các nhà khai quật sau này tìm thấy, hiện nay nằm trong Viện bảo tàng Anh và Viện bảo tàng Ai Cập, Cairo. Gần đây hơn, sự bào mòn và nước ngầm dâng cao đều đáng lo ngại, hiện nay người ta kiểm tra môi trường thật tỉ mỉ để tìm ra nguyên nhân chính làm hỏng công trình.

TƯỢNG NHÂN SƯ BAO NHIÊU TUỔI?

Vì tượng Nhân sư được bao bọc bằng khu phức hợp kim tự tháp của vương triều thứ 4 và lăng mộ-nhà mồ của các quan chức triều đình, người ta thường cho rằng tượng được xây dựng trong khoảng thời gian này. Năm 1853, cuộc khai quật của Auguste Mariette ở Điện thờ vị vua Khafre thuộc vương triều thứ 4 trong thung lũng đề xuất rằng vị pharaoh này chắc chắn là người xây dựng công trình, đầu tượng Nhân sư có lẽ tạc theo khuôn mặt của nhà vua. Thậm chí lời đề khắc trên Bia Giác mộng của vương triều thứ 18 cũng có một đoạn rời rạc ám chỉ Khafre. Chắc chắn, nhiều đặc điểm khác của phần đầu tượng Nhân sư, khăn trùm đầu nemes, chân mày và nét mặt chung của tượng đều có thể so sánh với các tượng của nhà vua trong vương triều thứ 4.



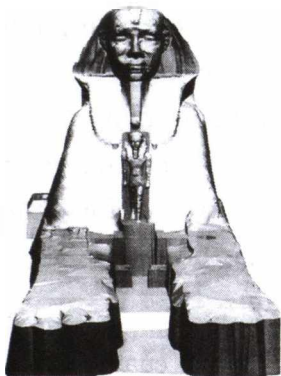
Tượng Nhân sư, phần lớn vẫn còn bị vùi lấp trong cát theo mô tả trên tờ in thạch bản của các họa sĩ tháp tùng đoàn quân viễn chinh của Napoleon đến Ai Cập vào cuối thế kỷ 18.

Tuy nhiên, chứng cứ có niên đại lịch sử nghệ thuật và khảo cổ thuyết phục này nhất thời bị lung lay vào năm 1992, lúc ấy một nhà khảo cổ Mỹ, Robert Schoch, quả quyết ông tìm thấy chứng cứ xác định niên đại đá tảng trong tượng Nhân sư và tường bao xung quanh đã bị xói mòn nghiêm trọng do dòng chảy của nước mưa xảy ra trước vương triều thứ 4 ít nhất là 2.500 năm. Thứ nhất ông lập luận rằng sự xói mòn dễ thấy này đã diễn ra chỉ sau khi tạc phần thân tượng Nhân sư, thứ hai lượng mưa cao cần thiết tạo nên sự phong hóa như thế chỉ có thể diễn ra trong Thời kỳ đồ đá mới, từ năm 7000 đến 5000 tr. CN, và thứ ba, công trình và đền đài đã được xây dựng thành hai giai đoạn, giai đoạn thứ nhất là chạm khắc phần lõi, giai đoạn thứ hai là xây đá tảng

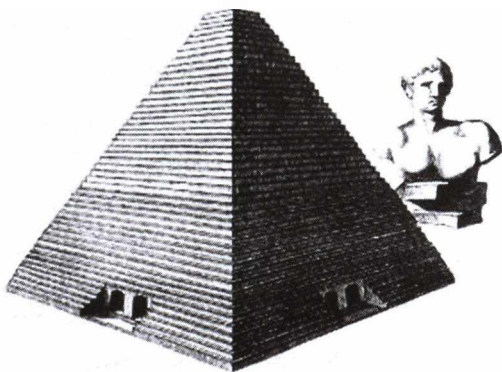
làm lớp vỏ bọc ở bên ngoài. Ông giải thích phần đầu tượng được một vị vua trong vương triều thứ 4 tạc hay tạc lại qua việc xác định niên đại lịch sử nghệ thuật muộn hơn.

Một nhà địa chất người Mỹ khác, James Harrell, hỗ trợ cho việc xác định niên đại Ai Cập học theo quy ước với quan điểm sự xói mòn - do cát bão hòa hay nước lụt ở sông Nile gây ra. Harrell cũng cho rằng tính chất địa hình cao nguyên là nguyên nhân khiến lượng nước mưa chảy xuống về phía tượng, đến mức lượng nước mưa trong thời kỳ Cổ vương quốc thực tế có đủ tạo ra sự phong hóa mà Schoch quan sát thấy, nhất là khi nước mưa bão hòa lớp cát bao quanh công trình.

Nhà khảo cổ học Mark Lehner, người chỉ đạo cuộc khảo sát bằng máy quang phổ chụp tượng Nhân sư rất cẩn thận trong những năm 1980, bác bỏ nhiều lập luận của Schoch, kể cả giả thuyết xây dựng tượng và đền trong hai giai đoạn, những gì ông nêu ra hoàn toàn trái ngược với phương pháp xây dựng nổi tiếng của người Ai Cập cổ đại. Một lọ gốm điển hình trong vương triều thứ 4 tìm thấy ở cực tây của tường bao tượng Nhân sư cùng với nhiều búa đá mang dấu vết mạ đồng, cho thấy công cụ loại này (chưa hề sử dụng ở Ai Cập trước thiên niên kỷ thứ tr. CN) được dùng để chạm trổ tường bao và có lẽ cũng dùng để chạm trổ công trình. Ngoài ra, một khối đá lớn dự định xây đền Nhân sư còn dang dở được tìm



Tái tạo tượng Nhân sư bằng máy vi tính, có tượng của nhà vua thời Tân vương quốc đứng giữa hai móng trước.



Tượng Nhân sư theo phong cách Hy-La, theo sự tưởng tượng của một linh mục dòng Tên Athanasius Kircher thế kỷ 17, chưa hề đến Ai Cập lần nào.

thấy ngay phía trên lớp địa tầng có đồ gốm của vương triều thứ 4. Sau cùng, Lehner lập luận rằng số lượng bất thường các pho tượng đồ sộ được khai quật ở khu phức hợp kim tự tháp của Khafre cũng khiến người ta chắc chắn ông là nhà kiến tạo tượng Nhân sư.

CÓ PHÒNG BÍ MẬT HAY KHÔNG?

Ít nhất từ thời Trung cổ trở đi, có nhiều truyện kể về các căn phòng bí mật nằm dưới tượng Nhân sư. Hai nhà văn Ả Rập (al-Makrizi và al-Kodai) mô tả một căn phòng nằm bên dưới tượng, có ba hành lang tỏa ra từ phòng này, mỗi hành lang dẫn đến một trong ba kim tự tháp. Câu truyện huyền thoại này được kể cho du khách Châu Âu, chẳng hạn như Johannes Helferich

(1579), sau này ông mô tả một hành lang dẫn lan phần đầu của tượng, do tượng truyền các thầy tế thời cổ đại đã làm cho những người sùng bái tin rằng tượng Nhân sư có thể thốt lời tiên tri. Thế nhưng khả năng đáng tin trong báo cáo của Helferich, nằm trong bản khắc gỗ mô tả tượng Nhân sư có ngực, như thể tượng mang phiên bản nữ tính của người Hy Lạp.

Mặc dù nhiều cuộc nghiên cứu khảo cổ của Caviglia (1816), Gaston Maspero (1881-1914), Emile Baraize (1926-34) và Selim Hassan (1936-8) không hề phát hiện phòng bí mật bên dưới tượng Nhân sư hay ngôi đền, nhưng sự kết hợp giữa công trình và nơi mai táng vốn rất bí ẩn đã được Edgar Cayce, một nhà tâm linh Mỹ khơi dậy vào những năm 1930. Cayce quả quyết sự thông thái của Atlantis đã đặt trong một sảnh ngầm đựng tài liệu liên quan đến Nhân sư, và sự phát hiện lần nữa trong thế kỷ 20 đã tạo ra một số thảm họa nghiêm trọng. Khảo sát suất điện trở trong năm 1977-8 và 1992-3 cho thấy có nhiều điều kỳ lạ (dao động điện trở có lẽ do các lỗ trống gây ra) ở vùng xung quanh tượng Nhân sư, nhưng công việc tiếp theo, kể cả việc sử dụng các khảo sát điện từ cho thấy những bất thường này là các khe nứt và các lỗ trống trong tự nhiên.

Nghiên cứu tượng Nhân sư của Mark Lehner cung cấp nhiều kiến thức mới về các giai đoạn xây dựng và trùng tu công trình trong thời cổ đại lẫn hiện đại. Ông



*Khảo sát quang
trắc hiện đại
tượng Nhân sư
đã vẽ được sơ
đồ chi tiết.*

xác định rằng có ba hành lang kết hợp với tượng Nhân sư. Một hành lang là đường hầm nhỏ được đại tá Richard Vyse khoan từ trên phần cổ (ngay phía sau đầu tượng) vào giữa thế kỷ 19. Hai hành lang khác chưa rõ ngày tháng và không thấy chứa đồ tạo tác hay bia khắc.

Vì thế chứng cứ hiện tại cho thấy tượng Nhân sư không phải là công trình đồ sộ trong Thời kỳ đồ đá mới cũng như phòng riêng lưu trữ tư liệu của Atlantis, nhưng cho đến lúc chúng ta biết chính xác tại sao người xưa tạc tượng này và tại sao chúng ta không tìm ra tư liệu nào đề cập về tượng trong thời Cổ vương quốc, thì bí ẩn vẫn còn bao quanh pho tượng đồ sộ nhất trong những tượng Ai Cập.

BÍ ẨN CỦA TỤC THỜ THẦN MITHRAS (THẦN ÁNH SÁNG)

*Mithras vị thần buổi sáng,
Nơi đây con bò đực to tướng đã chết,
Hãy ngắm nhìn con cái các người hy sinh
Hồi sự hy sinh của tất cả chúng ta!
Người đã hình thành nhiều con đường:
Tất cả đều đưa chúng ta đến ánh sáng.
Mithras, cũng là một chiến binh,
Khuyên chúng ta nên chết vì chính nghĩa!*

RUDYARD KIPLING, 1906

Tục thờ thần Mithras như chúng ta biết đã có ở La Mã vào cuối thế kỷ 1 sau CN. Bí ẩn chính của việc thờ phụng này tập trung vào việc giết chết một con bò đực màu trắng của vị nam thần Mithras trong một hang động, một hành động được mọi người cho là mang sự cứu rỗi đến nhân loại. Cảnh giết bò (“tauroctony”) được mô tả với các biến thể không đáng kể trong từng ngôi

đền thờ thần Mithras (*mithraeum*) ở khắp đế quốc. Chùa khóa giải mã bí ẩn khó hiểu của tục thờ thần Mithras nằm trong đền thờ vì không có văn bản nào về nghi thức tế lễ cung cấp thông tin cho chúng ta, ngoài một số vần thơ vẽ trong một số đền thờ thần, và các mảnh giấy cói phát hiện gần đây ở Berlin. Khám phá bí ẩn này không dễ dàng gì.

NGUỒN GỐC VÀ PHÁT TRIỂN

Tục thờ thần Mithras thường được mô tả như một tôn giáo “phương đông”, và cũng là giáo lý chính của người cha sáng lập khoa nghiên cứu thần Mithras, học giả Bỉ Franz Cumont, cho rằng tục thờ cúng này phát xuất ở phương Đông, có lẽ ở Iran, thật ra ban đầu là một vị thần phương đông, với trang phục thần mặc gần như có vẻ phương đông (xà cạp bó chân và áo dài thắt ngang lưng). Chiếc mũ đội hình nón có đỉnh nhọn, gọi là mũ “Phrygia”, nhấn mạnh có sự liên kết với phương Đông, vào thế kỷ 1 tr. CN, chúng ta nhìn thấy thần cũng trang phục như thế khi tiếp kiến vua Antiochus (k. 80-32 tr. CN)



Tác phẩm chạm nổi ở Nemrud Dag, Thổ Nhĩ Kỳ, thể hiện cảnh Antiochus I (trái) gặp thần Mithras, đội mũ Phrygia, thế kỷ 1 tr. CN

trên tác phẩm chạm nổi ở Nemrud Dagħ, Commagene (nam Thổ Nhĩ Kỳ). Một số từ trong nghi thức tế lễ, như “nam” (“lời chào”), cũng như các tên những người tùy tùng khác trong đạo thờ thần Mithras như những người cầm đuốc Cautes và Cautopates, và con người bí hiểm Ahriman, có nguồn gốc Iran hay Mesopotamia.

Nhưng các đặc điểm “phương đông” này ăn sâu ra sao? Một yếu tố chính trong luận điểm của Cumont củng cố nguồn gốc phương đông của tục thờ thần Mithras nằm trong đoạn Plutarch mô tả một tình tiết khi Pompey đại đế dẹp nạn hải tặc quanh Địa Trung Hải năm 67 tr. CN. Hải tặc xứ Cilicia, miền nam Tiểu Á (Thổ Nhĩ Kỳ) được thuật lại “phải lòng lễ vật lạ và tiến hành một số lễ nghi bí mật, vẫn còn tồn tại trong việc thờ cúng thần Mithras”. Đoạn văn này xem là chứng cứ chắc chắn có sự tồn tại của các lễ nghi thờ Mithras ở phía đông Địa Trung Hải vào giữa thế kỷ 1 tr. CN, số hải tặc người Cilicia được xem là tác nhân để phổ biến đạo thờ thần Mithras sang phương Tây. Nếu đúng thế, tại sao các ví dụ về đền thờ thần Mithras, hay ví dụ về cảnh giết bò đực, được thế giới Địa Trung Hải biết đến (hay thật ra ở nhiều nơi) trong suốt thời kỳ Hy Lạp, và tại sao, nếu nguồn gốc của tục thờ thần Mithras thật ra được phát hiện ở phương đông, các đền thờ thần Mithras (*mithraea*) lại quá hiếm trong thời kỳ đế chế như thế? Và tại sao, nếu tục thờ thần Mithras thật ra đến tận phương Tây

vào giữa thế kỷ 1 tr. CN, có phải đã 150 năm trôi qua qua trước khi chúng ta tìm thấy chứng cứ về tục thờ thần ở đó hay không? Plutarch viết vào nửa đầu thế kỷ 2 sau CN, lúc ấy việc thờ cúng thần Mithras chỉ vừa phát triển, vì thế sự ám chỉ các “bí ẩn” có thể sai niên đại: hải tặc người Cilicia chắc hẳn đã công nhận Mithras như một trong các vị thần của họ (như Antiochus đã công nhận trong xứ Commagene láng giềng cùng thời điểm), nhưng sự mô tả bằng tranh tượng về cảnh giết bò và sự trưng bày đầy đủ bí ẩn và nghi lễ trong tục thờ thần Mithras có lẽ không được nghĩ đến trong thời gian này. Một quan điểm khác, đặt nguồn gốc của tục thờ thần Mithras trong phạm vi triết học và khoa học ở Tarsus, phía đông Thổ Nhĩ Kỳ trong thế kỷ 2 tr. CN, cũng bị phê bình tương tự.

Ngụ ý lâu đời nhất về những gì có vẻ như cảnh giết bò là nhà thơ triều đình Domitia, Statius, trong tập thơ xuất bản năm 92 sau CN cho rằng “thần nằm bên dưới tảng đá trong một hang động Ba Tư đã vụn sừng của một con bò cứng cổ”. Thể hiện bằng tư liệu đầu tiên về cảnh giết bò ngày nay được quy cho Alcimus, hiện trưng bày trong Viện bảo tàng Anh. Alcimus vốn là một nô lệ của quan La Mã thái thú cận vệ dưới thời hoàng đế Trajan (98-117 sau CN). Vì thế việc thờ cúng có thể xuất hiện từ giới trí thức ở La Mã, đã “tạo ra” một tín ngưỡng mới trong đó việc thờ cúng hứa hẹn sự cứu rỗi và đời

Thể hiện bằng tư liệu lâu đời nhất và cảnh giết bò hay tauroctony, được quy cho một người tên Alcimus, vốn là nô lệ của quan La Mã thái thú cận vệ dưới thời Hoàng đế Trajan (98-117 sau CN), hiện trong Viện bảo tàng Anh.



sống sau khi chết có vẻ như có nhiều hứa hẹn hơn sự trống tuếch của tôn giáo nhà nước truyền thống.

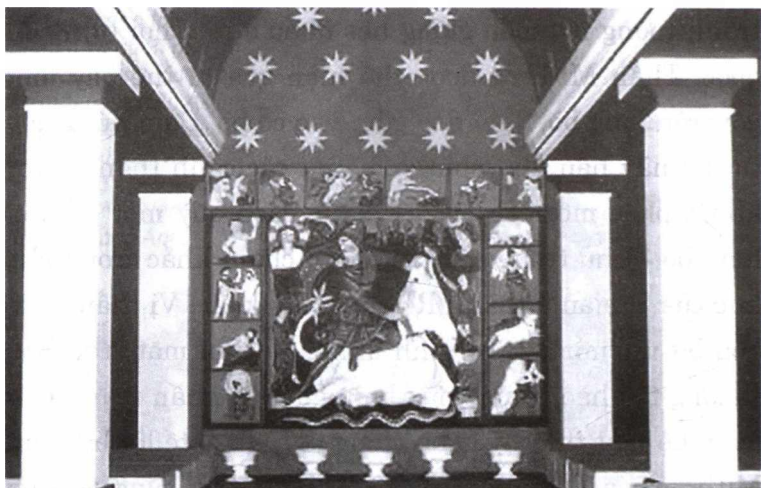
Từ khoảng năm 125 sau CN trở đi, nhất là dọc theo các biên giới phía bắc và các khu đô thị quốc tế như Ostia chẳng hạn, cảnh thành Rome, nơi đây có đến 16 đền thờ thần Mithras đã được tìm thấy. Có vẻ đặc biệt quen thuộc với tầng lớp thương buôn và quân đội, nhưng sức lôi cuốn không phổ biến (như đạo Cơ Đốc), nhất là tục thờ này bị con người hạn chế.

CẢNH GIẾT BÒ

Cảnh giết bò nhanh chóng được chuẩn hóa, mặc dù có một ít biến thể theo vùng, nhưng sự mô tả bằng

tranh tượng ít nhiều giống hệt nhau ở mọi nơi trong đế quốc. Thần Mithras được thể hiện qua tư thế quỳ một gối trên lưng bò, đâm dao găm vào cổ bò. Cảm hứng qua tư thế này hầu như phát xuất từ các cảnh thần Victor khuất phục một con bò đực bằng cách quỳ một gối lên lưng bò - như trong các tác phẩm chạm khắc trong Nơi họp của Trajan ở thành Rome và nơi khác. Vị thần nhìn qua bờ vai mình theo hình ảnh của thần mặt trời, Sol, thường tỏa hào quang giữa hai người để nhấn mạnh mối quan hệ mật thiết giữa họ trong nghi thức tế lễ thờ thần Mithras, và con chim của Sol, chim quạ, cũng thường xuất hiện. Tượng Luna bán thân, nữ thần mặt trăng, làm cho cân xứng với tượng thần mặt trời Sol. Cautes với ngọn đuốc giương cao, biểu tượng cho ánh sáng, và Cautopates, với ngọn đuốc chúc xuống thể hiện bóng tối, bên cạnh giết bò. Sự phân đôi này giữa ánh sáng và bóng tối và đặc điểm chính của tục thờ thần Mithras. Bên dưới con bò là một bò cạp, rắn (biểu tượng mặt đất và sự tái sinh, vì rắn lột da), và một con chó, thường trong tư thế vươn mình lên liếm máu chảy ra từ vết đâm trên mình bò. Các vò đựng ngũ cốc nhú lên từ phần đuôi bò, biểu tượng cho cuộc sống mới bắt đầu từ hành động anh hùng của thần Mithras.

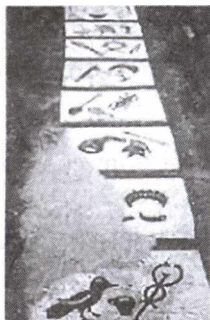
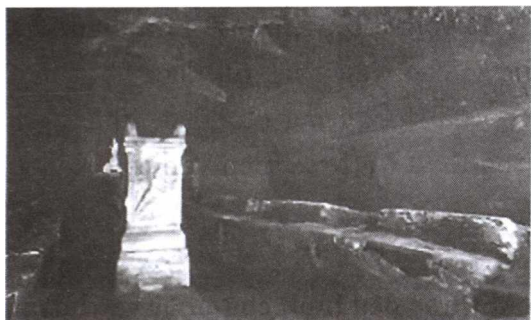
Các thể hiện ở vùng biên giới sông Rhine và Danube thường thêm hình một con sư tử và vật hình chén (dùng làm chén đựng rượu) bên dưới con bò, có lẽ biểu tượng



Cảnh tái tạo một đền thờ thần Mithras ở Heidelberg.



Mẫu đúc của Heddernheim (Nida thuộc La Mã) tác phẩm chạm nổi cảnh giết bò. Ảnh này và tranh tái tạo, cả hai đều ở Đức, kết hợp các cảnh trong cuộc đời của Mithras vòng quanh tấm panel chính.



(Ảnh trái) Một đền thờ thần Mithraeum bên dưới nhà thờ San Clemente, Rome, có các băng đá theo thông lệ và trần uốn vòm thấp. (Ảnh phải) Tấm khảm lát nền trong đền thờ thần Mithraeum ở Felicissimus, Ostia, có bảy cấp bậc trong tục thờ thần Mithras (cận cảnh là Chim quạ, có chén và y hiệu - hai rắn quấn nhau - của thần Mercury).

cho nước và lửa (cùng với đất, thể hiện bằng rắn, tạo ra bộ ba). Cảnh giết bò trong vùng này cũng thường thể hiện các kỳ công khác của Mithras - việc Mithras sinh ra từ đá giao ước với Sol, phép màu của nước (bắn thành hình mũi tên lên bầu trời), thu phục bò đực, bữa ăn trong hang với Sol bằng thịt bò, v.v...

Nhiều yếu tố trong cảnh giết bò thường liên kết chặt chẽ với chủ nghĩa tượng trưng thiên văn (chẳng hạn như Taurus [bò đực], Leo [sư tử], Scorpion [bọ cạp], và tác phẩm chạm nổi cảnh giết bò ở đền thờ thần Mithras được xem là “bản đồ sao”: một lý thuyết rất tinh vi xem sự tượng trưng biểu tượng của một số chòm sao phía trên đường xích đạo thiên văn khi điểm xuân nằm ở sao Kim ngưu (Taurus). Chắc hẳn thần Mithras

cùng sự tinh thông về vũ trụ của mình là tâm điểm của sự thờ cúng: những vì sao trên bầu trời được vẽ ở mặt sau chiếc áo choàng của thần, cũng như được khắc trên mái vòm của đền thờ thần Mithras hiện vẫn còn rõ nét.

ĐỀN THỜ VÀ NGHI THỨC TẾ LỄ

Đền thờ thần Mithras đều hình chữ nhật và thường nhỏ: lớn nhất là đền ở Sarmizegethusa, Romania, dài 26 m (85 ft). Nói chung đền thường có một narthex hay tiền sảnh, một phòng chính trong đó “gian giữa” chính dẫn đến cảnh giết bò ở cuối gian, người sùng kính tựa đầu trên các tấm nệm đặt trên các bệ đắp nổi ở hai bên. Vì thế đền thờ thần là phòng họp dành cho các thành viên đến thờ cúng để tiến hành các nghi thức (bí mật) - cũng giống như nhà thờ Cơ Đốc giáo nhưng hoàn toàn khác hẳn các đền ngoại giáo thông thường, chỉ đặt tượng một vị thần và nơi giết người tế thần diễn ra tại bàn thờ ở bên ngoài khoảng sân trống rộng.

Điều gì diễn ra thật sự bên trong ngôi đền vẫn là bí ẩn. Chúng ta biết rằng có bảy cấp thụ giới, từ Chim qua ở cấp thấp nhất đến cấp Pater (Cha) ở trên cùng, người giữ vai trò lãnh đạo cộng đồng đạo Mithras ở địa phương. Cấp thứ tư, Sư tử, có vẻ đặc biệt quan trọng, trong một số văn bản có vẻ ám chỉ ngôi đền xét về tổng thể như *leonteum*. Sự thụ giới giữa cấp này với cấp khác có vẻ bao gồm một loại nghi lễ “nhục hình” bằng cách bịt mắt



Đền thờ thần Mithras ở Carrawburgh, miền bắc nước Anh, bên ngoài một pháo đài La Mã Brocolitia, khai quật năm 1949.

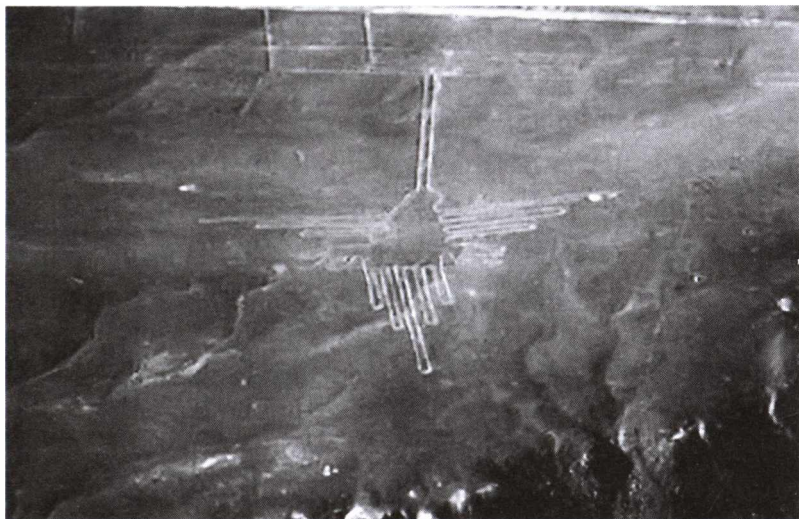
(dị đước đang cháy và vết gươm đâm vào cơ thể được thể hiện ở một số bích họa), một ngôi đền (Carrawburgh trên vách đền Hadrian) thậm chí được cho là có một hố tra tấn, trong hố phải chịu đựng thân thể bị đốt tượng trưng. Chúng ta cũng biết rằng bữa ăn của thần Sol và Mithras gồm huyết bò được tái hiện trong nghi thức tế lễ, thường dùng loại thịt khác rẻ hơn (như thịt bò và thịt gà, do tìm thấy xương trong các đền thờ thần Mithras) chứ không dùng loại thịt bò đắt tiền. Đôi khi thịt sống và huyết bò đực thường thay bằng bánh mì và rượu vang, rõ ràng khiến cho tục thờ thần Mithras mâu thuẫn với đạo Cơ Đốc. Sự chấp nhận Cơ Đốc giáo chính thức vào đầu thế kỷ 4 là nguyên nhân trực tiếp khiến đạo thờ thần Mithras suy tàn, nhiều đền thờ bị phá hủy, có lẽ do tín đồ Cơ Đốc giáo.

BÍ ẨN CÁC NÉT VẼ NAZCA

VẤN ĐỀ THẬT ĐƠN GIẢN: CHO DÙ CHÚNG LÀ GÌ ĐI NỮA, THÔNG điệp TRÊN PAMPA (CÁNH ĐỒNG HOANG) KHÔNG PHẢI DÀNH CHO CHÚNG TA! HÌNH ẢNH ĐỘNG VẬT BIẾN THÁI TẠO CHO TÔI CẢM GIÁC QUYẾT TÂM TÌM HIỂU BÍ ẨN TIỀM ẨN TRONG CHÚNG GẮN GỬI VỚI CÂU TRUYỆN ALICE LẠC VÀO XỨ THẦN TIÊN HƠN LÀ NGUỒN GỐC CÁC LOÀI CỦA DARWIN.

ANTHONY AVENI, 2000

Người Nazca ở bờ biển phía nam Peru là một liên minh gồm nhiều vương quốc nhỏ - nông dân, ngư dân và thợ dệt điêu luyện, qua các lọ, hũ, vải dệt của họ cho thấy một phức hợp nghệ thuật mô tả bằng tranh tượng. Họ sống ven vùng Pampa de Ingenio, một sa mạc có lợi thế khắc vẽ nháp tinh xảo. Ở đây họ dọn sạch lớp đất bề mặt gồm cát mịn và đá nhỏ để tạo thành một mạng nhện phức tạp gồm các đường nét và hình vẽ trên đất phù sa trắng lớn đến mức ở mặt đất họ không thể nhìn thấy hết toàn cảnh bức vẽ. Từ trên máy bay nhìn xuống sa mạc, các nét vẽ, một số lớn bằng cả một đường



Không ảnh chụp một hình chim vẽ trên sa mạc ở Nazca. Tại sao người Nazca dọn lớp đất mặt mỏng để tạo ra những hình vẽ mà đứng trên mặt đất không thể thấy toàn cảnh?

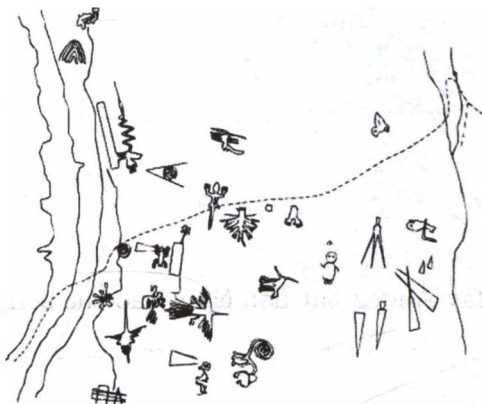
băng của máy bay, có thể nhìn thấy kéo dài hàng mấy kim băng qua thung lũng và đồi thấp. Các hình khác tỏa ra từ trung tâm. Một số nét vẽ kết hợp lại thành hình chim, khỉ, cá voi, nhện, thậm chí là cây cối khổng lồ, nhưng chính những người vẽ hình này cũng chưa hề nhìn thấy hết toàn cảnh. Tại sao không có máy bay nhưng người Nazca lại vẽ những đường nét, hình vẽ như thế?

NGHIÊN CỨU NÉT VẼ

Nhà toán học sinh ra ở Đức Maria Reiche từ Đức bay đến năm 1939 và dạy học ở Nazca. Ít lâu sau bà bị ám ảnh phải ghi lại và bảo tồn các nét vẽ này, khảo sát trong



Bản đồ Nam Mỹ với vị trí Nazca (vùng in đậm là đế quốc Inca sau này).



Hình vẽ bên phải Sơ đồ của thuật vẽ tranh trên đất thể hiện trên bề mặt sa mạc Pampa de Ingenio

nhiều năm bằng thước dây. Bà tin chắc các nét vẽ chỉ rõ hoạt động trên bầu trời ở chân trời xa xăm, trong khi hình thú tượng trưng cho các chòm sao trên trời. Cho đến năm 1963, hầu như Reiche chỉ nghiên cứu đơn độc. Sau đó làn sóng văn hóa lan rộng, với định kiến đi cùng với bí ẩn và hiện tượng huyền bí tràn ngập cánh đồng hoang. Nhà khảo cổ tự xưng Erich von Daniken thậm chí còn quả quyết các nét vẽ là đường băng do các phi hành gia thời cổ đại tạo ra để tàu không gian của họ đáp!

Vào cuối thập niên 1970, giới khoa học thừa nhận các nét vẽ Nazca và các bức họa trên mặt đất, thường gọi là “nghệ thuật vẽ trên đất”, tìm thấy nằm dọc theo vùng bờ biển Peru. Anthony Aveni và Gary Urton đã vẽ sơ đồ hơn

62 trung tâm tỏa tia và đo hướng của 762 nét vẽ thẳng gần Nazca, dài đến 13 km (8 dặm). Aveni vẽ đồ thị các hướng trên máy vi tính và nhận thấy phần lớn các nét vẽ này nằm ngay hàng với điểm nằm trên đường chân trời nơi mặt trời hiện ra trong những ngày tới hạn vào đầu tháng 11, khi ấy dòng chảy của nước mưa hàng năm trên dãy Andes bắt đầu chảy vào các sông ven biển.

Nhà khảo cổ Persis Clarkson khảo sát hơn 1600 km (1000 dặm) các nét vẽ chứng tích văn hóa. Bà phát hiện hàng ngàn các mảnh gốm Nazca, dấu vết các nơi ẩn trú thô sơ và một hệ thống ụ đá hình tháp, có thể dùng để đánh dấu giúp cư dân đi theo các nét vẽ. Aveni cùng đồng nghiệp cho rằng các nét vẽ ở Nazca là đường đi, được duy trì, quét dọn và được các nhóm bà con địa phương lau dọn theo nghi thức như một bộ phận quan trọng trong nghi thức tế lễ hàng năm xoay quanh việc nước dâng ở cánh đồng hoang. Trung tâm tỏa tia được tập trung gần những nơi nước sẽ chảy vào thung lũng sông kế cận cánh đồng hoang, nét vẽ hình thang nằm ở những khe nứt nơi đất bị đội lên giữa các lòng suối thời xa xưa. Có vẻ chúng chỉ hướng dòng chảy.

Ý NGHĨA CÁC NÉT VẼ

Mọi người đồng ý rằng các nét vẽ đóng một vai trò biểu tượng quan trọng trong đời sống của người Nazca cổ đại, nhưng ý nghĩa chính xác của nét vẽ trên đất

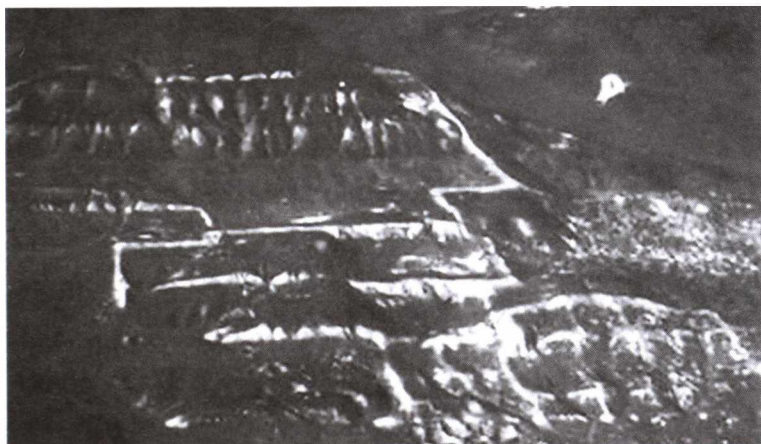
hình động, thực vật vẫn khó hiểu đối với chúng ta bởi lẽ chúng ta không hiểu biết gì về niềm tin tôn giáo Nazca. Trong suốt dãy Andes, người ta cho rằng thần núi bảo vệ con người và kiểm soát thời tiết. Thần núi kết hợp với ao hồ, sông ngòi và biển cả - nguồn sau cùng của sự màu mỡ và nước. Núi ở địa phương luôn được tạo dáng nổi bật trong nghi thức cầu



Vật hình thuyền nhiều màu của người Nazca. Ấm Nazca mô tả chủ đề thần thoại, cũng như hình thú, cây và người thường vẽ tương phản trên nền màu đỏ hay trắng. Nghệ thuật mô tả bằng tranh tượng phong phú tiềm ẩn trong đồ gốm trang trí vẫn còn khó hiểu đối với chúng ta

mưa ở Nazca, vì núi là nguồn cung cấp nước cho các kênh tưới tiêu. Nhà khảo cổ học Johan Reinhard ghi chép một số nhà thờ nông thôn và thánh giá trong nước Bolivia ngày nay thường đặt ở cuối nét vẽ dài trên mặt đất. Chẳng hạn, một nét vẽ thần thánh dẫn từ ngôi làng Sabya, Bolivian, nơi đây người tộc trưởng thường dâng lễ vật cầu mưa vào mỗi tháng Giêng.

Nhà khảo cổ học khác, Helaine Silverman, khai quật một trung tâm hành lễ khác tên Cahuachi, một khu phức hợp gồm nhiều gò đất, nghĩa trang và đền miếu hướng mặt ra ngoài, hướng về cánh đồng hoang có các nét vẽ trên đất. Con sông hầu như không bao giờ cạn nước, một nơi thiêng



Kinh thành Nazca ở Cahuachi là một trung tâm hành lễ có nhiều gò đất, quảng trường và dải đất tạo bậc thềm. Ngôi đền lớn của Cahuachi là dải đất tạo bậc trên đỉnh đồi Phòng, sân và quảng trường nằm ở chân đền.

liêng nơi nước nổi bong bóng lên mặt quanh năm. Nghệ thuật Nazca ở Cahuachi và các địa phương khác nhấn mạnh kỳ công nguy trang của giới thầy tế và sinh vật thần bí.

Có lẽ các nét vẽ là hiện tượng chính trị, xã hội và tôn giáo bám chặt vào cư dân địa phương. Những ai vượt qua các nét vẽ sẽ được biến hình thành các sinh vật trong nghi thức tế lễ như thể họ đi đến một nơi thiêng liêng, một sự biến hình được thực hiện bằng vũ điệu, trang phục và mặt nạ chuẩn bị công phu và trạng thái xuất thần của pháp sư.

Nét vẽ Nazca bí ẩn luôn tạo ra tranh luận, nhưng nghiên cứu gần đây nhất chỉ rõ có sự kết hợp mật thiết giữa các nét vẽ trên sa mạc với nguồn nước tạo sự sống nuôi dưỡng mùa màng và cư dân sống dọc Thái Bình Dương.

BÍ ẨN CỦA PHẦN MỘ 55

CUỐI CÙNG TÔI TIN VÀO NÉT NHẬN DẠNG
CỦA CHỦ NHÂN CỔ QUAN TÀI CÓ THỂ
CHỨNG MINH MỘT ĐIỀU NGẠC NHIÊN.

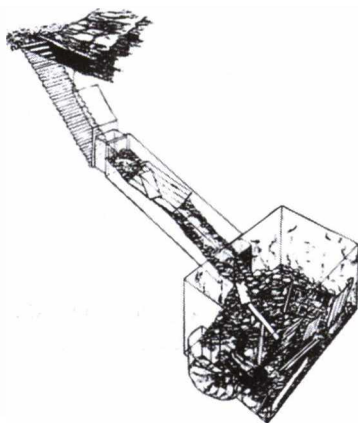
GASTON MASPERO, 1907

Tháng Giêng 1907, đoàn thám hiểm của Theodore M. Davis người Mỹ đến thung lũng các vị vua ở Thebes phát hiện một phần mộ. Như hầu hết các phần mộ khác ở Ai Cập, bên trong bị xáo trộn hư hỏng, nhưng trong trường hợp này, sự xáo trộn không phải là hậu quả của vụ trộm mộ, mà rõ ràng là kết quả của hành động hợp pháp trong thời cổ đại. Tìm hiểu bí ẩn những gì diễn ra đã khiến nhiều nhà Ai Cập học phải đau đầu trong gần một thế kỷ, ngay cả hiện nay đối với nhiều nhà nghiên cứu vẫn có nhiều “giải pháp”.



Quang cảnh phần mộ KV55 lúc phát hiện. Bên trái là một số panel trong lăng, đất dựa tường, phía trên là quan tài. Hốc tường trong vách để các hũ có tán lọng.

Phần mộ, với số chính thức là KV (Thung lũng các vị vua) 55, gồm một cầu thang, một hành lang và một phòng riêng. Nhiều đồ vật nằm rải rác khắp phần mộ, lớn nhất là một ngôi đền bị tháo rời, ban đầu do con trai Akhenaten (k. 1353-1335 tr. CN) làm để dát vào quan tài của mẹ mình là Hoàng hậu Tiye, một người vợ của pharaoh Amenophis III.



Cảnh tái tạo KV55, cho thấy vật liệu rơi vãi khắp phần mộ ra sao, phần lớn rơi vãi trên bề mặt lớp đá

Akhenaten thường được gọi là “pharaoh dị giáo”, sau khi từ bỏ tôn giáo truyền thống của Ai Cập để thờ phụng một vị thần mặt trời độc nhất, còn gọi là Aten. Bốn lá bùa hộ mệnh (“gạch diêu kỳ”) đặt ở góc phòng, một lá bùa mang tên của vị pharaoh này. Trong hốc tường ở vách phía bắc căn phòng là bốn hũ có tán lọng, ban đầu dùng để đựng các bộ phận bên trong cơ thể của người vợ thứ của Akhenaten tên Kiya, nhưng câu đề khắc bị xóa. Dấu triện bằng đất sét tìm thấy trên sàn mộ mang tên người kế vị của Akhenaten là Tutankhamun (k. 1333-1323 tr. CN).

BÍ ẨN CỦA XÁC ƯỚP

Thế nhưng, đối tượng chính trong phần mộ là quan tài, cũng được làm cho Kiya, nhưng được làm cho rộng

ra dành cho một vị vua. Thật không may, tên đã bị xóa nên không thể nhận dạng được, chiếc mặt nạ đây trên mặt bằng vàng trong quan tài cũng bị lấy mất. Phần mộ cũng bị hư hỏng tương tự, tất cả hình ảnh và tên của Akhenaten đều bị phá hủy. Một xác ướp, bị tình trạng ẩm ướt làm hỏng nghiêm trọng vẫn còn nằm trong quan tài. Một giám định viên ban đầu không nhìn thấy dương vật bị phân hủy nên vội tuyên bố thi thể này là phụ nữ. Vì thế Davis đặt tên cổ mộ này là “Phần mộ của

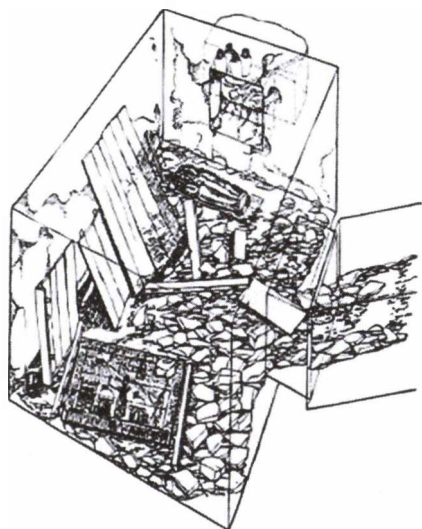
Hoàng hậu Tiye”, nhưng vào thời điểm quyển sách có tiêu đề như thế phát hành, khám nghiệm chính xác chứng minh thi thể này là đàn ông. Quan điểm của nhiều người cho rằng đây chính là xác của Akhenaten. Ông đã bị lên án sau khi chết, điều này giải thích cho việc xóa tên nhà vua trên áo quan và trong phần mộ.

Tuy nhiên, nhiều người khác cho rằng thi thể này có



Hũ có nắp đây ở phần mộ KV55 được làm cho Kiya, chữ khắc đã bị xóa đi trong hai giai đoạn. Tên và tước hiệu của Kiya đầu tiên bị xóa mất, kế đến là tên và tước hiệu của Akhenaten và Aten, khắc trên tám panel bên trái.

vẻ là của Smenkhkare, dường như là người đồng nhiếp chính của Akhenaten trong một vài năm cuối đời, và cũng chịu điều sỉ nhục sau khi chết giống như “vị pharaoh dị giáo”. Vẫn còn nhiều tranh luận về việc nhận dạng thi thể này, và một tên khác Neferneferuaten cũng xuất hiện trong cùng thời điểm. Chứng cứ dường như giải thích thuyết phục rằng cả hai đều là một, phải đổi tên trong khoảng thời gian cùng làm vua.



Phòng mai táng - trong KV55. Quan tài, có nắp bật ra khỏi thân áo quan nằm ở góc phòng trong cùng, trong khi các panel trong phần mộ dựa vào tường bên trái và nằm dưới sàn.

Chứng cứ bổ sung quan trọng trong lần phát hiện phần mộ của Tutankhamun năm 1922. Lúc đầu, xác ướp của Tutankhamun cho thấy ông và thi thể trong KV55 có quan hệ mật thiết nhau - hoặc là anh em ruột hay cha con, thứ hai, phần mộ có nhiều đồ vật lúc đầu dành để mai táng Smenkhkare, nhưng không bao giờ dùng đến. Nói chung, có bốn quan tài thu nhỏ dành để đựng các bộ phận bên trong của Smenkhkare, cũng như một quan tài bằng cỡ người thật của nhà vua. Tất cả đều được

khắc sẵn tên dành cho Tutankhamun, nhưng vẫn còn dấu vết dành cho người sở hữu ban đầu của chúng, cả hai nằm trong khu để khắc tên hoàng gia, và thực tế gương mặt thi thể trong áo quan không chắc chắn là gương mặt của Tutankhamun. Tất cả những đồ vật này chính là những đồ vật trong KV55 thể hiện rằng có thời thuộc về Kiya được một số nhà nghiên cứu xem là quan trọng khi thiên về ý kiến cho rằng Smenkhkare là người nằm trong phần mộ ấy.

Những người khác tiếp tục lập luận rằng thi thể ấy là của Akhenaten. Ước đoán độ tuổi khi chết của xác ướp không có nhiều chứng cứ hỗ trợ, các nhà giải phẫu học khác nhau đưa ra con số khoảng 20 tuổi (phù hợp với Smenkhkare) đến 30-40 (phù hợp với Akhenaten). Nhiều kịch bản được tạo ra để lý giải lịch sử của phần mộ, hầu hết đều mang tính loại trừ nhau. Manh mối duy nhất làm sáng tỏ vấn đề chính là xác ướp, bất luận là ai, lúc đầu mai táng ở Tell el-Amarna, một kinh thành mới do Akhenaten xây dựng cách phía bắc Thebes khoảng 300 km (180 dặm), đã được dời đến KV55 sau khi kinh thành mới bị hủy bỏ.

HAI GIẢI PHÁP

Amarna không còn là kinh thành khoảng giữa thời kỳ trị vì của Tutankhamun, và được bãi bỏ dứt khoát sau khi nhà vua mất. Việc xây dựng KV55 vì thế diễn ra vào

khoảng thời gian từ giữa thời gian trị vì của Tutankhamun và đến khi mai táng ông, khi ấy con dấu của nhà vua không còn sử dụng nữa.

Một quan điểm khác cho rằng Smenkhkare và/hoặc Akhenaten, cùng với người mẹ của Akhenaten, Tiye, đã được chôn cùng với ông ta ở Amarna, tất cả được dời đến KV55 ngay sau khi chính quyền rời bỏ thành phố. Việc làm xáo trộn bên trong phần mộ được quy cho các nhà vua phản đối việc thờ thần Aten vào đầu vương triều thứ 19, hoặc các quan chức của vua Ramesses IX. Có lẽ trong khi xây dựng phần mộ gần bên của vị pharaoh ấy nên mới phát hiện ra phần mộ KV55. Theo kịch bản này, thi thể của Tiye chắc chắn đã được



Quan tài bị cất xén có chủ ý - cũng như mất đi khuôn mặt, tất cả vòng tròn hình bầu dục khắc tên và danh hiệu của pharaoh đã bị cất xén.

đem đi và chôn lại ở nơi khác, mộ của Tiye nằm ở phía sau, lúc ấy một phần ngôi mộ bị nhét vào hành lang lối vào bị lấp kín một phần. Một thi thể khác cũng có thể bị di dời, và thi thể còn lại bị xóa sạch nét nhận dạng. Hình ảnh của Akhenaten trong phần mộ bị xóa sạch trước khi đóng cửa phần mộ và người còn lại sau cùng hủy bỏ để vĩnh viễn không ai biết.

Tuy nhiên một quan điểm khác cho rằng việc di dời đã xảy ra sau khi Tutankhamun mất, nhưng trước khi chôn cất vị pharaoh này. Ngày nay điều chắc chắn là việc phá hủy các công trình tưởng niệm của Akhenaten đã bắt đầu trong thời gian Tutankhamun còn sống. Sự có mặt của con trai Akhenaten trên ngai vàng chắc hẳn phải kiềm chế các thế lực phản động, nhưng với cái chết của Tutankhamun, sự hạn chế ấy sẽ biến mất. Theo kịch bản này, thi thể ở phần mộ KV55 đã được đặt vào phần mộ mới đơn độc, không tên tuổi ngay từ đầu. Sự xáo trộn cuối cùng sau đó là kết quả của việc tái phát hiện phần mộ trong thời gian trị vì của Ramesses IX với khủng hoảng kinh tế. Các quan chức háo hức tìm vàng rất tinh trong việc lấy đi đồ vật mạ vàng để tận dụng làm hỏng một phần mộ lấp kín lối vào.

GIẢI PHÁP?

Cả hai kịch bản cơ bản đều thích hợp đối với thi thể được cho là của Akhenaten hay của Smenkhkare, nhưng



Tái tạo khuôn mặt qua hộp sọ ở phần mộ KV55 (phải). cho thấy có khăn trùm đầu nemes. Nét mặt gần giống với nét mặt mô tả ở quan tài thứ hai của Tutankhamun (ảnh ngoài cùng bên trái). Điều này chứng tỏ quan tài dành cho một pharaoh khác chứ không phải dành cho Tutankhamun, vòng tròn hình bầu dục khắc tên và danh hiệu của pharaoh bị lấy đi và ấn cái mới vào.

vẫn còn hai vấn đề cơ bản: tại sao một vị vua được đặt trong một quan tài của phụ nữ được sửa sang lại công phu, và điều gì xảy ra đối với thi thể của nhà vua? Sự sửa đổi không ảnh hưởng đến tính chất thờ thần Athen

thuần túy trong chữ khắc trong quan tài, và điều này giả định rằng quan tài chuẩn bị sử dụng trong lần chôn cất đầu tiên của một pharaoh trong thời gian Akhenaten trị vì, vì sau khi nhà vua chết, sự bỏ đạo diễn ra nhanh chóng và ấn tượng. Akhenaten phải có một bộ quan tài hoàn tất rất lâu trước khi mất, chắc chắn sẽ được dùng để chôn ông.

Tuy nhiên, như chúng ta đã đề cập, chắc chắn trong lúc Smenkhkare hoàn thành ít nhất một quan tài, cùng với các tán lọng, ông ta không được chôn cùng vật dụng của riêng mình, thay vào đó người ta bỏ vào quan tài ông vật dụng dành cho nhà vua trẻ Tutankhanum.

Chắc hẳn Smenkhkare là một tín đồ thờ thần Athen (Mặt trời) sùng đạo, mặc dù sau này chấp nhận tên Neferneferuaten. Dụng cụ mai táng của ông hoàn toàn theo lối cổ truyền, đầu của một vị bách thần Amun theo quy ước, được thờ cúng trong đền thờ ông. Tuy nhiên, dường như ông chết trong khi cha ông Akhenaten, tác giả của cuộc cách mạng thờ thần Aten còn sống. Dựa vào thái độ hoàn toàn không khoan dung của Akhenaten về bất cứ chuyện gì liên quan đến thần thánh khác không phải là thần Aten - dễ nhận thấy qua sự xóa bỏ các ngôi đền đa thần khắp nơi - hoàn toàn cho rằng Akhenaten phản đối việc mai táng Smenkhkare với đồ vật truyền thống mà Smenkhkare đã chuẩn bị sẵn cho mình.

Nếu thế, các quan tài thay thế để chứa xác và nội tạng cũng cần đến. Do đó, dụng cụ “đúng theo tôn giáo” thích hợp có lúc thuộc về Kiya nay được cải biên dành cho nhà vua trẻ, sử dụng trong lễ mai táng nhà vua, chắc chắn diễn ra trong phần mộ khu Wadi Hoàng gia ở Amarna, nơi nhà vua được đền thờ Hoàng hậu Tiye che chở. Cũng chính từ đây thi thể sau cùng được dời đến Thung lũng các vị vua.

Hiện nay chỉ có nắp quan tài KV55 đang nằm trong Viện bảo tàng Cairo, vàng từ phần thân quan tài còn lại đã bị rửa nát có vẻ như bị trộm lấy cắp ngay trong Viện bảo tàng thời Thế chiến I, gần đây xuất hiện ở Đức. Các báo cáo chưa được chứng thực nêu rõ sự xuất hiện của vòng tròn hình bầu dục khắc tên và danh hiệu còn nguyên vẹn của pharaoh Smenkhkare, làm chứng cho các dấu hiệu từ mảnh vỡ bằng vàng rút ra từ quan tài ở Cairo và giải pháp đã nêu ở phần trên. Hy vọng rằng phần này của vấn đề cuối cùng sẽ được giải quyết khi thân quan tài được phục hồi và trao trả về người chủ sở hữu hợp pháp của nó, Viện bảo tàng Cairo.

CHỮ VIẾT THỜI CỔ ĐẠI & CHỮ VIẾT CHƯA GIẢI MÃ

CHỮ VIẾT LÀ MỘT TRONG NHỮNG PHÁT MINH
VĨ ĐẠI CỦA NHÂN LOẠI. NGÀY NAY, HẦU HẾT
CHÚNG TA ĐỀU CÔNG NHẬN, HỌC CÁCH VIẾT
CHỮ TRONG NHÀ TRƯỜNG, CÁCH CẦM BÚT HAY
VỊ TRÍ NGÓN TAY TRÊN BÀN PHÍM MÁY VI TÍNH
MÀ KHÔNG CẦN SUY NGHĨ GÌ VỀ CHỮ VIẾT.

Chúng ta hiếm khi tạm dừng công việc để suy ngẫm các tiến trình vật lý và tâm lý phức tạp đã giúp chúng ta diễn đạt tư tưởng của mình bằng ký hiệu và con chữ, vì sự phát minh ra chữ viết cách đây ít nhất 5.000 năm có vẻ rất phi thường. Ngạc nhiên trước việc giải mã chữ viết cổ đại đã thu hút người không chuyên lẫn học giả nghiên cứu qua nhiều thế kỷ. Andrew Robinson sẽ đưa chúng ta vào cuộc hành trình tìm hiểu bí ẩn trong thế giới văn khắc và giải mã.

Chữ viết bắt đầu như thế nào? Robinson cho rằng chữ viết bắt đầu ở Tây Nam Á cùng với nghề kế toán và nhu cầu theo dõi các giao dịch thương mại phức tạp



Hoa văn của Franks Casket, k. 700 sau CN mô tả câu chuyện của Romulus và Remus với câu khắc bằng chữ run phía trên và phía dưới.

ngày càng tăng. Có lẽ những người thư ký đầu tiên sống ở Uruk, Mesopotamia. Hay có thể hình dung được chữ viết phát triển từ các dấu hiệu bằng đất sét nhún nhường, từ lâu được dùng để thống kê tải trọng của đoàn lữ hành. Có lẽ chúng ta không thể biết chắc chắn. Nhưng chúng ta biết rằng chữ viết là một phát minh rất thành công, sử dụng rộng rãi ở Mesopotamia và Ai Cập 3100 tr CN. Các chữ viết mới thường tạo

thêm triển vọng mới cho nhân loại. Chữ viết tạo cho nhân loại có khả năng ghi chép các chi tiết dễ quên trong ký ức con người, một cách để nhắc con người các nhiệm vụ nên hoàn tất, ghi lại số hàng tồn kho và phân phát theo khẩu phần. Chữ viết cũng trở thành đơn vị tiền tệ trong ngành ngoại giao quốc tế, một chuyến xe chuyển tải lòng sùng đạo, giáo dục, tự diễn đạt, và hơn hết là quyền lực chính trị. Biết chữ là để truy cập thông tin, một sức mạnh thống trị con người. Văn phòng thư ký nhận được bổng lộc cao trong thời Ai Cập cổ đại, và cũng xứng đáng. Sự biết đọc, biết viết truyền từ đời cha đến đời con, bắt đầu từ các nét chạm còn ngập ngừng vẽ trên mảnh gốm và đá nhỏ, sau đó trên giấy cói papyrus rồi đến giấy của Ai Cập cổ đại. Một quyển sách giáo khoa nài nỉ số học sinh đi học miễn cưỡng: “Trở thành thư ký, thân thể các em sẽ béo tốt, bàn tay các em sẽ mềm mại... Các em sẽ thăng tiến trong trang phục màu trắng, được trọng vọng, có nhiều cận thần chào hỏi”.

Chữ viết đầu tiên có hình dạng chữ tượng hình - ký hiệu hoàn toàn không thích hợp khi thể hiện mọi từ loại hay các phần của từ. Như Robinson nêu rõ, chữ viết thật sự đầu tiên xuất hiện với việc khám phá hay phát minh nguyên tắc đồ bằng hình vẽ, tạo ra các giá trị ngữ âm cho ký hiệu tượng hình. Trong khi quan điểm ủng hộ chữ viết đang phát triển rộng khắp, có vẻ như các chữ

viết khác nhau được phát triển ở nhiều nơi riêng biệt và phát triển hoàn toàn độc lập ở Châu Mỹ.

Việc giải mã các chữ viết thời cổ đại đòi hỏi sự kiên nhẫn vô hạn, một đam mê với khả năng toán học rất nhiều, tỉ mỉ tìm tòi cộng với năng lực ngôn ngữ xuất sắc. Một số giải mã do cá nhân học giả tiến hành hay đơn thuần là các khám phá đặc biệt như đá Rosetta hay đá lớn của Behistun. Một số phải do cộng tác, mặc dù thường có cuộc chạy đua giải mã do thái độ cạnh tranh quyết liệt và mong muốn mình là người đầu tiên, cũng nhiều như tinh thần hợp tác. Người Pháp Jean-François Champollion giải mã chữ tượng hình Ai Cập năm 1823 nhờ vào kết quả của nhiều người trước Edward Hincks, Jules Oppert và Henry Rawlinson đã nghiên cứu chữ hình nêm ở Mesopotamia trên chiếc xe hai ngựa tandem, họ thường xuyên hội ý với nhau, mỗi người cùng giải một bí ẩn phức tạp. Công việc đồng đội tiếp tục trong thời kỳ hiện đại: việc giải mã nét khắc Maya được liệt vào hạng thành tựu khoa học vĩ đại nhất thế kỷ 20, và kết quả của sự cộng tác đầy cảm hứng giữa giới học giả sống trong nhiều quốc gia còn nghiên cứu phá hệ hoàng gia và niên lịch tôn giáo.

Nhiều năm nghiên cứu miệt mài dẫn đến việc giải mã thành công: sự kết hợp các cách nhìn xuất sắc, công việc phỏng đoán đầy cảm hứng và hoàn toàn gian khó. Câu chuyện thành công của Champollion,



Phần lớn câu khắc bằng tiếng Etrusca còn sót lại là mộ chí trên phần mộ và công trình trên phần mộ, ngăn cản việc giải mã ngôn ngữ cơ bản cho dù có thể "đọc" được câu khắc.

Rawlinson, Michael Ventris và các nhà nghiên cứu Maya mọi người đều biết. Nhưng nhiều chữ cổ đại vẫn còn thách thức các nhà nghiên cứu bia khắc. Robinson mô tả bí ẩn bao quanh một số chữ viết quan trọng, nhưng ít người biết đến hơn. Ventris và nhiều người khác giải mã nét vẽ B trong thập niên 1950, nhưng nét vẽ A lâu đời hơn vẫn là bí ẩn, phần vì người ta không biết ngôn ngữ sử dụng là loại nào. Chữ viết sông Ấn trong nền văn minh Harappan vẫn còn bí hiểm, nhưng có thể viết bằng ngôn ngữ Dravidia nguyên thủy. Sau cùng các nhà nghiên cứu hiện đại cũng giải mã từ các ngôn

ngữ Dravidia ban đầu. Chữ viết Etrusca được viết bằng một từ ngữ, chúng ta chỉ biết khoảng 250 từ của từ ngữ này. Phần lớn các tập sao lục đều lấy từ các mục ngắn khắc trên bia mộ, hầu như không phải là nguồn tư liệu đầy đủ nhất trong việc nghiên cứu một ngôn ngữ. Chữ viết tượng hình và chữ thảo của người Meroe vay mượn chữ viết Ai Cập, nhưng được gán là ngôn ngữ vô danh, không thể giải mã cho đến khi phát hiện có nhiều văn khắc song ngữ.

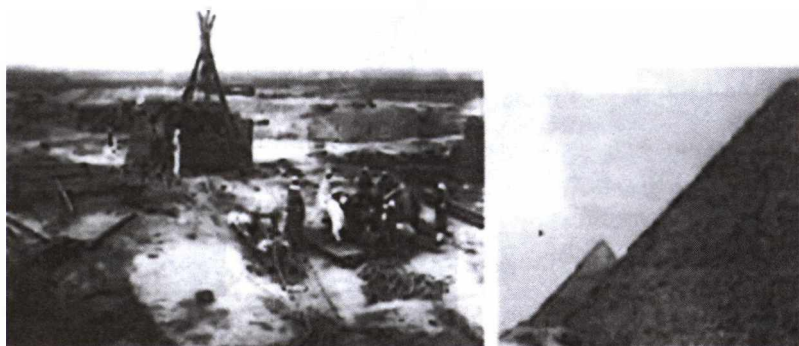
Các chữ viết Zapotec và Isthmia vùng Trung Mỹ vẫn chưa được giải mã, mặc dù có nét tương tự với chữ viết Maya và thực tế chúng ta chưa biết đây là ngôn ngữ gì, trong trường hợp này vấn đề là quá ít văn bản để nghiên cứu. Một số chữ viết khác, như các hòn đá ký hiệu Pictish và (có lẽ) ngôn ngữ Elamite nguyên thủy ở Iran cổ đại, không phải là những hệ thống chữ viết đầy đủ, trong khi các phiến gỗ *rongorongo* nổi tiếng trên đảo Easter không bao giờ giải mã được vì chữ viết trang nhã thường khó hiểu, vả lại hiện còn quá ít văn khắc. Tuy nhiên, điều này cũng không ngăn được giới học giả và người không chuyên vẫn lao vào nghiên cứu.

BÍ MẬT CỦA NGÔI MỘ NỮ HOÀNG HETEPHERES

"NGÔI MỘ NGUYÊN VẸN. ĐƯA RA, LẦN ĐẦU TIÊN TRONG LỊCH SỬ KHAI QUẬT AI CẬP, MỘT CƠ HỘI ĐỂ NGHIÊN CỨU VIỆC CHÔN CẤT CỦA MỘT ĐẠI NHÂN THUỘC THỜI KỲ ĐẦU, 1500 NĂM XƯA HƠN CÁC NGÔI MỘ HOÀNG GIA CỦA VƯƠNG QUỐC MỚI. NHÌN QUA MỘT LỖ HỔNG NHỎ, CHÚNG TÔI THẤY MỘT QUÁCH BẰNG THẠCH CAO TUYẾT HOA TUYẾT ĐẸP VỚI CHIẾC NẮP CÒN NGUYÊN TẠI CHỖ. RẢI RÁC MỘT PHẦN TRÊN CHIẾC QUÁCH VÀ MỘT PHẦN RƠI PHÍA SAU LÀ KHOẢNG HAI MƯƠI THANH DỌC CỦA CHIẾC HÒM VÀNG VÀ ĐÀ CỦA MỘT TRƯỞNG LỚN. Ở RÌA PHÍA TÂY CỦA QUÁCH LÀ NHỮNG TẤM VÀNG DÁT MẢNH SÚ, VÀ TRÊN NỀN LÀ MỘT ĐỒNG LÂN LỘN TOÀN GHE TỬ BẰNG VÀNG".

GEORGE A. REISNER

Vào ngày 02-02-1925, nhiếp ảnh gia thuộc đoàn thám hiểm Harvard - Boston của George A. Reisner ở các kim tự tháp Giza đang dựng cái giá ba chân thì một trong ba chân bị đánh bật ra khỏi vị trí, không phải do một mẫu của nền đá bị mất mà vì một phần vỡ. Nghiên



(Trái) Lối vào đường thông đến ngôi mộ của Hetepheres, với những vật ngăn và dẫy thừng là những phương tiện để đoàn khảo cổ vào ra và di dời những kho tàng đồ vật và đồ nát của nữ hoàng. (Phải) Cảnh quang địa điểm khai quật của Reisner: đại kim tự tháp Khufu, con trai của Hetepheres; với kim tự tháp của người kế nhiệm Khufu là Khephren ở đằng sau.

cứu tử mả khu vực, rõ ràng miếng vữa này được làm để che dẫy lối vào con đường thông với một ngôi mộ.

Việc dọn quang đường thông này được viên phụ tá người Anh, Alan Rowe thực hiện trong lúc Keisner vắng mặt (Keisner vẫn ở Hoa Kỳ). Sâu khoảng 30 m (100 ft), đường thông dẫn tới một phòng duy nhất, tường làm bằng những tảng đá vôi cho thấy nó chưa bị đụng đến từ thời cổ đại đến nay.

1924-33: CÁC TƯỢNG VÀ ĐÁ LÁT Ở KIM TỰ THÁP BẠC CỦA DJOSER SERDAB CỦA DJOSER

Phức hợp kim tự tháp bạc của Djoser, vị vua thứ hai thuộc triều đại thứ 3 (2630 - 2611 trước Công Nguyên), ngày nay được coi như một công trình kiến trúc có quy



mô lớn sớm nhất thế giới bằng đá (lẫn trong vật liệu này nhiều nguyên mẫu bằng gỗ và sậy). Mặc dù xây dựng vào buổi hoàng hôn của lịch sử thuộc triều đại, sự thuần nhất trong hình dạng kiến trúc là tuyệt vời: các du khách của Vương quốc mới đã để lại chữ viết hay hình vẽ ở đây từ ba ngàn năm trước hay hơn nữa, có câu như “có thiên đường trong nó, vị thần mặt trời Re mọc ở đây”. Giờ đây di tích đã được trùng tu lại một phần, giống như vẽ huy hoàng xưa kia lúc nhà kiến trúc người Pháp Jean Philippe Lauer, đã đến xem quang cảnh ấy cùng với công trình của Cecil Firth vào năm 1924-26 (và nay vẫn còn ở đó).

Các khách tham quan ngôi kim tự tháp có bậc cấp ngày nay thường được các hướng dẫn viên mời nhìn qua một trong hai lỗ hổng tròn khoan vào serdab (vây quanh phòng tượng) ở bên Bắc của phức hợp Djoser và nhìn xem gương mặt chủ nhân nguyên thủy của kim tự tháp. Cái mà họ

nhìn chỉ là một bản sao hiện đại của tượng Ka, vị vua bằng vữa, sơn phết và để râu kiểu Clark Gable, một bức điêu khắc toàn thân bằng đá vôi mà sinh lực của vị vua đã chết có thể ngự ở đó. Từ ngôi mộ của mình, quan sát thế giới và nhận những lễ vật của nhang khói. Bức tượng nguyên thủy được chuyển đến Bảo tàng Cairo (JE 49158) sau khi được Dows Dunham khám phá vào 1924-25.

Bức tượng của Djoser cho thấy một số đặc điểm quan trọng, bao gồm một hình dạng lõi thời của tám vải đội đầu nemes với những bọc nhọn phủ bộ tóc giả, và đôi mắt dát, đã bị mất từ lâu ở trước bệ, khắc chữ nổi, cho phép xác nhận đối tượng: "Netjerykhet" - tên của Djoser mà mọi người đều nhận biết ở khắp nơi trong cấu trúc của lăng mộ. Nét mặt, nhìn nghiêng gần giống sư tử của vị pharaoh cho thấy một hình tượng rất ấn tượng đầy quyền uy của nhà vua vào thời kỳ xa xưa.

Bức tượng thứ hai, cũng tìm thấy ở địa điểm rất quan trọng, nó bao gồm một cái bệ có khắc chữ. Bệ này mang tên không chỉ của Netjerykhet - Djoser, mà cả với chữ viết tượng hình ngay ngắn tên và chức vị của nhà kiến trúc tài ba của công trình Djoser, Imhotep - một trong những nhân vật có ảnh hưởng và bí mật nhất của thế giới cổ đại buổi đầu.

CÁC KHÁM PHÁ KHÁC

"Từ 1924 đến 1931 nhà khảo cổ học người Anh Cecil Firth phóng ánh sáng mới vào những công trình xây

dựng bao quanh kim tự tháp: “công trình ở phía Bắc” ... “công trình ở phía Nam” ... sân Hebsed... và đền thờ “T”... cửa vào các cột trụ... ngôi mộ phía Nam... và bức tường vây quanh. Vào 1928, cũng nhà thám hiểm này phát hiện dưới kim tự tháp một phòng mới trang tra bằng đá lát xanh da trời (hình dưới), và ba bia đá của vua Zoser [Djoser]... Sau ông ta, Quibell và Lauer thám hiểm những dãy hành lang sâu hơn ở dưới nền đất kim tự tháp mà Firth chỉ nhìn thoáng qua. Vào năm 1933 họ khám phá ở đó hai quách bằng thạch cao tuyết hoa và một nơi cất giấu khoảng 30.000 bình đá, cứng.”

ETIENNE DRIOTON

Tầm quan trọng của những mộ còn nguyên vẹn ở Giza rất lớn. Reisner, vào năm 1925, chỉ khám phá có một ngôi mộ của Impy - và đó là 12 năm trước. Các nhà khai quật vì thế cảm thấy thỏa mãn khi tìm thấy một cái thứ hai. Sự thỏa mãn của họ gia tăng khi một chữ khắc dát vào một ghế khiêng cho biết chủ nhân của ngôi mộ: Nữ hoàng Hetepheres, vợ vua Snefru và mẹ của Khufu, người xây dựng kim tự tháp lớn nhất ở Giza - công trình xây dựng lớn nhất bằng đá. Một nguồn bổ sung làm vui lòng Reisner là việc khám phá làm lu mờ, dù chỉ trong chốc lát, những thành công của Carnarvon và Carter ở mộ của Tutankhamun hai gã “non choẹt bất trị” mà Reisner khó ưa vì kiêu ngạo và thực dân: đã làm mọi việc bằng quyền uy của mình,



Khai quật ở ngôi mộ
Hetepheres gần như đã hoàn
thành: Dows Dunham ghi chép
vị trí và nội dung của hòm
vòng tay nữ hoàng đã bị rã ở
cuối phòng về phía Nam.

đã làm mất tín nhiệm như bọn phiêu lưu và tìm kiếm
kho tàng vô nguyên tắc.

Việc khai quật hầm mộ của Hetepheres đa phần là
do Dows Dunham thực hiện và cho thấy đó là công
việc khó khăn và tốn nhiều thời gian - nếu không
muốn nói là nguy hiểm, vì chính Dunham không đội
chiếc mũ bảo, có lẽ đã bị chết trong một giai đoạn đầu
của việc dọn quang khi một mảnh đá từ trần căn phòng
rơi xuống. Việc dọn quang phức tạp vì không gian giới
hạn, mà chỉ có không hơn hai nhà khai quật có thể
hành động cùng một lúc, và dưới sức nóng của đèn
điện. Các điều kiện được giảm thiểu với việc sắp xếp
cẩn thận một quạt máy, hạ nhiệt độ xuống 27-29°C (80
– 85°F). Người ta đã phải lưu ý đến việc lắp đặt một
cái quạt, từ khi thành phần hữu cơ của các đồ đạc chôn
cất bị phân rã hầu như hoàn toàn - đến nỗi một tiếng
nhảy mũi mạnh cũng đủ làm bay đi hoàn toàn hiện vật
phát hiện.

“Tôi nhớ một lần khi Reisner và tôi đang ở cùng trong mộ, tôi đưa ra vài nhận xét mà ông ta thấy thích thú, và ông ta đã buột miệng cười. Ngay tức thì có một tiếng xào xạc nhẹ như một mảnh của phiến vàng ở cuối phòng rơi xuống một vị trí thấp hơn do kết quả của việc gây tiếng động làm rung không khí.”

DOWS DUNHAM

Sự dễ vỡ của đồ tùy táng Hetepheres ngay từ đầu là một vấn đề đáng quan tâm, nhưng tổng số vàng lá trang trí trên nhiều đồ vật vẫn giữ được phần lớn hình thù chung của chúng. Trong tình trạng này, những ghi chép bằng cách vẽ lại với tỉ lệ tinh vi (lên đến 1701 trang bản thảo) và các bức ảnh tuyệt vời (tổng số là 1057 bức) cho phép các phát hiện chính được xây dựng lại bằng gỗ mới theo mẫu mã tuyệt vời của chúng và chất lượng được tìm lại - để bổ sung và giải thích chứng cứ phong phú từ những bức chạm nổi và tranh vẽ trên mộ đã làm hồi sinh cho vật liệu chôn cất ở đó. Toàn thể công việc khó khăn thể hiện “sự màu nhiệm của sự kiên nhẫn”.

THỜI GIAN CỦA SỰ THẬT

Việc mở quách của nữ hoàng, được thực hiện vào đợt hai của công trình khai quật ở ngôi mộ. Đó là việc được mong đợi nhất - nhưng sự việc đã cho thấy niềm kỳ vọng bị hạ xương tới cực điểm như Dows Dunham ghi:

“Vào ngày 03-03-1927, một đoàn người cao quý (8 người hay hơn nữa) tập hợp ở 100 ft dưới đất. Một cái gât đầu của Reisner, các tay đòn được đặt sẵn nhằm mục đích này bắt đầu xoay. Từ từ một lỗ hở xuất hiện giữa nắp quách và hộp. Nó lớn dần ra cho đến khi chúng tôi có thể nhìn thấy phần trên của hộp; không thấy gì cả. Khi nắm lên cao, chúng tôi có thể nhìn sâu hơn vào bên trong và cuối cùng vào đáy hộp”

Nghệ sĩ Lindon Smith, có mặt ở đây, tiếp tục câu chuyện:

“Khi nó được nâng vừa đủ để tôi nhìn vào bên trong, tôi mất tinh thần nhìn thấy nữ hoàng không có ở đó – quách trống rỗng! Quay sang Reisner, tôi cố ý nói thật to. “George, bà ta là một bù nhìn?”

Ngay lúc đó, bộ trưởng công trình công cộng hỏi, “Cái gì là bù nhìn?”

Reisner ngẩng đầu lên và nói “Quý ông, tôi rất tiếc là nữ hoàng không tiếp kiến.” Và nói thêm, “Bà Reisner đã nói các món ăn là các loại giải khát ở trại.”

BÍ MẬT CỦA HÒM XÁC ƯỚP VÀ CÂU TRẢ LỜI MỚI

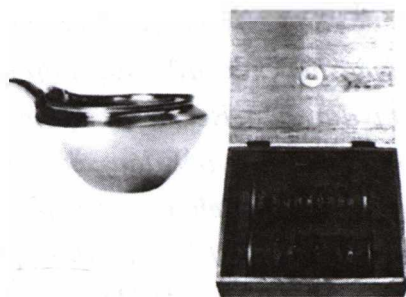
Sau sự thất vọng này, các nhà khai quật chú tâm vào hòm xác ướp của nữ hoàng mà họ tìm thấy giấu trong một hốc tường có niêm phong. Hốc tường này, nghịch lý là không trống rỗng mà lại chứa bốn gói nội

tặng, vẫn còn nổi trong một dung dịch natron, muốn dùng để ướp. Làm sao giải thích tình trạng khác thường này?

Bất lực trong việc gắn kết tất cả các sự kiện lại với nhau, Reisner đi đến một sự giải thích tài tình. Ông kết luận rằng mộ nguyên thủy của Hetepheres, có lẽ ở

Dahshur, đã bị xâm phạm ngay sau khi chôn cất và xác của bà đã được mang đi và tiêu hủy. Sự việc này làm kinh sợ, Reisner chấp nhận là đúng, nếu không việc trộm cắp được giữ bí mật từ Khufu, và cái còn lại của mộ mẹ ông, tối thiểu xác bà ta đã được chuyển đến Giza.

Giả thuyết màu mè của Reisner được chất vấn, sắc sảo nhất là Mark Lehner vào năm 1985. Lehner đề nghị một cách giải thích khác đơn giản hơn - và mộ của Reisner không phải là mộ thứ hai mà là nơi chôn cất nguyên thủy của nữ hoàng - mẹ, cố sắp vào hàng với một dự án kim tự tháp vệ tinh, GI - X, chưa bao giờ xây; và xác nữ hoàng được di dời vào giai đoạn sau, do sự xúi giục của Khufu, để chôn cất lại trong một kim tự



(Trái) Bình bằng vàng trong kho tàng đồ tùy táng của nữ hoàng, gò từ một phiến kim loại duy nhất và đánh bóng thật đẹp. Nó được tìm thấy trong một hộp nhỏ đựng dao cạo và hai mẫu cùng một đôi cũng màu vàng. (Phải) Hộp vòng cổ tay mạ vàng của Hetepheres, làm lại bằng gỗ mới. Các vòng cổ tay được làm bằng bạc dát cacnelian, đá xanh da trời và ngọc lam.

tháp vệ tinh mới, GI-a hay GI-b - nơi nó bị phá hủy vào thời cổ đại. Dù với lý do nào, đồ tùy táng nguyên thủy của nữ hoàng - kể cả nội tạng bà ta - đã bị bỏ lại trong G.7000X. Và ở đây nó có thể tồn tại, quên đi và không bị quây phá suốt hơn năm ngàn năm sau.

HETEPHERES: NHỮNG PHÁT HIỆN CHÍNH

Quách bằng thạch cao tuyết hoa (JE 51899)

Hòm xác ướp bằng thạch cao tuyết hoa (JE 52452)

Trương giường bằng gỗ phủ vàng (JE 57711)

Hộp màu bằng gỗ phủ vàng và khảm (JE 72030)

Giường gỗ, phủ vàng và khảm (JE 53261)

Ghế bành gỗ (2), phủ vàng, một khảm (JE 53263, Tem.reg. 22.2.60, nhiều loại khác nhau)

Ghế khiêng gỗ, phủ vàng và khảm (JE 52372)

Hòm gỗ (khoảng 8 cái) đựng vải, đồ gốm, chậu đá, dấu ấn bằng bùn, đá lửa và đủ loại các mảnh pha tạp

Hộp gỗ, phủ vàng và khảm (Temp. reg. 22.2.60, đủ loại), đựng:

Vật phẩm kết bằng hột (áo quần?)

Hộp gỗ với bình đựng thuốc mỡ v.v... (JE 52373)

Bình đựng nước bằng đồng thanh và chậu

Chậu bằng đá (2) và gốm (2)

Cái để gói đầu bằng gỗ, phủ vàng và bạc (JE 53262)

Hộp gỗ, phủ vàng với những vòng cổ tay bằng bạc (JE 53265-81; MFA 47.1699)

Đĩa vàng và bạc, các dao cạo bằng vàng và đồng thanh và các đồ mỹ phẩm khác; vòng cổ tay bằng ngà hộp hình ống bằng da với gậy (2), phủ vàng và bạc (JE 89619)

Chậu đá và gốm (đủ loại)

Giỏ

Dụng cụ cầm tay bằng đồng

- Đa số các đồ vật ở Cairo (JE; Temp.reg.); những mẫu nhỏ (và bản chép các món chính yếu) ở Bảo tàng mỹ thuật, Boston (MFA).

BÍ MẬT VỀ SỰ RA ĐỜI CỦA VŨ TRỤ

CON NGƯỜI THƯỜNG ĐẶT RA CÁC CÂU HỎI:
VŨ TRỤ MÃI MÃI KHÔNG THAY ĐỔI LÀ
ĐÚNG HAY SAI? VŨ TRỤ LỚN NHƯ THẾ NÀO?
VŨ TRỤ SINH RA KHI NÀO? VẬT CHẤT TRONG
VŨ TRỤ XUẤT HIỆN BẰNG CÁCH NÀO?...

Lần đầu nhìn vào không trung, chúng ta đều muốn, biết không gian rộng lớn bao la kia và những ánh sao tỏa sáng lấp lánh xuất hiện từ đâu. Cho nên, tất cả các dân tộc, tất cả các thời đại đều có những truyền thuyết về sự hình thành vũ trụ. Thế nhưng tất cả những điều đó phần lớn do tưởng tượng mà thành. Ngày nay, tuy khoa học kỹ thuật đã có những tiến bộ vượt bậc nhưng nguyên nhân về sự hình thành của vũ trụ vẫn chỉ giới hạn ở nhiều giả thiết. Về đại thể có những giả thiết tiêu biểu dưới đây:

Trước kia rất nhiều nhà khoa học đều có chung một giả thiết “vũ trụ nổ tung”. Đây là quan điểm của hai nhà vật lý học thiên thể nổi tiếng là Alexander Friedmann - người Nga và học trò của ông là George

Gamow - người Mỹ gốc Nga đưa ra đầu tiên. Hai ông cho rằng, khoảng 20 tỉ năm trước, vật chất tạo nên các thiên thể mà ngày nay chúng ta thường thấy là một khối vật chất có nhiệt độ rất cao, đến hơn 10 tỉ độ, được gọi là “quả cầu lửa nguyên thủy”. Trong không trung, thời kỳ này không thấy các hành tinh cũng như các vệ tinh mà chỉ có các chùm tia bức xạ. Sau này không biết vì lý do gì, “quả cầu lửa nguyên thủy” xảy ra một vụ nổ lớn. Vật chất từ đó bắn ra khắp nơi, dưới nhiệt độ cao 10 tỉ độ sản sinh ra hạt nhân nguyên tử và neutron. Trong 11 phút biến đổi, các neutron tự do đã hình thành nên hạt nhân nguyên tử nguyên tố nặng khoảng 10.000 năm sau sinh ra nguyên tử heli và nguyên tử hydro. Trong thời gian 10.000 năm này, các vật chất rải rác trong không gian bắt đầu kết hợp lại; mây, các hành tinh do một số vật chất tụ lại mà tạo thành. Trong sự phát triển của sao, mây, phần lớn thể khí thành tinh thể, trong đó một bộ phận vật chất do nhận được sự tác động của lực hấp dẫn của tinh thể tạo thành chất dẫn nối giữa các vì sao.

Năm 1929, nhà thiên văn người Mỹ Edwin Hubble (1889 - 1953) đã tiến hành quan sát toàn diện và nghiên cứu sâu về 24 hành tinh. Ông đã phát hiện ra quang phổ màu đỏ của các hành tinh đều tồn tại rất rõ ràng. Căn cứ vào hiệu ứng Doppler (mối quan hệ giữa tần số và vận tốc) trong vật lý, ông kết luận các hành tinh xa xôi đó trôi

ngược hướng chúng ta, vì vậy gọi là hành tinh lùi, hơn nữa, ông cũng phát hiện thấy tốc độ lùi của các hành tinh và khoảng cách của chúng tỷ lệ thuận với nhau. Cũng có thể nói, hành tinh cách chúng ta càng xa, tốc độ lùi càng lớn. Sự quan sát và đoán định này chứng minh vũ trụ đang dần nở ra. Vậy thì khi nào vũ trụ bắt đầu dần nở. Dãn nở được bao lâu rồi? Căn cứ vào tính toán của Hubble tốc độ dãn nở của các hành tinh là 150 nghìn mét/giây, điều đó có nghĩa là thiên thể cách chúng ta 1000 vạn năm ánh sáng^[1] thì tốc độ lùi mỗi giây là 150 nghìn mét. Từ đó chúng ta có thể ước đoán, tuổi của vũ trụ là 20 tỉ năm.

Một trong bốn phát hiện lớn trong thiên văn học những năm 60 thế kỷ XX là “phóng xạ bối cảnh vì sóng” cho rằng, trên các hành tinh tồn tại phổ biến phóng xạ bối cảnh vì sóng. Chất phóng xạ này hướng về các vật đồng tính trong không trung. Đó dường như là chất còn dư lại sau khi xảy ra sự bùng nổ vũ trụ. Thế nhưng, cũng có một số vấn đề mang tính căn bản trong học thuyết vũ trụ bùng nổ vẫn chưa giải quyết được. Ví dụ, vũ trụ trước khi bùng nổ như thế nào? Nguyên nhân dẫn đến sự bùng nổ của vũ trụ? Về sau, sự dãn nở của vũ trụ có cách thức ra sao?

Giả thiết thứ hai là “Vũ trụ vĩnh hằng”. Giả thiết này cho rằng, vũ trụ không biến đổi phức tạp như các

[1] Năm ánh sáng: Khoảng cách tính bằng quãng đường ánh sáng trong một năm - BTV

nhà khoa học đã nói. Từ khi khai thiên lập địa đến nay, thiên thể trong vũ trụ, mật độ thiên thể và sự vận động không gian của chúng luôn ở trạng thái ổn định. Giả thiết này do một số nhà thiên văn học nước Anh là Hawking, Bandy và Gorter đề xướng. Hawking đã phân loại các vật thể trong vũ trụ thành các loại: sao, hành tinh, thiên thạch, tinh vân, năng lượng sóng vô tuyến, khả năng thay đổi dòng điện lên xuống, các loại thiên thể, chất môi giới giữa các vì sao... Giả thiết này còn cho rằng một số thiên thể bị chôn vùi ở một nơi nào đó và sẽ xuất hiện ở nơi khác. Vũ trụ chỉ thay đổi ở bộ phận còn trong phạm vi tổng thể thì rất ổn định.

Giả thiết thứ ba là “tầng lớp vũ trụ”, do một số nhà thiên văn học Pháp đưa ra. Họ cho rằng kết cấu của vũ trụ được phân ra tầng lớp. Ví dụ sao là một tầng lớp nhỏ, sao tập hợp với nhau thành hành tinh[2], rất nhiều hành tinh kết hợp lại tạo thành dải hành tinh, một số dải hành tinh tập hợp lại thành siêu hành tinh. Tóm lại, tất cả các giả thiết trên tuy nói rõ cấu tạo bộ phận của mô hình nhưng đều thiếu tính khái quát nên còn phải tiếp tục nghiên cứu thêm.

[2] Theo hiệp hội thiên văn quốc tế (IAU) họp tại Prague, cộng hòa Czech ngày 30/08/2006 đã thống nhất những tiêu chí để phân loại một thiên thể là một hành tinh:

- Nó phải bay trong quỹ đạo quanh mặt trời
- Nó phải đủ lớn để có hình dạng gần tròn
- Quỹ đạo của nó phải tách bạch với các vật thể khác

BÍ ẨN VỀ CHỖN QUY TỤ CUỐI CÙNG CỦA VŨ TRỤ

CÁC THIÊN THỂ TRONG VŨ TRỤ PHÂN BỐ ĐỀU ĐẶN, CÁC DẢI SIÊU HÀNH TINH HÌNH THÀNH KẾT CẤU HÌNH DẠNG BỌT. GIỮA CÁC BỌT NÀY LÀ “TRƯỜNG THÀNH VŨ TRỤ”, TẬP TRUNG ĐẦY ĐỦ HÀNH TINH, “TRƯỜNG THÀNH VŨ TRỤ” DÀI KHOẢNG 5 TRĂM TRIỆU NĂM ÁNH SÁNG, CAO KHOẢNG 2 TRĂM TRIỆU NĂM ÁNH SÁNG. ĐƯỜNG KÍNH HÀNH TINH GIỮA CÁC BỌT BIẾN TỪ 10 TRIỆU ĐẾN 100 TRIỆU NĂM ÁNH SÁNG RẤT NHỎ GỌI LÀ “LỖ HÚT VŨ TRỤ”.

Căn cứ vào những lí luận đã được công nhận, sau khi xảy ra vụ nổ lớn vũ trụ xuất hiện rồi dần dần lớn mạnh. Khoảng 150 tỉ năm trước, nhiệt độ của vũ trụ rất cao, mật độ vật chất cũng rất lớn. Cái gọi là vật chất chẳng qua chỉ là quang tử mà thôi, sau đó dần dần hình thành các loại hạt cơ bản là chất liệu cấu tạo các loại vật chất như ngày nay. Áp lực lớn khiến cho vũ trụ giãn nở nhanh chóng. Nhiệt độ của vũ trụ nhờ có sự giãn nở mà dần dần giảm xuống, vật chất ngưng tụ thành các hệ

hành tinh, hệ hành tinh từng bước phân chia ra ngưng tụ thành các vì sao dần dần phát triển như thế nào cho đến nay.

Nếu như vũ trụ thật sự là do vụ nổ lớn mà hình thành rồi từ đó dần nở ra thì nó không thể là vô hạn được. Nó chỉ có thể là một không gian 3 chiều có giới hạn, giống như bom khinh khí có áp lực lớn bùng nổ cũng có ảnh hưởng đến một giới hạn nào đó mà thôi, giống như khí cầu không ngừng dần nở cũng có một thể tích nhất định. Thế nhưng các nhà khoa học lại cho rằng, vũ trụ không có điểm đầu cũng không có điểm cuối, chúng ta không có cách nào nói rõ đâu là “chân trời góc bể” của vũ trụ 3 chiều, vì thế cũng không tìm được biên giới của vũ trụ.

Việc đó phải giải thích như thế nào đây? Trước hết chúng ta hãy xem lại một số vấn đề của Địa cầu, từ bất cứ một điểm nào trên Địa cầu hướng về trước thẳng tiến, chúng ta đều không tìm được biên giới của Địa cầu, nhưng cuối cùng cũng sẽ có thể quay lại được điểm xuất phát ban đầu. Điều đó cho thấy Địa cầu không có điểm đầu cũng không có điểm cuối nhưng bề mặt vũ trụ của không gian hai chiều lại có hạn. Lấy không gian này mở rộng ra không gian 3 chiều của vũ trụ cho dù là trước, sau, trên, dưới, phải, trái bất kì phương hướng nào chúng ta cũng không tìm thấy được giới hạn của vũ trụ nhưng cũng có thể quay lại điểm

xuất phát ban đầu. Điều đó cho thấy Địa cầu hữu hạn nhưng không có điểm đầu và điểm cuối. Còn đương nhiên chưa một người nào xuất phát từ một điểm trong vũ trụ lại có thể quay trở về nơi xuất phát ban đầu. Vì thế điều này chỉ mong chờ những khoa học kỹ thuật tương lai phát triển để thực hành.

VŨ TRỤ RỐT CUỘC CÓ HÌNH DẠNG NHƯ THẾ NÀO ĐÂY?

Sự tưởng tượng đơn giản nhất, dễ dàng nhất đó là vũ trụ có hình cầu giống như Trái Đất, tiếp đó là tưởng tượng giống hình sấm xe, giống hình nón, hoặc hình khuyên. Trước đây, các nhà khoa học cho rằng hình dạng của vũ trụ có thể là 1 trong 3 hình dạng trên. Đương nhiên trên thực tế nó cũng có thể khác hoàn toàn.

Rốt cuộc hình dáng của vũ trụ như thế nào? Điều này còn phải chờ khoa học kỹ thuật tương lai công bố. Thế nhưng cũng có một điểm rất rõ ràng, trước mắt hình dáng của vũ trụ dù như thế nào cũng chỉ là phỏng đoán bởi vì chúng ta không thể đi một vòng quanh vũ trụ để đo đạc quan sát được.

Các nhà thiên văn học hiện đại đưa ra hai khả năng về vũ trụ phát triển: khả năng thứ nhất vũ trụ vẫn tiếp tục giãn nở vô tận, khả năng thứ hai sau khi giãn nở đến một mức độ nhất định dừng lại và chuyển sang bị thu

hẹp. Các nhà khoa học đã thăm dò và nhận thức được rằng, sau khi vũ trụ hình thành từ vụ nổ lớn đó, cho đến nay đã 100 tỉ đến 200 tỉ năm, chúng ta có thể nói vũ trụ đã có 150 tỉ năm lịch sử. Thế nhưng các nhà khoa học vẫn không thể biết được khi nào vũ trụ bị diệt vong, nói cách khác, không thể khẳng định tuổi thọ của vũ trụ là bao nhiêu. Đương nhiên đó sẽ là một khoảng thời gian rất dài, con số lớn đến mức không thể tưởng tượng được, có thể là vài chục triệu, vài trăm triệu năm hoặc hàng tỉ, chục tỉ năm cũng nên.

Nếu như vũ trụ tiếp tục giãn nở không ngừng như vậy, các tinh cầu sẽ biến nhiên liệu hạt nhân dần dần trở thành sao lùn trắng^[1], sao neutron^[2] và lỗ đen. Theo sau các lỗ đen có khắp nơi trên vũ trụ, lỗ đen nuốt tất cả vật chất, đến một lúc nào đó lỗ đen cũng sẽ bốc hơi, các mầm mống cơ bản tạo thành vật chất cũng sẽ suy biến, vũ trụ cũng sẽ trở thành một thế giới hỗn loạn.

Nếu như vũ trụ sau khi giãn nở đến một mức độ nhất định rồi dần thu nhỏ lại, sẽ có một cảnh tượng như thế nào đây? Điều này cũng chỉ có thể suy đoán từ lí luận, tình hình có thể diễn biến như sau:

[1] Sao lùn trắng là sao có khối lượng tương đương với Mặt trời nhưng về độ phát sáng thì nhỏ hơn 100 lần - BTV

[2] Sao neutron là sao có khối lượng nằm trong khoảng giữa 1,4 và 3 lần khối lượng Mặt trời cực kỳ đặc và kích thước rất nhỏ, gồm toàn khí neutron

Nếu như vũ trụ bắt đầu thu nhỏ mật độ vật chất của không gian, vũ trụ sẽ dần tăng lên, khoảng cách giữa các tinh cầu ngày càng bị rút ngắn, điều này sẽ ảnh hưởng đến tinh cầu. Thế nhưng nguyên nhân ảnh hưởng lớn nhất đến tinh cầu chính là sự thay đổi của nhiệt độ. Cùng với sự thu hẹp dần dần của vũ trụ, nhiệt độ của nó cũng sẽ dần dần tăng cao. Trước hết, các sinh vật trên Địa cầu sẽ không còn tồn tại được vì nhiệt độ tăng cao. Kế đó, Địa cầu sẽ bị hủy diệt trước. Theo sau, khi nhiệt độ của tất cả vũ trụ đều tăng cao vượt quá nhiệt độ của các vì sao Mặt Trời, thì sẽ biến thành thể khí tan biến trong vũ trụ. Còn các lỗ đen thì ngược lại, nó có thể lợi dụng cơ hội này để “đánh chén một bữa no nê” khiến nó ngày càng, “béo phì”, ngày càng nặng.

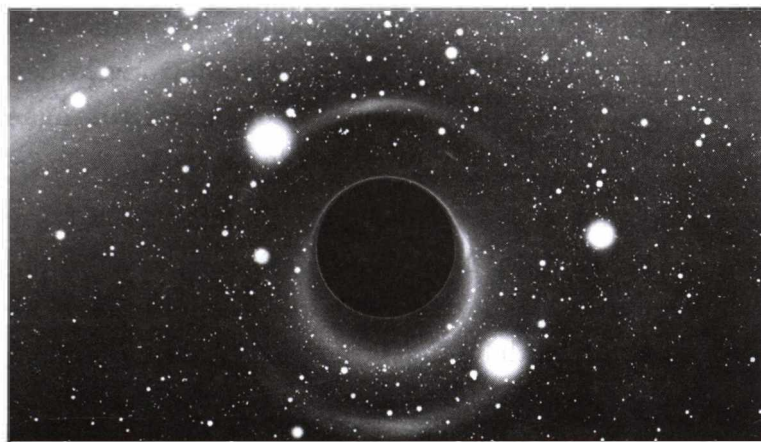
Đến khi đó, liệu có một vụ nổ lớn thứ hai nữa không để lại tạo ra vũ trụ thứ hai, chúng ta không thể biết trước điều đó. Hoặc vũ trụ cũng tuân theo quy luật chu kì sẽ khôi phục lại như cũ, rồi cũng có từng thời kì phát triển tiếp theo. Nhưng đó chỉ là chuyện ngoài tầm tay, khoa học ngày nay vẫn không thể suy đoán chính xác được.

BÍ ẨN LỖ ĐEN

BẦU TRỜI ĐÊM VỚI MUÔN NGÀN VÌ SAO NHỎ,
NHỮNG VÌ SAO ĐÓ ĐƯỜNG NHƯ KHÔNG CÓ ĐẶC
ĐIỂM GÌ, ĐIỀU DUY NHẤT CHỨNG MINH SỰ TỒN
TẠI CỦA CHÚNG CHỈ LÀ ÁNH SÁNG.

Thế nhưng trong vũ trụ còn có những tinh thể không phát sáng, điều bí ẩn của chúng lại càng khó khám phá hơn. Trung tâm nghiên cứu vũ trụ Mỹ đã phát sóng hệ thống quan sát thiên văn học cao năng, nghiên cứu những tia sáng không nhìn thấy được trong khoảng không vũ trụ. Trong những bức ảnh vũ trụ chụp được, điều khiến con người ngạc nhiên nhất là những thiên thể trước kia tưởng rằng đã mất đi lại phát ra những tia phóng xạ rất mạnh. Điều đó chứng minh từ rất lâu rồi, trong vũ trụ luôn tồn tại “lỗ đen” không nhìn thấy được.

Tính chất của lỗ đen không thể dùng các khái niệm thông thường để suy đoán nhưng ai cũng có thể dễ dàng nắm vững nguyên lý của nó. Điều kiện bắt buộc để hình thành lỗ đen chính là: một vật thể khối lượng cực lớn tập trung trong một phạm vi cực nhỏ. Các vì sao may



mất ở thời kỳ cuối đáp ứng được điều kiện này. Khi năng lượng của vì sao bị suy kiệt, không thể trung hòa lực trọng trường trọng lực, dần dần kết hợp lại, nguyên tử thu nhỏ. Định luật vạn vật hấp dẫn của Newton phát huy tác dụng, vì sao tiến vào giai đoạn sao lùn nâu, thể tích nhỏ lại, sáng lóa mắt, cuối cùng đột nhiên biến thành một tối sao (kích thước “tối hạn”). Cả quá trình diễn ra không đến một giây. Chúng ta nhìn lại: vì sao đã biến mất, một lỗ đen được sinh ra.

“Sao” lúc này có lực hấp dẫn lớn không thể tưởng tượng nổi, tất cả các vật chất gần đây đều bị hút vào, thậm chí ngay cả tia sáng cũng không thoát khỏi. Đó là nguyên nhân không thể nhìn thấy nó. Lỗ sâu không thể đo lường này được gọi là “lỗ đen”. Các nhà khoa học tin rằng đại đa số trung tâm hệ Ngân hà đều có lỗ

đen, cả hệ Ngân hà của chúng ta cũng vậy. Căn cứ vào thuyết tương đối, 90% vũ trụ đều bị hút trong lỗ đen cho nên có một điều khiến cho con người rất ngạc nhiên đó là “lỗ đen vô hạn chính là vũ trụ”.

Bên trong lỗ đen có những gì? Cũng chỉ có thể suy đoán từ lý luận trên. Nếu có một người dùng cảm lái phi thuyền bay vào lỗ đen, điều đầu tiên mà anh ta cảm nhận được chính là lực hấp dẫn tự nhiên. Từ cửa sổ nhìn ra ngoài xung quanh là ánh sáng, nơi xa hơn các tia X phóng ra bao vây trung tâm lỗ đen sâu không thể đo được. Các tia sáng gần đó hình thành một môi trường ánh sáng. Lúc này phi hành gia có quay phi thuyền lại cũng muộn rồi, họ bị hút vào trung tâm lỗ đen không thể thoát ra được.

Vậy thì làm thế nào mới phát hiện ra lỗ đen trong vũ trụ? Các nhà thiên văn học đã dùng kính viễn vọng quang học và tia phóng xạ X chú ý quan sát mối quan hệ mật thiết của chuyển động không theo quy luật sao “song tử”. Điều đặc biệt của chúng là khối lượng bằng nhau không thể hút hoặc “nuốt” nhau. Nếu như một vì sao trong đó bỗng nảy sinh thay đổi chuyển động không theo quy luật độ sáng giảm xuống hoặc mất đi, có khả năng là vì ở gần đó có lỗ đen tồn tại.

Loài người đã nỗ lực không ngừng để tìm hiểu về lỗ đen. Lần nghiên cứu thành công nhất là hệ thống quan sát tia phóng xạ X đầu tiên của phóng xạ Kenia, được gọi là Mahulu, hệ thống này sau khi vận hành được 3 tháng

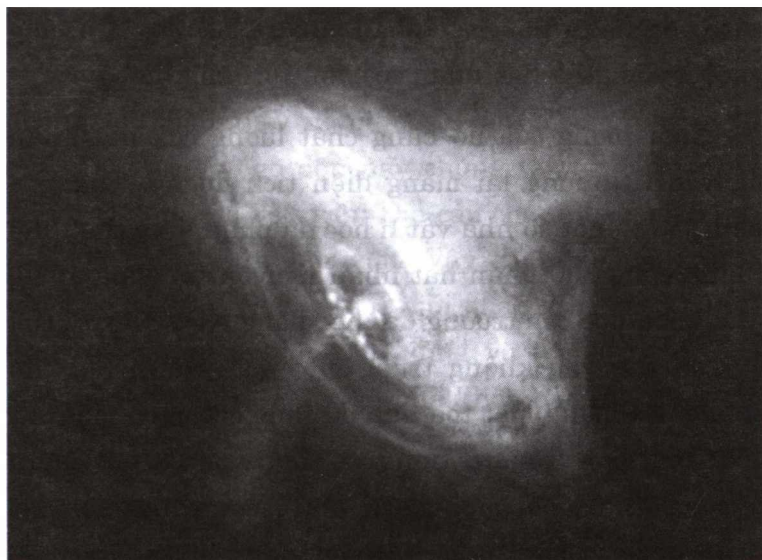
thì cảm thấy sự kì lạ của sao Thiên nga. “Vô tuyến điện tử” do sao Thiên nga X - 1 phóng ra khiến cho mọi người khó có thể xác định chuẩn xác vị trí của nó. Sao Thiên nga lớn gấp 20 lần Mặt Trời, cách Địa cầu 8000 năm ánh sáng, nghiên cứu cho thấy quỹ đạo của vì sao này bị thay đổi, không nhìn thấy được. Thì ra có một lỗ đen lớn gấp 5- 10 lần Mặt Trời, chu kỳ xoay tròn xung quanh $X = 1$ là 5 ngày, khoảng cách giữa chúng là 1300 vạn dặm Anh. Đây là lỗ đen mà con người xác định được sớm nhất.

Từ Genbaini và Galilée đến nay vẫn chưa có một lý luận về vũ trụ nào có tính đổi mới như thế. Tính phổ biến của vũ trụ một ngày nào đó sẽ được thừa nhận. “Vũ trụ không chỉ thần bí hơn tưởng tượng của chúng ta, mà còn thần bí hơn những gì mà chúng ta có thể tưởng tượng”. Chúng ta biết vũ trụ không ngừng giãn nở, đó là kết quả của “vụ nổ lớn”, hạt nhân nguyên tử vẫn là nguồn gốc của tất cả các vật chất. Khi các vật chất ngày càng thưa thớt thì cũng là lúc vũ trụ ngừng quá trình giãn nở, điều đó có đúng không? Lực hấp dẫn của thiên thể cuối cùng sẽ làm cho vũ trụ thu nhỏ lại? Thuyết tương đối của Einstein khẳng định điều đó. Sự tồn tại của lỗ đen đã chứng thực lời tiên đoán đó. Cho dù vũ trụ sẽ không bị biến mất trong lỗ đen nhưng cũng có thể sẽ bị biến mất trong hàng trăm hàng vạn lỗ đen. Ngoài ra, muốn tìm hiểu đến tận cùng các bí mật về lỗ đen cũng tương ứng với mong muốn tìm ra đáp án chính xác và rõ ràng về vận mệnh vũ trụ.

BÍ ẨN CỦA CÁC PHẢN VẬT CHẤT TRONG VŨ TRỤ

MUỐN BIẾT TRONG VŨ TRỤ CÓ CÁC PHẢN VẬT
CHẤT HAY KHÔNG, ĐẦU TIÊN CHÚNG TA PHẢI
HIỂU RÕ THẾ NÀO LÀ “PHẢN VẬT CHẤT”. PHẢN
VẬT CHẤT LÀ MỘT KHÁI NIỆM ĐỐI LẬP VỚI
PHẠM TRÙ VẬT CHẤT.

Mọi người đều biết nguyên tử là hạt nhỏ nhất để cấu thành nguyên tố hóa học, nó do hạt nhân và các electron tạo thành. Trung tâm của nguyên tử là hạt nhân, các electron quay xung nó. Hạt nhân nguyên tử mang điện tích dương, các electron mang điện tích âm. Căn cứ vào các đo đạc, tính toán chúng ta thấy hạt nhân nguyên tử có điện lượng bằng 1840 lần điện tử, hình thành không có tính đối xứng. Vì thế, đầu thế kỷ XX có một vài nhà khoa học đã đặt ra câu hỏi, điện từ khác nhau xa như vậy có thể nào tồn tại trong một hạt nhân khác, điện lượng của hai loại này bằng nhau nhưng



khác nhau về cực, một loại mang điện tích dương còn loại kia mang điện tích âm.

Năm 1928, nhà vật lý học trẻ tuổi người Anh là Howlake đã đưa ra chủ đề “Tính khả năng của điện tử mang điện tích dương” thông qua lý luận trên. Hạt này, ngoài sự trái ngược về điện tích của điện tử các tính chất khác đều giống nguyên tử thông thường. Năm 1932, nhà vật lý học người Mỹ Oejohn đã tiến hành thí nghiệm biến lý luận của Howlake thành hiện thực. Ông đã biến tia phóng xạ Y thành phần tử trong đó 1 hạt là điện tử, hạt còn lại có chất lượng điện tử giống như hạt trên và mang điện tích dương. Năm 1955 nhà vật lý học Siglelei đã dựa vào phương pháp

của công nhân thu được phản vật chất trung tâm máy gia tốc đồng bộ hạt nhân nguyên tử năng lượng cao.

Chất lượng của nó bằng chất lượng của hạt nhân nguyên tử nhưng lại mang điện tích dương. Tháng 8 năm 1978, một số nhà vật lý học đã phân li và thu thập thành công 300 phản hạt nhân nguyên tử. Năm 1979, nhà khoa học của trường đại học bang New Mexico của Mỹ đã thả vào không trung một quả khinh khí cầu trên sân thượng một tòa nhà 60 tầng cao cách mặt đất 35.000m, bay trong 8 tiếng và thu được 28 hạt nhân nguyên tử. Từ đó mọi người biết được rằng mỗi hạt nhân đều có phản phân tử tương ứng.

Mọi người căn cứ vào phản phân tử liên tưởng đến sự tồn tại của phản nguyên tử. Một hạt nhân mang điện tích dương và các hạt điện tử (các electron) mang điện tích âm hình thành một nguyên tử. Như vậy một phản hạt nhân nguyên tử và các “điện tử” mang điện tích dương chẳng lẽ không tạo ra một phản nguyên tử hay sao? Nếu làm được điều đó sẽ hình thành một thế giới phản vật chất. Vì thế có người cho rằng vũ trụ là do vật chất và phản vật chất năng lượng như nhau tạo thành.

Theo lý luận trên, trong vũ trụ có lẽ tồn tại một thế giới phản vật chất. Nhưng sự thật không đơn giản như vậy. Qua nghiên cứu các nhà khoa học phát hiện

phân tử và phản phân tử một ngày nào đó sẽ gặp nhau, chúng sẽ cùng bị phân ly, từ đó chuyển hóa thành phóng xạ quang tử V năng lượng cao. Nhưng phóng xạ quang tử V này cho đến nay chúng ta vẫn chưa phát hiện ra. Chính vì vậy trên Địa cầu chúng ta rất khó có thể tìm thấy phản vật chất. Vậy thì trong vũ trụ có tồn tại phản vật chất và thế giới phản vật chất không? Căn cứ vào quan điểm đối xứng vũ trụ học thì “thế giới” này có tồn tại. Một số nhà khoa học cho rằng các hành tinh ngoài hệ Ngân hà mà chúng ta đang quan sát được chẳng qua là thể khí đồ sộ loãng, do thể ion tạo thành. Thể ion bao gồm cả phân tử và phản phân tử. Khi thể khí dưới tác dụng vạn vật hấp dẫn bắt đầu thu nhỏ, cơ hội tiếp xúc giữa phân tử và phản phân tử nhiều hơn tạo ra hiệu ứng hủy diệt đồng thời phát ra một năng lượng rất lớn, thể khí thu nhỏ bắt đầu dần nở. Điều đó cho thấy sự dần nở của thể ion là do sự hủy diệt của phân tử và phản phân tử tạo thành. Căn cứ vào quan điểm đó chúng ta có thể suy luận, mỗi một nơi trong vũ trụ nhất định sẽ tồn tại thế giới phản vật chất tương ứng. Nếu như thật sự tồn tại thế giới phản vật chất, có phải không được tụ hợp lại với vật chất mới có thể tồn tại. Nhưng vật chất và phản vật chất làm thế nào mới không tụ hợp lại? Tại sao phản vật chất trong vũ trụ lại ít như vậy? Đó là bí mật cần phải chờ dịp mới giải đáp được.

BÍ ẨN VỀ “Kừ SĨ MÀU ĐEN” TRONG VŨ TRỤ

VIỆC PHÁT HIỆN NHỮNG PHI THUYỀN, MÁY MÓC NHÂN TẠO ĐẾN TỪ NGOÀI TRÁI ĐẤT KHÔNG CÒN LÀ CHUYỆN LẠ NỮA. NĂM 1961, HỌC GIẢ PHÁP PAUL WALEI TRONG KHI LÀM VIỆC Ở ĐÀI QUAN SÁT THIÊN VĂN WALEST ĐÃ PHÁT HIỆN THẤY MỘT VỆ TINH ĐỊA CẦU CÓ PHƯƠNG HƯỚNG VẬN HÀNH TRÁI NGƯỢC VỚI CÁC VỆ TINH NHÂN TẠO KHÁC XOAY QUANH TRÁI ĐẤT ĐÃ ĐƯỢC MỘT SỐ QUỐC GIA PHÓNG LÊN KHÔNG TRUNG. LAI LỊCH CỦA VỆ TINH NÀY KHÔNG RÕ RÀNG NÊN ĐƯỢC GỌI LÀ “Kừ SĨ MÀU ĐEN”.

Sau đó rất nhiều nhà thiên văn học trên thế giới đã căn cứ vào số liệu chính xác do Walei cung cấp, cũng phát hiện thấy vệ tinh độc lập này. Năm 1981 đài thiên văn Liên Xô đã thừa nhận về sự tồn tại của “kỵ sĩ màu đen” với đặc trưng cụ thể như sau: nó vận hành dọc theo quỹ đạo hình elip trên quỹ đạo không gian Địa cầu, thể tích nhỏ, rất chói mắt giống như một thiên cầu kim loại. Học giả Pháp Alexander Jer cho rằng “kỵ sĩ màu đen” vận hành quanh Địa cầu với phương thức không giống với

bất kỳ thiên thể nào, điều đó chứng minh nó có thể ảnh hưởng đến việc thay đổi trường trọng lực. Đây chỉ có thể là UFO (vật thể phi hành sẽ được xác định rõ ràng) “khách” đến từ ngoài thiên thể mới có thể làm được. Từ đó các nhà khoa học nghĩ rằng rất có thể “kỵ sĩ màu đen” và UFO có mối quan hệ nào đấy với nhau. Ngày 1 tháng 11 năm 1983, khi một vệ tinh thiên văn hồng ngoại do nước Mỹ phát đi quét ngang bầu trời ở miền Bắc nước Mỹ đã sớm phát hiện ra một thiên thể huyền bí. Vệ tinh đã nghiên cứu quan sát thiên thể đó 2 lần, 6 tháng 1 lần, điều đó chứng tỏ thiên thể này có quỹ đạo ổn định trong vũ trụ.

Tháng 12 năm 1988, một nhà khoa học Liên Xô đã thông qua trạng vệ tinh phát hiện có một vệ tinh lớn huyền bí xuất hiện trên quỹ đạo Địa cầu. Khi đó Liên Xô cho rằng đó là vệ tinh “chiến đấu tinh cầu” của Mỹ. Đồng thời các nhà khoa học Mỹ trong thời gian này cũng phát hiện ra vệ tinh huyền bí đó nhưng họ lại cho rằng vệ tinh này thuộc về Liên Xô.

Các quan chức của hai nước Mỹ và Liên Xô tiếp xúc và thảo luận ngoại giao. Cả hai nước cuối cùng đều cho rằng vệ tinh này là của một nước khác. Nhưng tất cả các quốc gia có khả năng phát vệ tinh trên Địa cầu khi đó như Anh, Pháp, Tây Đức, Nhật Bản... đều không phóng ra vệ tinh này (theo hệ thống điều tra sau đó cho biết).

Căn cứ vào các dấu vết để lại mà trạm vệ tinh Liên Xô thu thập được cho thấy thể tích của vệ tinh này to

lớn lạ thường, có hình dáng giống kim cương nhưng xung quanh có từ trường mạnh bảo vệ, bên trong có lắp đặt nhiều máy móc tiên tiến. Nó dường như có khả năng mô tả và phân tích các đồ vật trên Trái Đất bao gồm cả sinh vật. Đồng thời nó cũng lắp đặt thiết bị báo tin. Năm 1989, ở Thụy Sĩ đã mở một cuộc họp báo: giáo sư Mokis Yenohua - chuyên gia hàng không vũ trụ của Liên Xô đã công bố chuyện này. Ông nhấn mạnh ngay trước thời điểm đó vệ tinh này đã xuất hiện trên quỹ đạo Địa cầu chúng ta. Ông cho biết, Liên Xô sẽ phóng tên lửa điều tra, hy vọng sẽ tìm ra chân tướng sự việc.

Sau công bố này đã có hơn 200 nhà khoa học trên thế giới mong muốn giúp đỡ Liên Xô nghiên cứu “vệ tinh nhân tạo” của một tinh cầu nào đó ngoài Trái Đất. Giáo sư George Mila nhà thiên văn học người Pháp phát biểu: “Thật rõ ràng, vệ tinh này đã bay qua một quãng đường dài mới đến được Địa cầu, thiết kế của nó cho thấy điều đó. Tuy chỉ là bước đầu suy đoán nhưng tôi dám khẳng định nó đã có ít nhất 5 vạn năm”.

Người ta còn tìm được dấu vết để lại của các vệ tinh nhân tạo từ hành tinh nào đó đến vận hành trên quỹ đạo Địa cầu sau khi chúng bị bùng nổ. Đầu những năm 60 của thế kỷ trước, các nhà khoa học Liên Xô lần đầu phát hiện thấy vết tích của một loại vệ tinh hoặc phi thuyền đặc biệt cách Địa cầu 2000km. Sau khi trải qua vài năm nghiên cứu, họ mới tin tưởng vệ tinh đó là do

tự bùng nổ mà vỡ thành 10 mảnh. Khi mọi người biết được tin này đã hết sức kinh ngạc và chú ý quan tâm đến mọi tin tức nhỏ nhất có liên quan đến nó.

Giáo sư Poxikolov - nhà vật lý học thiên thể của trường Đại học Moscow phát biểu, ông đã dùng máy vi tính tỉ mỉ truy tìm dấu vết quỹ đạo của 10 mảnh vỡ này, phát hiện ra ban đầu chúng là một chĩnh thể. Dĩ nhiên phải là một vụ nổ rất kinh mới dẫn đến hậu quả này. Ông phát biểu: Chúng tôi tin rằng các vật thể này không phải được phóng ra từ Địa cầu bởi vì tháng 10 năm 1997 Liên Xô mới phóng vệ tinh nhân tạo đầu tiên của Trái Đất lên bầu trời”.

Nhà nghiên cứu vật lý thiên thể nổi tiếng Liên Xô – ông Koloyanov phát biểu, đường kính của 2 mảnh xác lớn nhất khoảng 30m. Từ đó chúng ta có thể giả định tàu vũ trụ này ít nhất dài 60m, rộng 30m. Bề ngoài của nó có một ít đỉnh tròn nhỏ có lắp kính viễn vọng, ăng ten dạng đĩa có tác dụng thu tin tức, ngoài ra nó còn có cửa sổ. Nhà nghiên cứu này còn bổ sung thêm “phi thuyền này có vài tầng, có thể là 5 tầng”.

Một nhà vật lý học khác của Liên Xô nhấn mạnh: “Tất cả những chứng cứ mà chúng tôi thu thập trong nhiều năm qua đã cho thấy nó là một phi thuyền, do linh kiện máy móc bị hỏng hóc nên mới phát sinh vụ nổ”. Ông còn nói: “Trên phi thuyền rất có thể sẽ có di hài của phi công ngoài Trái Đất”.

Phát hiện của các nhà khoa học Liên Xô đã khiến cho “những người bạn đồng hành” Mỹ hết sức thích thú. Một nhà vật lý học và chuyên gia hàng không vũ trụ Mỹ phát biểu: “Nếu như chúng tôi bay vào không trung thu thập các mảnh xác khác của phi thuyền đã từng bị nổ trên bầu trời, tôi tin rằng chúng tôi có thể ghép chúng lại với nhau”.

Điều thú vị là 10 năm trước, khi các nhà khoa học Liên Xô tuyên bố họ phát hiện ra các mảnh xác của phi thuyền ngoài Địa cầu, một nhà thiên văn học Mỹ John Begel đã từng viết một tác phẩm trên tạp chí khoa học nổi tiếng của Mỹ, trong đó có nhắc đến 10 mảnh vụn có nguồn gốc không rõ ràng trôi nổi xung quanh Địa cầu giống như 10 Mặt Trời nhỏ. Nhà thiên văn học này cho rằng chúng được tách ra từ một thiên thể đồ sộ, thời gian phân tác vật thể có nguồn gốc không rõ ràng này là ngày 18 tháng 12 năm 1955. Điều này và kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học của Liên Xô, thật kỳ lạ lại trùng hợp nhất. Đồng thời Liên Xô cũng bác bỏ quan điểm vật thể này có khả năng chỉ là hiện tượng tự nhiên.

Thật đáng tiếc là cho đến nay, các nhà khoa học của chúng ta vẫn chưa biết vệ tinh nhân tạo được phóng lên không trung “5 vạn” năm trước rốt cuộc chủ nhân của nó là ai? Họ phóng ra vệ tinh này có mục đích gì?

BÍ MẬT VỀ VŨ TRỤ

THEO CÁC NHÀ KHOA HỌC, VŨ TRỤ SINH RA
TỪ MỘT VỤ NỔ LỚN (BIG BANG) VÀ VẪN ĐANG
KHÔNG NGỪNG NỞ RA, MỞ RỘNG THÊM.
CÓ SINH ẮT CÓ TỬ, LIỆU VŨ TRỤ CŨNG SẼ CÓ
NGÀY DIỆT VONG! CHO ĐẾN NAY, SỐ PHẬN CỦA
VŨ TRỤ VẪN LÀ MỘT CÂU ĐỐ CHƯA LỜI GIẢI.

Bởi cho đến nay, con người vẫn chưa thể đưa ra sự phỏng đoán chính xác về định luật vạn vật hấp dẫn và sự mở rộng của vũ trụ, mà kết quả quan trắc từ các nhà thiên văn học cũng vẫn còn tồn tại rất nhiều điểm chưa xác định. Đó là những điểm gì? Các nhà khoa học cho biết những điểm chưa xác định đó liên quan đến lý thuyết về sự giãn nở. Theo lý thuyết này thì vũ trụ bắt đầu từ một không gian rộng như một quả bong bóng. Trong không gian rộng đó, tốc độ giãn nở lúc đầu của vũ trụ còn lớn hơn tốc độ ánh sáng rất nhiều. Nhưng sau khi kết thúc quá trình giãn nở, nguồn năng lượng cuối cùng làm nở vũ trụ vẫn chưa cạn kiệt. Nó có thể vẫn đang tồn tại trong vũ trụ, ẩn mình trong không gian và tiếp tục âm

thâm mở rộng vũ trụ. Để chứng thực cho lập luận này, các nhà khoa học đã nhiều lần tiến hành quan trắc các hằng tinh (Các hành tinh tự phát sáng như Mặt Trời, sao Chức Nữ...) đang cháy sáng trong hệ Ngân Hà. Qua những lần quan trắc này, họ nhận thấy nguồn năng lượng gây dẫn nở vũ trụ có khả năng vẫn đang tồn tại, vẫn đang âm thầm phát huy tác dụng.

TƯƠNG LAI CỦA VŨ TRỤ

Những nhân tố quyết định tương lai của vũ trụ và sự mở rộng của nó mà còn cả những năng lượng làm tăng áp lực sản sinh các vòng xoáy, làm dẫn nở vũ trụ đang lẫn quất trong không gian. Nhưng điều mà con người quan tâm nhất có lẽ là số phận của chính họ. Con người sẽ đóng vai trò như thế nào trong vũ trụ? Liệu con người có nhất định bị diệt vong? Nhân loại đang ngày càng phát triển, chúng ta có thể làm thay đổi trái đất, chúng ta đã có thể làm chủ môi trường sống của mình. Nhưng những cuộc tìm kiếm lời giải cho các nghi vấn về vũ trụ sẽ vĩnh viễn không có điểm kết thúc, có chăng đó có lẽ sẽ là ngày tận thế của loài người. Nhưng cũng có thể ở một tương lai xa nào đó, con người sẽ đứng vào một vị thế bất khả chiến bại trong vũ trụ nhờ vào trình độ phát triển cao siêu của mình. Ai dám chắc là không! Tốt nhất hãy để nhân loại và những sinh vật ngoài trái đất cùng chờ xem, như Einstein đã từng viết trong bức thư gửi một cậu bé đang lo lắng cho vận mệnh của thế giới: “Nói về tương lai của thế giới này ý kiến của bác là: Hãy cùng chờ xem!”

BÍ ẨN VỀ TAI NẠN CỦA TRÁI ĐẤT

TRONG LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT
TRIỂN, BÊN CẠNH NHỮNG THAY ĐỔI DẦN
DẦN TRÁI ĐẤT CỦA CHÚNG TA SẼ CÒN
TRẢI QUA NHIỀU BIẾN CỐ LỚN.

Từ những năm 80 của thế kỷ XX trở lại đây, mọi người chú ý đến thuyết có sự va chạm giữa các thiên thể trong vũ trụ. Các nhà khoa học bắt đầu tin có mối quan hệ mật thiết giữa các sự kiện lớn xảy ra trong lịch sử Trái Đất với các vụ va chạm. Các va chạm này gây tai họa cho môi trường Trái Đất dẫn tới sự tuyệt chủng có quy mô lớn của các loài sinh vật. Lần tuyệt chủng này dẫn đến con đường tiến hóa của các loài sinh vật. Có một số loài mất đi, suy yếu đi, còn một số loài khác thì được sinh ra và tiến hóa.

BA TAI HỌA LỚN CỦA TRÁI ĐẤT TRONG TRUYỀN THUYẾT

Những dân tộc có lịch sử lâu dài, văn hóa truyền thống phong phú thường lưu truyền các truyền thuyết

thần thoại về sự hình thành Trái Đất. Những truyền thuyết được truyền miệng từ đời này sang đời khác có sức hấp dẫn kỳ lạ. Hơn nữa nó có giá trị tham khảo nhất định đối với việc nghiên cứu của các nhà khoa học. Vậy có truyền thuyết của các bộ lạc cổ đã bị diệt vong thì sao?

Đó là bộ lạc Hoppis (vùng Amazon) của người Indians châu Mỹ. Những hiểu biết của họ về lịch sử du mục của bộ lạc mình và tình hình lộn xộn của vũ trụ khiến người ta phải kinh ngạc. Họ đã ghi ba tai họa lớn của Trái Đất trong cuốn biên niên sử của họ. Lần một là sự bùng phát của núi lửa, lần hai là động đất và lần ba là nạn đại hồng thủy. Điều làm người ta không giải thích nổi chính là những truyền thuyết này cùng với suy đoán của các nhà khoa học lại khớp với thực tế xảy ra.

Nhà địa lý học Rolin Okinslos đưa ra một giả thiết là, nếu như lượng băng phủ trên một trong hai cực của Trái Đất tăng lên đột ngột thì sự chuyển động của Trái Đất sẽ bị rung lên, sau cùng là chuyển động chia tách các lục địa. Quan điểm của ông hoàn toàn phù hợp với truyền thuyết “Trái Đất tách khỏi lõi”, của bộ lạc Hoppis. Không hiểu bộ lạc Hoppis do đâu mà có được những kiến thức siêu việt về Hệ Mặt Trời như vậy?

12.000 năm trước, đã xảy ra nạn đại hồng thủy trên toàn thế giới. Lúc đó khí hậu đột ngột thay đổi. Lớp

băng trong kỷ nguyên băng hà lần thứ 3 đột nhiên nóng chảy làm cho mực nước trên toàn thế giới tăng cao, nhấn chìm Đại Tây Dương, Địa Trung Hải, biển Caribe, đảo và đất liền ở các khu vực khác hình thành lên eo biển. Sau đó, núi lửa dưới đáy biển bùng phát...

Về nạn đại hồng thủy này, rất nhiều mẫu nham thạch đã cung cấp cho chúng ta những bằng chứng có sức thuyết phục. Mười mấy năm trước, các nhà khoa học Liên Xô đã lấy mẫu nham thạch ở độ sâu 2200m dưới đáy biển phía bắc vùng quần đảo Azores để kiểm định. Kết quả cho thấy những mẫu nham thạch này đã được hình thành khoảng 17.000 năm trước đây. Trong thế kỷ XIX, tại công trình nạo vét đáy biển - thuộc quần đảo Azores, người ta đã tìm thấy một ít đá pha lê huyền vũ. Loại pha lê nham thạch này được hình thành trong không khí dưới áp lực của khí quyển. Năm 1956, tiến sĩ Manes và Kohler thuộc Viện bảo tàng quốc gia Stakholm đã phát hiện ra nước ngọt trên loài khuê tảo dưới độ sâu 3600m thuộc Bắc Đại Tây Dương. Qua nghiên cứu cho thấy 2000 năm trước, nơi đây đã từng là hồ nước ngọt. Các nhà khoa học còn cho biết loại nham thạch bị nhấn chìm tại quần đảo Bahamas đã từng tồn tại trong không khí khoảng 12.000 năm trước.

Dựa vào các chứng cứ trên thì truyền thuyết của bộ lạc Hoppis là đúng nhưng chưa đủ. Nếu như đó là sự

thật thì tại sao một bộ lạc cổ xưa như vậy lại có những kiến thức ưu việt như thế, đó đúng là một bí ẩn.

TRÁI ĐẤT THƯƠNG TÍCH DÂY MÌNH

Mặc dù đa số các hố thiên thạch trên Trái Đất đã được bàn tay tự nhiên san bằng hoặc được nước biển nhấn chìm, nhưng các nhà khoa học còn phát hiện ra hơn 120 hố thiên thạch vẫn còn tồn tại cho đến ngày nay, hơn nữa còn phát hiện thêm những hố thiên thạch mới.

Hố thiên thạch ở Azores do một doanh nghiệp của nước Mỹ, tên là Baringe tìm ra vào năm 1905. Bởi vậy nó được đặt tên là hố thiên thạch Baringe. Hố thiên thạch này không chỉ lớn mà còn rất kỳ lạ. Đường kính của nó khoảng 1200m, sâu khoảng 180m, đường biên cao khoảng 30 - 40m, gần giống như một hình vuông. Nếu như bạn chạy một vòng quanh chiếc hố cũng phải mất mấy tiếng đồng hồ. Theo phỏng đoán thì có một cục sắt khổng lồ đã tạo ra hố thiên thạch Baringe này, ước tính đường kính của nó là 60m, trọng lượng là 1 triệu tấn, với tốc độ 20km/s. Nó đã rơi xuống Trái Đất vào khoảng 20.000 năm trước, tạo ra một vụ nổ lớn.

Thung lũng Weildef của vùng Azania thuộc Nam Phi nằm gần 270 vĩ độ Nam, đường kính đạt tới 70km. Theo kết quả điều tra cho thấy nó được hình thành vào khoảng 300 triệu năm trước.

Quần thể hố thiên thạch Widem nằm ở miền Trung Australia. Do vùng này rất khô nên không có con người sống ở đây. Nơi đây còn lưu giữ được 13 hố thiên thạch, trong đó hố lớn nhất có hình ôvan với đường kính là 220m, sâu 12m. Quần thể hố thiên thạch này được phát hiện vào ngày 25 tháng 11 năm 1930.

Hồ Cali thuộc vùng Salima của Estonia được xác định là hố thiên thạch vào cuối những năm 20 của thế kỷ XX, có đường kính 110m, chiều sâu 22m. Đảo Salima phía đông của biển Baltique có diện tích 2600km², có một quần thể hố thiên thạch được tạo ra sau trận mưa sao băng khoảng 3500 năm trước.

Một cái hố có dạng hình khuyên thuộc bang Quebec, Canada, được xác minh là một hố thiên thạch. Đường kính của cái hố này to gấp 3 lần hố thiên thạch ở Arizona, độ sâu của nó là 500m. Căn cứ vào các nghiên cứu thì độ tuổi của hố thiên thạch này khoảng 200 triệu năm.

Các học giả Trung Quốc như Từ Đạo Nhất, Nghiêm Cương... , trong thập niên 80 đã cho rằng Thái Hồ cũng do thiên thạch tấn công mà thành. Trung Quốc tiếp tục phát hiện thêm một hố thiên thạch như hố thiên thạch Đa Luân ở vùng giáp ranh giữa Hà Bắc và Nội Mông có đường kính 170km, hố thiên thạch ở vịnh Thượng Hà thuộc huyện Cửu Đài, Cát Lâm có đường kính 30km. Hố thiên thạch ở huyện Thủy Hưng, Quảng

Châu có đường kính 3km. Tại huyện Tân Hưng, Quảng Đông còn phát hiện một hố thiên thạch bên trong một hang động có đường kính 6km.

Gần đây có học giả cho rằng thung lũng Tứ Xuyên chính là hố thiên thạch khổng lồ. Các nhà khoa học tuyên bố dưới đáy biển cũng có các hố thiên thạch. Họ còn mạnh dạn nói rằng các thung lũng dưới biển thậm chí cả Thái Bình Dương, vịnh Mexico cũng là do thiên thạch va chạm tạo nên. Nhưng những suy đoán này vẫn chưa có tính thuyết phục. Bất luận thế nào thì những vụ va chạm giữa các thiên thể với Trái Đất là việc có thể xảy ra. Điều này được đa số các nhà khoa học công nhận.

Những cuộc va chạm từ mấy trăm triệu năm hoặc mấy chục nghìn năm trước không thể không khiến chúng ta phải cảnh giác và suy nghĩ sâu xa về vấn đề này.

KÊ THÙ NGUY HIỂM NHẤT CỦA TRÁI ĐẤT

Vụ va chạm của Trái Đất với sao Chổi đã trở thành quá khứ và nó để lại cho chúng ta lời cảnh báo sâu sắc. Trong tương lai Trái Đất gặp những vụ va chạm mang tính tai họa như thế này nữa không? Khả năng xảy ra va chạm là bao nhiêu phần trăm? Nếu như có một ngày xảy ra như vậy, liệu Trái Đất có bị diệt vong không? Có bao nhiêu tinh thể nhỏ giống như sao Chổi có thể gây nguy hiểm cho Trái Đất?

Năm 1801, nhà thiên văn học người Ý là Poyaja đã phát hiện ra hành tinh mới nằm giữa đường xích đạo của sao Mộc và sao Hỏa. Điều này mở màn cho việc phát hiện và nghiên cứu các tiểu hành tinh của các nhà khoa học. Từ những tiểu hành tinh đầu tiên là Cóc Thần tinh, Trí thần tinh, Táo thần tinh... gồm trên 400 tiểu hành tinh được phát hiện từ thế kỷ XIX đến thế kỷ XX. Và đến bây giờ các nhà khoa học đã phát hiện ra trên 5000 tiểu hành tinh. Trong đó gần 3000 tiểu hành tinh đã được tính toán tốc độ vận hành trên đường quỹ đạo và đánh số thứ tự. Căn cứ vào số liệu thống kê, các tiểu hành tinh được kính viễn vọng hiện đại phát hiện ra không bằng mấy phần nghìn tổng số các tiểu hành tinh đang có trong vũ trụ.

Tuy rất nhiều nhưng trọng lượng và thể tích của các tiểu hành tinh này là rất nhỏ. Đường kính Cóc thần tinh to nhất cũng chỉ có 770km, không bằng 1/4 đường kính Mặt trăng, thể tích không bằng 1/450 thể tích Trái Đất. Nếu như đứng trên một tiểu hành tinh bạn sẽ cảm thấy như đang đứng trên một hành tinh hình cầu bốn bề cong khúc khuỷu. Tiểu hành tinh Mukhiry được phát hiện năm 1037 có đường kính không quá 1km, chỉ cao bằng một nửa núi Thái Sơn. Bởi vậy, cho dù các tiểu hành tinh đã tập trung lại thành đoàn mức độ to nhỏ bổ sung cho nhau thì vẫn còn kém xa Trái Đất. Đội quân tiểu hành tinh đông đảo

như vậy đa số đều tập trung trên vành đai quỹ đạo giữa sao Mộc và sao Hỏa. Rất ít các tiểu hành tinh ra khỏi phạm vi này. Nhưng vẫn có một số ít đã vận hành theo hình bầu dục để trong thời gian sau đó có thể đến được không gian xa xôi của Mộc Tinh, thậm chí còn vượt ra ngoài quỹ đạo Mộc Tinh, tiến gần tới Trái Đất. Việc các tiểu hành tinh tiếp cận đã trở thành mối nguy hiểm đối với “gia tộc” Mặt Trời, rất có thể sẽ trở thành “mối hiểm họa” chủ yếu của Trái Đất trong tương lai.

Tỉ lệ khoảng cách quỹ đạo của các tiểu hành tinh với Trái Đất rất khác nhau. Tháng 10 năm 1957, tiểu hành tinh Chimous cách Trái Đất 800 nghìn km, chỉ bằng hai lần khoảng cách giữa mặt trăng với Trái Đất. Tháng 3 năm 1989 cũng có một tiểu hành tinh bay tới vị trí cách Trái Đất 750 nghìn km, sau đó lại bay ra xa Trái Đất. Nhìn từ thước đo không gian vũ trụ bao la, nếu nói khoảng cách giữa Trái Đất và các tiểu hành tinh chỉ cách nhau trong gang tấc cũng không phải là nói ngoa.

KHẢ NĂNG TRÁI ĐẤT GẶP NHỮNG VỤ VA CHẠM MANG TÍNH TAI NẠN CÓ LỚN KHÔNG?

Theo các chuyên gia thì các tiểu hành tinh có đường kính khoảng 1 km và sao Chổi có đường kính trên 600m đều có thể trở thành kẻ thù tiềm ẩn của Trái Đất. Theo

tính toán của các nhà thiên văn thì trước mắt, trong vũ trụ các “phần tử nguy hiểm” có đường kính 1 km có khoảng 1200 - 2000 phần tử trong Hệ mặt trời có khoảng 1 triệu ngôi sao chổi có đường kính 100 m.

Vậy thì tỉ lệ va đập giữa các tiểu hành tinh với Trái Đất là như thế nào? Có người cho rằng, mấy triệu năm hoặc vài chục triệu năm mới xảy ra một lần. Với 4,6 tỉ năm tuổi dài đằng dặc của Trái Đất thì hiện tượng này đã trở thành quen thuộc.

Khả năng mỗi năm đều xảy ra là 1/500 triệu.

Khả năng trong vòng 100 năm sau là 1/100 triệu.

Khả năng xảy ra trong một đời người là 1/200 triệu.

Nhà vũ trụ học Nhật Bản Kawasaki cho rằng tỉ lệ va chạm giữa các tiểu hành tinh có đường kính trên 1 km trở lên với Trái Đất là khoảng 120 nghìn 1 lần. Trong khoảng thời gian từ nay tới năm 2600 có 5 - 6 tiểu hành tinh đến gần Trái Đất, gần nhất là 150 nghìn km, bằng 1/2 khoảng cách giữa Trái Đất và Mặt Trăng.

Trước tình hình này, các nhà khoa học cần dự đoán trước và tìm ra quỹ đạo của các thiên thể nhỏ này.

Lý Khởi Vũ và các đồng nghiệp tại Viện nghiên cứu đài thiên văn Bắc Kinh cho biết trong thế kỷ XX sẽ có ba lần tiểu hành tinh tiếp cận với Trái Đất: ngày 29 tháng 9 năm 2004 với cự ly cách Trái Đất là 1.500 km.

Lần thứ 2 là năm 2.069, tiểu hành tinh mang số 2.340 cách Trái Đất 1 triệu km. Đến năm 2.086 nó lại quay lại thăm Trái Đất với khoảng cách 1.050 đến 1.100 km.

Tóm lại, người Trái Đất hiện đại không thể ngồi chờ chết chờ bị hủy diệt được. Con người cần có những nghiên cứu để có thể bảo vệ chính mình.

SÁCH LƯỢC PHÒNG VỆ CÁC CUỘC TẤN CÔNG XÂM PHẠM TRÁI ĐẤT

Trong tương lai, có một thiên thể khổng lồ đâm thẳng vào Trái Đất đã trở thành vấn đề rất thực tế. Các nhà khoa học đều cho rằng: đối với Trái Đất sự uy hiếp lớn nhất chính là hàng nghìn các thiên thể nhỏ ở gần Trái Đất. Chúng chủ yếu là các tiểu hành tinh, sao Chổi và các mảnh vỡ bắn tứ tung trên quỹ đạo.

Chúng là mối hiểm họa của Trái Đất con người cần phải giám sát và tìm cách khống chế.

Công việc chúng ta cần làm là: lập hồ sơ về thiên thể nhỏ, lập bản hoạt động của toàn bộ các thiên thể nhỏ gần Trái Đất, tăng cường quan sát đo đạc và giám sát chúng. Sàng lọc ra thiên thể ở gần Trái Đất có “mưu đồ nguy hiểm. Tìm những phương án dự phòng và giải pháp ngăn chặn. Thiết lập “mạng lưới cảnh giới không gian”. Chuẩn bị lập 6 kính thiên văn viễn vọng chuyên đo lường quan sát các thiên thể nhỏ trên

phạm vi toàn thế giới. Đường kính miệng kính viễn vọng lớn hơn 2m. Tìm và không chế khả năng các thiên thể gần Trái Đất “quá nhiều” Trái Đất trong thế kỷ sau. Nghiên cứu và thực nghiệm các kỹ thuật cao nhằm ngăn chặn, thay đổi phá hủy quỹ đạo vận động của các thiên thể nhỏ. Cách giải quyết là “để cho các thiên thể nhỏ này sẽ không thể chạy theo lịch trình nguy hiểm” nữa, hoặc làm cho các thiên thể bị nổ tung. Tuy nhiên vẫn có một số nhà khoa học không tán thành biện pháp này.

Tháng 4 năm 1993, tại hội nghị chuyên đề quốc tế Ailis của Italia, các nhà thiên văn học đã cùng nhau thảo luận vấn đề các thiên thể nhỏ có thể tấn công Trái Đất. Hội nghị đã thông qua bản “Tuyên ngôn Ailis”, và nhận được sự quan tâm chú ý của rất nhiều các tổ chức và các quốc gia trên toàn thế giới.

Một trong những sách lược phòng vệ: làm lệch quỹ đạo vốn có của các tiểu hành tinh. Trước tiên phải xác định được vị trí các vật thể tấn công đang ẩn nấp và nắm bắt được các hoạt động tiếp cận Trái Đất của chúng. Chỉ cần có một lực tác động rất nhỏ và có thể thay đổi tốc độ vận hành của các thiên thể, làm cho các thiên thể nhỏ tách khỏi quỹ đạo gốc và không thể va chạm với Trái Đất. Các nhà khoa học đã đưa ra hai bước tiến hành cụ thể ở phương pháp phòng vệ này. Một là lắp đặt một hệ thống tia laser cực lớn, nó có thể phát ra

năng lượng chiếu vào các thiên thể nguy hiểm. Bị chùm laser chiếu vào thì nhiệt độ bề mặt sẽ tăng cao và tan ra. Như vậy, giảm thiểu được trọng lượng của các thiên thể, do đó có thể thay đổi được tốc độ vận hành và quỹ tích của các thiên thể. Đương nhiên trước mắt chúng ta chưa thể đạt đến yêu cầu của dạng kỹ thuật này.

Hai là dùng máy chuyển dời trọng lượng, tìm cách cài máy chuyển dời trọng lượng lên các thiên thể. Chiếc máy này liên tục đào bới các khoáng vật trên bề mặt và vứt vào vũ trụ, cứ tiếp tục thế trong vòng mấy năm hoặc mười mấy năm, cuối cùng đạt được mục tiêu giảm trọng lượng và thay đổi quỹ đạo của các thiên thể. Đương nhiên, để tạo dựng ra một chiếc máy này đòi hỏi mất rất nhiều công sức và của cải.

Sách lược phòng vệ thứ 2 là: bắn đạn hạt nhân lên hành tinh đang là hiểm họa của Trái Đất.

Nguyên lý của cách này giống như chùm laser đã nói ở trên, năng lượng trong viên đạn làm các vật thể tăng nhiệt độ lên sau đó nổ tung. Các nhà khoa học đã tính đến các khả năng xảy ra: trọng lượng đạt tới 10 nghìn tấn (vật thể có đường kính là 1km) trọng lượng đạt tới 10 triệu tấn (đường kính của vật thể là 10km), cách này có tính khả thi cao nhất.

Cách phòng vệ thứ 3 : Đập tan “những kẻ xâm nhập”. Đây là biện pháp xem ra có hiệu quả nhất nhưng vấn đề

ng nghiêm trọng ở đây chính là những mảnh vỡ to, không đoán trước được. Do phá hủy vật tấn công, sức phá hủy lớn làm cho những mảnh vỡ chỉ còn nhỏ 10m, cần phải làm cho chúng bị cháy hết khi bay vào vùng khí quyển của Trái Đất. Vụ nổ muốn đạt được hiệu quả cao thì cách tốt nhất là chôn sâu vật phát nổ vào bên trong vật tấn công. Kỹ thuật chôn sâu yêu cầu kỹ năng cao trước mắt chưa phát triển được loại máy đào sâu ngay). Năng lượng cần thiết để phá hủy các thiên thể là rất lớn. Một đầu đạn hạt nhân nặng trên một triệu tấn có thể phá hủy một thiên thể có đường kính 750m, đầu đạn một tỉ tấn có thể phá hủy một vật thể có đường kính 7km, dùng cách này không những nguy hiểm nhiều mà năng lượng cần dùng cũng rất lớn nên đây cũng không phải là biện pháp tối ưu.

CÁCH PHÒNG VỆ THỨ 4: LẤY ĐỘC TRỊ ĐỘC

Phương án này đề xuất kế hoạch đưa các hành tinh rất nhỏ vào quỹ đạo của Trái Đất. Dùng chúng đâm vào những tiểu hành tinh lớn hơn. Cách này có vẻ khó thực hiện nhưng nó sẽ được các nhà khoa học nghiên cứu kỹ hơn trong tương lai.

THIÊN THẠCH ĐÃ TỪNG HỦY DIỆT TRÁI ĐẤT?

Gần đây, các nhà khoa học Anh đã trình lên Chính phủ một bản báo cáo, và đề nghị Chính phủ tích cực áp

dụng các phương án dự phòng các mảnh thiên thạch ngoài vũ trụ tấn công Trái Đất.

Chương trình nghiên cứu được gọi là “Khả năng va chạm giữa các vật thể với Trái Đất”. Các nhà khoa học Mỹ, Nga, Anh, Pháp đã lập ra một tổ công tác đặc biệt chuyên nghiên cứu về vấn đề này. Sự uy hiếp của các thiên thạch ngoài vũ trụ không phải là sự ảo tưởng của các nhà khoa học mà là một việc rất nghiêm túc. Bản nghiên cứu này do giáo sư vũ trụ học người Mỹ Hali Aterjinson và giáo sư Moris thuộc Học viện Luân Đôn cùng nhau đưa ra.

Nội dung của bản báo cáo có liên quan đến tiểu hành tinh mã số 2000 RD53 sắp đi vào quỹ đạo của Trái Đất. Cự li giữa tiểu hành tinh này với Trái Đất gấp 12 lần cự li giữa Trái Đất với Mặt Trăng. Mặc dù tảng đá lớn của vũ trụ này sẽ không va chạm với Trái Đất nhưng tiểu hành tinh có đường kính từ 300m đến 400m này đã quá gần Trái Đất.

Dự đoán gần đây nhất của các nhà thiên văn học cho biết, có khoảng một nghìn tiểu hành tinh có đường kính 1km hoặc lớn hơn sẽ men theo quỹ đạo quay của chúng lướt qua Trái Đất.

Khoảng 65 triệu năm trước có một tiểu hành tinh đường kính 10km đã va chạm với Trái Đất dẫn đến sự tuyệt chủng của loài khủng long. Cho tới nay Trái Đất

chưa gặp phải sự đụng độ nào lớn như vậy. Nhưng, các nhà khoa học vẫn cảnh báo: Sự uy hiếp của các thiên thạch đến từ vũ trụ là vấn đề chúng ta cần suy nghĩ nghiêm túc.

Theo tính toán của các nhà khoa học thì cứ 10 nghìn năm lại có một tiểu hành tinh có đường kính 10m va chạm vào Trái Đất. Vật thể vũ trụ này tương đương với viên đạn pháo hàng triệu tấn va chạm vào Trái Đất, và cứ 100 nghìn năm lại có một vật thể vũ trụ có đường kính 1km va chạm với Trái Đất.

Bản báo cáo này đề xuất 14 kiến nghị với Chính phủ, trong đó bao gồm:

- Cần nỗ lực thúc đẩy sự hợp tác quốc tế về việc nghiên cứu và phòng chống sự đụng độ của hành tinh khác với Trái Đất.

- Đề cao năng lực phán đoán đối với các thiên thạch từ bên ngoài tới.

- Dự tính mức độ nguy hiểm và hậu quả sau khi sự việc xảy ra.

Bản báo cáo đã thức tỉnh chúng ta về mối hiểm họa trong tương lai đối với Trái Đất. Nhưng để xác định được thời gian cụ thể của mối hiểm họa đó thì vẫn là vấn đề chưa có lời giải đáp.

BÍ ẨN VỀ SỰ HÌNH THÀNH CỦA TRÁI ĐẤT

NHỮNG NGƯỜI QUAN TÂM ĐẾN TRÁI ĐẤT THƯỜNG ĐƯA RA CÂU HỎI KIỂU NHƯ: TRÁI ĐẤT ĐƯỢC HÌNH THÀNH NHƯ THẾ NÀO? NHỮNG NGƯỜI CÓ HIỂU BIẾT NHẤT ĐỊNH VỀ KHOA HỌC SẼ KHÔNG BẰNG LÒNG VỚI ĐÁP ÁN “THƯỢNG ĐẾ SINH RA THẾ GIỚI”. TRÊN THỰC TẾ, ĐẦU THẾ KỶ XVIII NHÀ SINH VẬT HỌC NGƯỜI PHÁP LÀ BUFON CÙNG VỚI THUYẾT VA CHẠM SAO CHỖI CỦA MÌNH ĐÃ PHÁ VỠ SỰ TRÓI BUỘC TÔN GIÁO TRONG KHOA HỌC. CÁC HỌC THUYẾT LIÊN QUAN ĐẾN SỰ HÌNH THÀNH TRÁI ĐẤT NGÀY CÀNG NHIỀU.

Thuyết va chạm với sao Chổi cho rằng: Thời xa xưa có một ngôi sao Chổi va chạm mạnh vào Mặt Trời và sau đó từ Mặt Trời sinh ra một số hành tinh không giống nhau trong đó có cả Trái Đất (năm 1749).

Thuyết thiên thạch cho rằng: Các thiên thạch tập hợp lại hình thành nên Mặt Trời và các hành tinh khác (Cacden chỉ ra trong “Khái luận về lịch sử phát triển vũ trụ”, (năm 1755).

Thuyết tinh vân vũ trụ: Năm 1796, nhà thiên văn người Pháp Laplace đã chỉ ra trong cuốn sách “Vũ trụ hệ thống luận” rằng tinh vân (bụi) tập hợp lại sinh ra Mặt Trời, Mặt Trời loại bỏ vật chất thể khí và tạo ra các hành tinh.

Thuyết mặt phẳng của các hành tinh cho rằng: Tất cả các hành tinh đều quay quanh Mặt Trời. Do vậy Hệ Mặt Trời mới sinh ra từ các dải tinh vân.

Giả thuyết về thiên thạch của Caccini và thuyết tinh vân vũ trụ của Laplace tuy cụ thể thì không giống nhau nhưng cả hai đều cho rằng khởi nguồn của Hệ Mặt Trời là từ vật chất bụi (tinh vân) bởi vậy, sau đó giả thuyết này được gọi là giả thuyết Caccini - Laplace, nó được nhiều nhà khoa học công nhận. Nhưng cùng với sự phát triển của khoa học, con người cũng phát hiện ra “Giả thuyết tinh vân” bộc lộ không ít những vấn đề mới cần phải nghiên cứu như vấn đề các vệ tinh đi ngược đường hoặc vấn đề góc động lượng phân bố khác thường. Căn cứ vào quan sát, các nhà thiên văn học cho rằng: Trong hệ thống của Hệ Mặt Trời riêng trọng lượng của Mặt Trời đã chiếm 99,87% tổng trọng lượng, góc động lượng chỉ chiếm 0,73%; trong khi đó 9 hành tinh lớn cùng với tất cả vệ tinh, sao Chổi, và các quần thể sao lang thang chỉ chiếm 0,13 tổng trọng lượng, nhưng góc động lượng của chúng lại chiếm 99,27%. Các nhà khoa học đã gọi hiện tượng kỳ lạ này là “vấn đề phân bố góc

động lượng không bình thường trong Hệ Mặt Trời”. Thuyết tinh vân đã “bó tay” với việc tìm ra nguyên nhân sinh ra sự phân bố không bình thường này.

Ngoài ra, khoa học hàng không vũ trụ hiện đại phát hiện ra hiện tượng va chạm giữa các thiên thể trong vũ trụ ngày càng nhiều. Ngày 30 tháng 8 năm 1979, vệ tinh P78- 1 của Mỹ đã chụp được một hiện tượng rất hiếm khi gặp: Một ngôi sao Chổi bay với tốc độ 560 nghìn m/s đâm vào Mặt Trời và bị thiêu cháy. Sau 12 tiếng thì không còn thấy bóng dáng sao Chổi nữa.

Năm 1987 cũng phát hiện ra một vụ “tai nạn giao thông trong vũ trụ”. Mọi người quan sát thấy một ngôi sao Chổi lúc đến gần Mặt Trời, đầu của nó đã bị Mặt Trời nuốt trôi.

Nhà thiên văn học Liên Xô, Safoluanov còn cho rằng vì Trái Đất quay quanh Mặt Trời nên sau khi được hình thành 100 triệu năm đã bị một tiểu hành tinh có đường kính 1 triệu mét, trọng lượng 1 tỉ tấn va vào làm Trái Đất bị nghiêng.

Nếu trong không gian vũ trụ thật sự tồn tại sự va chạm giữa các thiên thể, vậy thì thuyết “va chạm sao Chổi” của Bufon có nhiều khả năng xảy ra nhất.

Ngày nay, rất nhiều học thuyết về khởi nguồn của Trái Đất nhưng Trái Đất được hình thành như thế nào thì vẫn là một câu hỏi lớn chưa có giải đáp thuyết phục.

BÍ ẨN VỀ SỰ CHUYỂN ĐỘNG CỦA TRÁI ĐẤT

MỌI NGƯỜI ĐỀU BIẾT, TRÁI ĐẤT QUAY QUANH MẶT TRỜI TRÊN MỘT QUỹ ĐẠO HÌNH ECLIP ĐỒNG THỜI NÓ CŨNG TỰ QUAY QUANH TRỤC CỦA NÓ. BỞI VÌ KHÔNG NGỪNG QUAY QUANH MẶT TRỜI VÀ TỰ QUAY NÊN TRÁI ĐẤT MỚI CÓ BỐN MÙA THAY ĐỔI, CÓ NGÀY VÀ ĐÊM. NHƯNG SỨC MẠNH NÀO LÀM CHO TRÁI ĐẤT QUAY KHÔNG NGỪNG NGHỈ?

Trái Đất vận động như thế nào trong quá khứ, hiện tại và tương lai?

Mọi người rất dễ có cảm giác sai lầm khi cho rằng sự vận động của Trái Đất là một loại vận động đều, ít có sự thay đổi.

Sự vận động của Trái Đất thay đổi thường xuyên. Căn cứ vào việc phát hiện, nghiên cứu “đồng hồ cổ sinh vật” ta thấy tốc độ tự quay của Trái Đất chậm dần theo năm tháng. Trong 4,4 tỉ năm cuối kỷ Ocdovic, Trái Đất quay quanh Mặt Trời một vòng cần 412 ngày, đến 4,2 tỉ

năm sau thuộc kỷ Silua (kỷ thứ III thời đại trung sinh) mỗi năm chỉ có 400 ngày. Đến 3,7 tỉ năm trước thuộc kỷ hệ Đêvôn (kỷ thứ IV thời đại trung sinh) một năm là 398 ngày.

Đến hàng triệu năm trước cuối kỷ Đá vôi, mỗi năm có khoảng 385 ngày, 65 triệu năm trước thuộc kỷ Cveta, mỗi năm có khoảng 376 ngày. Cho đến nay mỗi năm chỉ có 365,25 ngày. Theo tính toán, các nhà vật lý học cũng chứng minh rằng Trái Đất tự quay đang chậm dần. Các nhà khoa học đã giải thích là do kết quả của tác dụng thủy triều của Mặt Trời, Mặt Trăng, Trái Đất đem lại.

Việc phát minh ra đồng hồ thạch anh giúp cho con người có thể đo đạc và ghi lại thời gian chính xác hơn. Đồng hồ thạch anh quan sát sự vận động tương đối giữa Mặt Trời và Trái Đất đã phát hiện ra trong một năm có sự thay đổi mang tính chu kỳ, đó là mùa xuân tốc độ tự quay chậm lại, mùa thu nhanh hơn.

Các nhà khoa học quan sát trong một thời gian dài cho rằng sự thay đổi mang tính chu kỳ có liên quan tới sự thay đổi mang tính thời tiết giữa vùng băng giá và tầng khí quyển trên Trái Đất. Các nguyên tố kim loại nhẹ nổi lên trên, nham thạch nóng chảy phun trào đều có ảnh hưởng đến tốc độ tự quay của Trái Đất.

Ngoài vấn đề tự quay của Trái Đất, việc Trái Đất quay quanh Mặt Trời không phải là vận tốc đều. Bởi vì

quỹ đạo quay của Trái Đất là hình eclip. Khi Trái Đất từ điểm xa nhất tiến về điểm gần nhất, cách Mặt Trời càng gần thì chịu lực hấp dẫn của Mặt Trời càng mạnh, tốc độ quay càng nhanh. Do điểm gần nhất và điểm xa nhất tương phản nhau nên tốc độ vận hành của Trái Đất thay đổi.

Từ đó có thể thấy rằng, Trái Đất quay quanh quỹ đạo và tự quay quanh trục là một tổ hợp vận động phức tạp. Trái Đất còn phải phụ thuộc vào Hệ Mặt Trời chuyển động quanh dải ngân hà bay trong vũ trụ. Trái Đất đã chuyển động không ngừng nghỉ trong vũ trụ.

Có lẽ, mọi người sẽ đặt ra câu hỏi, vậy Trái Đất vận động có cần tiêu hao năng lượng không? Nếu có thì năng lượng tiêu hao lấy từ đâu? Nếu Trái Đất không cần tiêu hao năng lượng vậy nó là cỗ máy vĩnh cửu sao? Lúc đầu điều gì làm cho Trái Đất bắt đầu vận động? Có tồn tại cái gọi là lực đẩy hay không bây giờ vẫn là một suy đoán. Newton sau khi tổng kết về định luật vận động và định luật vạn vật hấp dẫn đã dồn sức lực trong nửa quãng đời còn lại để nghiên cứu, thăm dò về lực đẩy.

Kết luận nghiên cứu của ông là: thượng đế đã tạo ra một cỗ máy vũ trụ hoàn mỹ, cho nó sự vận động nhưng các nhà khoa học hiện đại lại phủ định ý kiến này. Vậy thì câu đố về sự vận động trong vũ trụ của Trái Đất là do sức mạnh nào tạo nên?

BÍ ẨN BÊN TRONG TRÁI ĐẤT

LÀM THẾ NÀO ĐỂ HIỂU ĐƯỢC MỌI THỨ BÊN TRONG TRÁI ĐẤT? CÁCH TỐT NHẤT LÀ KHOAN SÂU VÀO TRÁI ĐẤT ĐỂ XEM XEM! THỰC TẾ, TRƯỚC MẮT CON NGƯỜI VẪN CHƯA THỂ KHOAN SÂU VÀO LÒNG ĐẤT. CĂN CỨ VÀO TRÌNH ĐỘ KHOA HỌC HIỆN NAY, CÁC MỎ KHOÁNG SẢN SÂU NHẤT CŨNG CHỈ ĐẠT TỚI 12.000M. ĐỘ SÂU THÔNG THƯỜNG CỦA CÁC GIẾNG KHOAN LÀ KHOẢNG 35 - 500M MÀ MŨI KHOAN PHỤC VỤ CHO MỤC ĐÍCH ĐẶC BIỆT CŨNG CHỈ ĐẠT TỚI KHÔNG QUÁ 1 TRIỆU M.

Vậy bán kính của Trái Đất là bao nhiêu? Bán kính của trái đất là 6,3 triệu m thì 12.000m cũng chỉ giống với khi chúng ta ăn táo, chúng ta dùng dao để gọt lớp vỏ quả táo mà vỏ quả táo lại không thể thay thế cho cả quả táo được. Như vậy chúng ta chẳng có cách nào tìm hiểu rõ bên trong Trái Đất là gì?

Dương nhiên không phải con người hoàn toàn không muốn biết gì về Trái Đất. Bởi vì Trái Đất từng giờ từng

khắc vẫn đang hoạt động. Con người đang vận dụng những tri thức nắm bắt được để phân tích, phán đoán những tín hiệu được đưa lên từ lòng đất, có thể suy đoán tình hình trong lòng đất.

Hoạt động núi lửa trên Trái Đất cho chúng ta biết dưới lòng đất có nham thạch nóng bỏng. Mọi người căn cứ vào dòng nham thạch nóng chảy trên bề mặt Trái Đất để phân nham thạch dưới lòng đất thành 2 loại, một là nham thạch silicat có chứa nhiều axit và một loại là nham thạch slicat có chứa nhiều chất kiềm. Nhưng nơi có chứa nham thạch cũng không phải là nơi quá sâu, cùng lắm cũng chỉ mấy chục đến mấy trăm nghìn mét. Như vậy độ sâu tiếp theo là cái gì?

Để hiểu được tình hình, các nhà khoa học lại tìm ra một đối tượng nghiên cứu mới, đó là: địa chấn.

Như chúng ta đã biết, mỗi năm các đợt động đất lớn nhỏ không ngừng xảy ra trên Trái Đất. Sóng địa chấn sinh ra khi động đất có thể truyền đi rất xa. Khi sóng địa chấn truyền đi dưới lòng đất, tốc độ truyền có liên quan tới độ sâu của địa tầng. Mọi người phát hiện ra trong lòng đất có hai độ sâu làm thay đổi sóng địa chấn: độ sâu 33.000m và độ sâu 2.900.000m. Dưới độ sâu hàng nghìn mét, tốc độ truyền sóng Địa chấn đột ngột tăng lên, đến độ sâu 2.900.000 mét sóng địa chấn đột ngột hạ xuống. Tại sao tốc độ truyền sóng của tầng địa chấn lại thay

đổi? Hóa ra, tốc độ truyền sóng địa chấn nhanh hay chậm có quan hệ tới trạng thái vật chất. Vật chất ở trạng thái lỏng thì tốc độ sẽ nhanh hơn. Căn cứ vào đó các nhà khoa học đã phán đoán trong vòng 33.000m vỏ Trái Đất nhất định là: vật chất ở trạng thái rắn, đó chính là các loại nham thạch chúng ta đã từng nhìn thấy các nhà khoa học gọi đó là tầng “vỏ Trái Đất. Từ độ sâu 33.000m đến độ sâu 2.900.000m, tốc độ truyền sóng địa chấn tăng lên một cách rõ rệt. Các nhà khoa học phán đoán, ở tầng địa chấn này có thể tồn tại một loại vật chất nham thạch nóng chảy gần với trạng thái lỏng và họ đã gọi đó là “tầng manti”. Xuống dưới 2.900.000m đến thẳng tâm Trái Đất sóng địa chấn giảm dần. Các nhà khoa học suy đoán tầng địa chấn này có khả năng sẽ chuyển thành vật chất dạng rắn và gọi đó là “lõi Trái Đất”. Như vậy Trái Đất đất được phân thành vỏ Trái Đất tầng manti và lõi Trái Đất.

Đưa ra một ví dụ so sánh không thích hợp lắm, là Trái Đất giống như một quả trứng gà, có vỏ trứng, lòng trắng trứng và lòng đỏ. Tuy rằng chẳng ai nhìn thấy lớp manti và lõi Trái Đất như thế nào nhưng những phán đoán này đều có cơ sở khoa học.

Như mọi người đều biết, nhiệt độ dưới lòng đất là khá cao, cứ xuống sâu 100m là nhiệt độ tăng lên 300°C; đến tâm Trái Đất ở độ sâu là 6.300.000m nhiệt độ đạt được là 30.0000°C, không những nhiệt độ dưới lòng đất

cao mà áp lực cũng rất lớn. Theo tính toán, nếu lấy áp lực của tầng khí quyển trên bề mặt Trái Đất làm chuẩn thì áp lực của tâm Trái Đất bằng 3 triệu áp lực khí quyển. Đương nhiên những con số này đều là những suy đoán của các nhà khoa học, chưa chắc đã chính xác.

Có một vấn đề cần được trả lời đó là vật chất trong lòng đất do các nguyên tố nào tạo thành? Ngày nay chúng ta đã phát hiện ra một trăm loại nguyên tố. Lấy vỏ Trái Đất làm ví dụ (nghiên cứu vỏ Trái Đất khá rõ) có khoảng 10 loại nguyên tố cơ bản chiếm 99% vỏ Trái Đất gồm: oxy, silic, nhôm, sắt, canxi, natri, kali, manhê, hydro, titan, 80 đến 90 nguyên tố khác chỉ chiếm 1%. Trong 10 nguyên tố đề cập ở trên, hàm lượng oxy nhiều nhất chiếm $\frac{1}{2}$ tổng lượng Trái Đất tiếp đến là silic chiếm $\frac{1}{4}$, sau đó là nhôm chiếm $\frac{1}{13}$. Ba nguyên tố này chiếm 80% trọng lượng Trái Đất.

Như vậy, vỏ Trái Đất có những gì? Trong và ngoài Trái Đất có cùng các loại nguyên tố phối hợp hay không? Chúng ta còn biết rất ít về các vật chất bên dưới Trái Đất. Mọi người đã thống kê: trong lớp manti hàm lượng oxy và silic ít hơn vỏ Trái Đất, thành phần sắt và manhê lại tăng hơn vỏ Trái Đất. Ở lõi Trái Đất, hàm lượng sắt và niken tăng bởi vậy mọi người mới gọi lõi Trái Đất là "lõi sắt và niken". Tất cả mọi lý luận trên chỉ là giả thuyết mà chưa được chứng thực.

BÍ MẬT VỀ SỰ KHỞI NGUỒN CỦA MẶT TRĂNG

MẶT TRĂNG CÓ NGUỒN GỐC TỪ ĐÂU?
NÓ ĐƯỢC HÌNH THÀNH NHƯ THẾ NÀO?
ĐÂY VẪN LÀ BÍ ẨN ĐỐI VỚI CON NGƯỜI.
BỒI VÌ KHI SO SÁNH VỚI CÁC VỆ TINH KHÁC,
MẶT TRĂNG CÓ RẤT NHIỀU ĐIỂM KỲ LẠ LÀM
CON NGƯỜI KHÓ MÀ HIỂU ĐƯỢC.

THUYẾT PHÂN LIỆT

Nguồn gốc của Mặt Trăng vẫn còn là vấn đề chưa được giải đáp và tồn tại rất nhiều giả thuyết. Một trong những giả thuyết đó phải kể đến “thuyết phân liệt”. Thuyết này cho rằng Mặt Trăng là một phần của Trái Đất tách ra. Trong thời kỳ đầu của lịch sử Trái Đất, Trái Đất vẫn còn ở trạng thái nóng chảy, chuyển động rất nhanh, cứ 4 tiếng là được một chu kỳ. Vật chất của phần xích đạo Trái Đất dần dần dâng lên từ nhỏ đến lớn, ngày càng lớn ra, cũng ngày càng cao, cuối cùng tách ra khỏi Trái Đất và trở thành nhóm vật chất độc lập nằm ngoài Trái Đất. Nhóm vật chất này lạnh dần

và kết tụ lại thành Mặt Trăng. Thậm chí có người cho rằng, khi Mặt Trăng tách ra khỏi Trái Đất, “vết thương” của sự chia tách này trên Trái Đất lại chính là Thái Bình Dương ngày nay. Đây đúng là một ý tưởng hấp dẫn gây được sự chú ý của rất nhiều người nhưng nó lại gặp phải một số vấn đề khó có thể giải thích được.

Chưa có bất kỳ một chứng cứ nào chứng minh sự chuyển động của Trái Đất đã đạt mức độ “khủng khiếp” như vậy. Vật chất văng ra từ xích đạo của Trái Đất kết tụ thành Mặt Trăng. Quỹ đạo của nó quay xung quanh Trái Đất cơ bản là trong bình diện xích đạo của Trái Đất, sự chênh lệch không lớn lắm. Tình hình thực tế hiện nay lại là sự chênh lệch ở quỹ đạo của Mặt Trăng quay xung quanh Trái Đất và xích đạo Trái Đất rất lớn.

Nếu như Mặt Trăng là một phần tách ra từ Trái Đất, thành phần hóa học của nó phải giống Trái Đất hoặc gần như vậy nhưng trên thực tế lại không phải như vậy. Chẳng hạn các nguyên tố hóa học như nhôm, canxi... trên Mặt Trăng nhiều hơn so với trái Đất, mà martin, sắt lại ít hơn nhiều so với Trái Đất. Mật độ bình quân của 1m³ vật chất Trái Đất là 5,52g của Mặt trăng lại chỉ có 3,34g/m³.

THUYẾT “TÙ BINH”

Thuyết “tù binh” là một loại giả thiết về khởi nguồn của Mặt Trăng. Đại ý của giả thiết là: “Thân phận, của

nguồn gốc Mặt Trăng có thể là tiểu hành tinh quay xung quanh Mặt Trời. Vì một lý do nào đó mà chúng ta còn chưa rõ, lực hấp dẫn của Trái Đất ép nó phải tách ra khỏi quỹ đạo vốn có của nó và biến nó trở thành vệ tinh của mình. Có người còn đưa ra khái niệm như thế này: Sự kiện “bắt tù binh” trong vũ trụ này có thể xảy ra cách đây 3,5 tỉ năm. Sự kiện này cũng không phải một sớm một chiều có thể hoàn thành cả quá trình này mà phải mất 0,5 tỉ năm.

Thuyết “tù binh” cho rằng, Mặt Trăng vốn là một ngôi sao nhỏ trong Hệ Mặt Trời, có quỹ đạo vận hành riêng của nó. Với thuyết “tù binh”, các nhà khoa học có thể lý giải được các hiện tượng như: thành phần hóa học Mặt Trăng và Trái Đất không giống nhau, quỹ đạo chuyển động chung không giống với bình diện xích đạo.

Tuy nhiên, thuyết “tù binh” cũng không thể khẳng định được một cách chắc chắn Trái Đất có thể bắt Mặt trăng làm “tù binh” của mình được. Bởi vì khả năng này rất ít xảy ra cho dù nó có xảy ra thì cũng phải là một thiên thể rất lớn mới có thể ép một thiên thể nhỏ hơn nó thành “tù binh”. Trái Đất bằng 81 lần Mặt Trăng, muốn bắt một thiên thể lớn như Mặt Trăng làm “tù binh” là điều không thể. Nói rõ hơn một chút, Trái Đất không thể bắt một hành tinh to như Mặt Trăng làm vệ tinh cho mình, nhiều nhất chỉ có thể thay đổi một chút về quỹ đạo Mặt Trăng mà thôi.

THUYẾT ĐỒNG NGUYÊN

“Đồng nguyên” mà chúng ta nói ở đây là chỉ Mặt Trăng và Trái Đất đều được hình thành từ những diễn biến của dải tinh vân thái dương nguyên thủy. Điều này lại là một giả thuyết khác, về khởi nguồn của Mặt Trăng. Vậy thì làm thế nào để giải thích một số khác biệt như thành phần, mật độ của Mặt Trăng và Trái Đất.

Những người chủ trương thuyết “đồng nguyên” cho rằng tuy vật chất của Trái Đất và Mặt Trăng ở trong cùng tinh vân nhưng thời gian hình thành chúng lại khác nhau: Trái Đất có trước, sau đó mới đến Mặt Trăng. Tinh vân Mặt Trời phát triển đến một giai đoạn nhất định, do vật chất như các hạ kim loại trong mây tụ lại đã bắt đầu kết tinh và tập trung lại. Trong thời gian Trái Đất và hành tinh khác hình thành nó có thể hút tích tụ một cách tự nhiên một số lượng sắt tương đối lớn và thành phần kim loại khác. Hơn nữa các dạng vật chất đó là vật chất chủ yếu hạt nhân của nó. Tình trạng của Mặt Trăng lại không giống như Trái Đất, lúc đó thành phần kim loại tinh vân Mặt Trời nguyên thủy lại giảm xuống nó chỉ có thể hút một số lượng nhỏ vật chất kim loại xung quanh Trái Đất dư thừa. Vì vậy chủ yếu là do vật chất phi kim kết tụ thành. Trong tình hình như vậy mật độ vật chất Mặt trăng còn chưa bằng $\frac{2}{3}$ Trái Đất, đó là điều đương nhiên.

“Thuyết đồng nguyên”, thuyết phân liệt” và “thuyết tù binh” đều có thể giải thích ít hay nhiều về sự thật cơ

bản như thành phần mật độ kết cấu, quỹ đạo của Mặt Trăng ở một trình độ nhất định nhưng đều tồn tại những khó khăn cần phải xác minh và đưa ra những chứng cứ thích đáng hơn.

THUYẾT CON TÀU VŨ TRỤ

Giả thuyết thứ 4 là thuyết “Mặt Trăng - phi thuyền vũ trụ”. Thuyết này do 2 nhà khoa học Liên Xô là Vacili và Xunakbo đưa ra năm 1957. Học thuyết này được đưa ra trước khi con tàu Apollo Mỹ đưa con người lên Mặt Trăng (ngày 21 tháng 7 năm 1969). Họ cho rằng Mặt Trăng là một thiên thể nhỏ trong góc nào đó của vũ trụ, sau khi được người ngoài Trái Đất cải tạo), đưa nó đến Trái Đất, lợi dụng lực hấp dẫn của Trái Đất và cùng với người trên Mặt Trăng cố định quỹ đạo hiện có nhờ lực nguyên động. Nhưng tại sao người ngoài Trái Đất lại tiến hành hậu cải tạo Mặt Trăng. Đưa lên bên cạnh Trái Đất là mục đích gì? Hai nhà khoa học Liên Xô chưa nói kỹ như vậy. Nhà nghiên cứu UFO sau này cho rằng người ngoài Trái Đất đưa Mặt Trăng bên cạnh Trái Đất là để khống chế quỹ đạo của Trái Đất, làm cho quỹ đạo Trái Đất không thay đổi để đảm bảo tính ổn định của Hệ Mặt Trời. Các kết quả mà con tàu Apollo đưa ra sau này như: các loại đặc tính kỳ lạ của Mặt Trăng, tham số, thiên văn đặc biệt, khoang rỗng bên trong, phía ngoài cứng, kim loại của Mặt trăng, núi đá cổ xưa... đều phủ định giả thuyết thứ 3

trước đó mà lại có lợi cho giả thuyết thứ 4. Mặc dù giả thuyết thứ 4 mới đầu nghe cũng có một chút giống như truyện cổ tích “Nghìn lẻ một đêm”. Tuy nhiên khoa học và tri thức là vô tận, bí mật về vũ trụ còn rất rộng, nhiều điều chưa được khám phá, không thể vì sự nhỏ hẹp trong đôi mắt và sự nông cạn nghèo nàn tri thức của chúng ta mà cho rằng nó là mê tín là tà thuyết. Chẳng phải thuyết Địa tâm và Nhật tâm đã có sức thuyết phục vấn đề này hay sao? Mặt Trăng là một thế giới thần bí. Hiện tượng UFO ở trên Mặt Trăng, những biểu hiện kỳ lạ đã đem đến cho các nhà khoa học những bí mật khó giải thích. Điều này giống như một nhà khoa học nổi tiếng của Pháp Vicma Yugo đã từng nói: “Mặt Trăng là vương quốc trong mơ, vương quốc của sự hoang tưởng”.

Đối với các nhà khoa học, Mặt Trăng đương nhiên là một thế giới có rất nhiều mơ tưởng. Các nhà khoa học đoán rằng Mặt Trăng không những là chiếc chìa khóa để mở cánh cửa lớn về bí mật Trái Đất và vũ trụ mà còn là chiếc chìa khóa mở cánh cửa bí mật về sự khởi nguồn ở Hệ Mặt Trời. Những bí mật chưa được giải thích này từ trước khi con người đặt chân lên Mặt Trăng đã tồn tại không biết bao nhiêu 11 năm tuổi? Đến hôm nay ngành thiên văn học vẫn chưa có tiến triển gì rõ rệt, mà ngược lại làm cho các nhà khoa học lún sâu vào khó khăn.

Xét về thời gian thực hiện “Kế hoạch Apollo”, những bí ẩn cho dù chỉ là khởi nguồn Mặt Trăng và hoàn cảnh

tự nhiên của nó hay cấu thành Mặt Trăng đều đang rất lộn xộn trước mắt các nhà khoa học, nhưng nếu kết hợp với những nghiên cứu UFO, kết hợp với những nghiên cứu về khảo cổ học, thực hiện kết hợp nhiều ngành khoa học khác tin chắc rằng bí mật về Mặt Trăng không lâu nữa sẽ được làm sáng tỏ. Tóm lại, kết luận Mặt Trăng bị “thao túng” tiến vào quỹ đạo của Trái Đất lại càng có sức thuyết phục. Nếu liên hệ với thuyết “va chạm” liệu chúng ta có thể tưởng tượng khi Mặt trăng lúc đầu bị thao túng xâm nhập vào quỹ đạo Trái Đất không may bị cọ sát vào Trái Đất, cuối cùng mới điều chỉnh được quỹ đạo như hiện nay. Nết như giả thuyết sau có lý thì sự thật ra sao? Vẫn còn cần phải tiếp tục nghiên cứu, còn cần nhiều chứng cứ hơn nữa.

THUYẾT MỚI VỀ SỰ KHỞI NGUỒN CỦA MẶT TRĂNG

Giả thuyết về khởi nguồn của Mặt Trăng ít nhất cũng có tới vài chục, trong đó có “thuyết phân liệt”, “thuyết tù binh”, “thuyết đồng nguyên”. Cho dù như vậy, các nhà khoa học vẫn hy vọng có học thuyết mới có khả năng nói rõ vấn đề này bởi vì vấn đề phức tạp như sự khởi nguồn của Mặt Trăng, liên quan đến rất nhiều lĩnh vực khoa học, nhiều phương diện, hơn nữa giả thiết mới có thể sẽ đem lại cho chúng ta những gợi ý mới và đầu mối mới làm cho nhận thức của chúng ta càng sâu rộng và toàn diện. Một số điểm chủ yếu của giả thuyết mới về khởi nguồn của Mặt Trăng như sau:

Mặt Trăng vốn là một tiểu hành tinh quay xung quanh Mặt Trời, một cơ hội ngẫu nhiên làm cho nó không những chạy về hướng Trái Đất mà còn đâm thẳng vào Trái Đất. Phần vật chất bị đâm tách ra khỏi Trái Đất cuối cùng kết tụ thành Mặt Trăng. Trước khi va chạm xảy ra, đa số sắt và nguyên tố nặng cấu thành nên Trái Đất đã chìm sâu vào trung tâm của địa tầng. Vì vậy những vật chất bị bắn đi chủ yếu là nguyên tố nhẹ. Đối với Trái Đất lần va chạm này làm xích đạo của Trái Đất “cong đi”, vật chất bị va chạm vẫn ở vị trí cũ. Điều này giải thích tại sao Mặt Trăng không chuyển động quanh Trái Đất trong bình diện xích đạo của Trái Đất. Vấn đề rất quan trọng cần phải giải quyết đó là cuối cùng Mặt Trăng đến từ đâu xem ra còn cần phải thăm dò, nghiên cứu rất nhiều, không dễ gì trong một thời gian ngắn có thể giải quyết một cách triệt để.

NHỮNG NGHI VẤN THĂM DÒ MẶT TRĂNG CÒN SÓT LẠI

Trước khi con người thám hiểm Mặt trăng, hoặc thời kỳ chỉ dựa vào kính viễn vọng để nghiên cứu Mặt trăng đã có nhà quan sát tận mắt nhìn thấy vật thể kỳ lạ xuất hiện ở Mặt Trăng. Ví dụ năm 1843, một người có tên John Seidlitz đã quan sát thấy hiện tượng khó lý giải, liên quan tới ngọn núi hình cung có đường kính dài 7 dặm. Ông gọi ngọn núi hình cung này là “Linnar”. Các nhà thiên văn học

người Đức trong hàng chục năm qua đã vẽ hàng trăm tấm bản đồ về bề mặt của Mặt Trăng, và họ đã phát hiện núi hình vòng cung “Linnar” đang dần dần mất đi. Qua vài năm, nó chỉ là một điểm nhỏ được các vật tích tụ màu trắng nhạt bao quanh. Họ cho rằng núi hình cung “Linnar” được tạo nên do hoạt động của cư dân Mặt Trăng.

Năm 1871, nhà thiên văn học người Anh, Bilde đã để lại cho loài người chúng ta kết quả báo cáo thăm dò Mặt Trăng. Đến nay tư liệu này vẫn được lưu giữ tại Hội thiên văn học Hoàng gia Anh. Trong bài báo cáo có đề cập đến rất nhiều điểm quan sát được, trong đó có một số vấn đề mà cho đến ngày hôm nay vẫn còn là bí ẩn. Ví dụ như Bilde đã quan sát ở miệng núi lửa cao nguyên của Mặt Trăng có các vật thể di động hình học và một số tín hiệu không rõ ràng.

Năm 1963, đài thiên văn Foriecfstaf thuộc bang Arizona của Mỹ đã quan sát thấy vật thể chuyển động phát sáng rất lớn dài 3 dặm, rộng 0,2 dặm, có khoảng 31 loại vật thể như vậy. Chúng chuyển động theo bản đồ hình học rất chặt chẽ. Giữa chúng còn có một số vật thể nhỏ di chuyển: Đường kính của chúng khoảng 500 thước Anh. Đầu những năm 60 của thế kỷ XX, nhà thiên văn học nổi tiếng Kalsalben đã tuyên bố ông dùng dụng cụ chuyên môn quan sát thấy dưới bề mặt Mặt Trăng những hang rất lớn thích hợp cho sinh vật sinh sống, trong đó hang lớn nhất khoảng 22 dặm. Năm 1954, nhà biên tập

bộ khoa học “Báo luận đàm New York” đã đưa ra một số thông tin làm mọi người kinh ngạc: ông phát hiện trên bề mặt Mặt Trăng một khối vật thể kiến trúc hình cây cầu, dài gần 13 dặm, phát hiện này được rất nhiều nhà thiên văn học xác nhận. Vật thể hình cây cầu này đúng là vật thể kiến trúc hay phải chăng là “sản phẩm” đơn thuần của giới tự nhiên? Nhà thiên văn học nổi tiếng người Anh, sở nghiên cứu Mặt Trăng, thuộc Hội thiên văn học Hoàng gia, giáo sư William Kenner trong bài phát biểu trên đài BBC đã đưa ra quan điểm của mình: “Vật thể hình cây cầu gần như là được xây dựng mà thành?”. Giáo sư William Kenner bổ sung: “Cây cầu này còn in bóng lên Mặt Trăng, trông rất giống với cây cầu bình thường. Nhà nghiên cứu Mặt Trăng nổi tiếng này còn nói, ông thậm chí còn “có thể nhìn thấy ánh sáng Mặt Trăng chiếu xuyên xuống dưới cây cầu”. Ý tưởng này làm mọi người kinh ngạc. Trong lần phát biểu đó, giáo sư William Kenner không những không đưa ra quan điểm cho rằng cây cầu này là một sản phẩm của tự nhiên, hơn nữa ông đã nhiều lần nhấn mạnh, đó là sản phẩm của những sinh vật có trí tuệ. Ông đã nhiều lần quan sát bề mặt Mặt Trăng. Nhưng trước đây ở đó không có các cây cầu như vậy. Ngoài ra, sinh vật có trí tuệ còn tiếp tục xây dựng vách hình thông, hình tam giác thậm chí còn xây dựng những kiến trúc hình bầu dục lúc ẩn

lúc hiện. Lẽ nào đây là những công trình của sinh vật có trí tuệ đến từ các hành tinh khác hay sao?

Trong rất nhiều bài báo về Mặt Trăng, phát hiện của giáo sư Towasusi thuộc trường Đại học Minh Trị, Nhật Bản là phát hiện kỳ lạ nhất. Bài báo này được đăng trên tờ “Tin tức hàng ngày” của Nhật Bản. Đặc biệt, ngày 29 tháng 9 năm 1958, giáo sư Towasusi đã phát hiện trên Mặt Trăng có một số ký tự màu đen, chúng được tạo thành từ 2 từ đơn PYAX và JWA. Điều đáng tiếc là cho đến nay ý nghĩa của 2 từ đơn này vẫn chưa được làm rõ. Một giáo sư thiên văn học của Mỹ lại cho rằng “đây là một loại ảo giác sinh ra khi quan sát Mặt Trăng quá lâu”. Ông còn rút ra kết luận: “Trước khi con người đặt chân lên Mặt Trăng, Mặt Trăng vẫn còn là một thế giới bí mật”.

Ngày 4 tháng 2 năm 1966, máy thăm dò Mặt Trăng số 9 của Liên Xô đã tiếp đất tại biển “phong ba” của Mặt Trăng. Biển “phong ba” là một phần của bình nguyên, mặt hướng vào Trái Đất do dung nham màu xám tạo thành. Những bức ảnh chụp được ở biển “phong ba” cho thấy các vật thể hình tháp, chúng xếp thành một hàng. Nhà thiên văn học Liên Xô Nicolai Kotozop sau khi phân tích các bức ảnh này cho biết: “Khoảng cách sắp xếp của các vật thể giống như trên đường băng ở sân bay, ký hiệu tháp, xếp thành hai đường thẳng. Các vật thể hình tháp này có lẽ cũng có cùng nguồn gốc với Kim Tự Tháp Ai Cập trên Trái Đất. Những người khách từ hành tinh khác

có thể cung cấp cho người đi sau mục tiêu phương vị nên mới xây dựng những vật hình tháp này. Từ đó có thể thấy các “Kim Tự Tháp” ở trên có vai trò “chỉ dẫn”. Nhưng ông vẫn chưa nói rõ mục đích xây dựng nên các “Kim Tự Tháp” của người ngoài Trái Đất. Mặc dù ý nghĩa của việc xây dựng Kim Tự Tháp vẫn chưa được xác định nhưng nó cũng có ý nghĩa với sự sống ngoài Trái Đất... Một nhà khoa học dự đoán, những Kim Tự Tháp này có lẽ là những đường băng chỉ dẫn cho phi thuyền vũ trụ cất cánh và hạ cánh, hoặc là ký hiệu để chỉ dẫn các phi thuyền vũ trụ hướng vào Mặt Trăng mà đi sâu vào bên trong Mặt Trăng. Điều làm cho người ta khó tin là: ở biển “phong ba” có một cái hang được thông với bên trong của Mặt Trăng, nó rất có khả năng là cánh cửa tiếp vào thế giới của sinh vật có trí tuệ ở Mặt Trăng. Giáo sư cho rằng trong cánh cửa này còn có thể mở ra các hang động khác. Ông cũng đã phát hiện một động lớn trên núi hình vòng cung. Ngọn núi này có đường kính 1,5 dặm, là một dãy núi tương đối lớn, ăn sâu vào bên trong Mặt Trăng khoảng 660 thước Anh, nói cách khác tương đương với độ sâu của 2 sân bóng. Trong cuốn sách “Mặt Trăng của chúng ta”, ông đã viết: “Trong dãy núi hình vòng cung này có 1 hang động có đường kính khoảng 660 thước Anh, vách núi nhẵn bóng như gương”.

Người Liên Xô đã phát hiện “vật hình tháp” trên bề mặt Mặt Trăng. Thông tin này là một chấn động vô cùng

lớn đối với Cục hàng không vũ trụ Mỹ. Tuy nhiên cùng năm đó, ngày 20 tháng 11 năm 1906. phi thuyền Mặt Trăng số 1 của Mỹ khi thực hiện nhiệm vụ thăm dò Mặt Trăng cũng phát hiện “vật hình tháp” trên bề mặt Mặt Trăng. Căn cứ vào những quan sát của máy này, người Mỹ gọi nó là “Kim Tự Tháp”. Nơi phát hiện ra là vùng bình nguyên, nơi mà con người lần đầu tiên lưu lại dấu chân của mình lên bề mặt Mặt Trăng. Máy này đã phát hiện những “Kim Tự Tháp” khi nó đang tiến hành chụp bề mặt của Mặt Trăng, cách Mặt trăng 29 dặm. Bức ảnh chụp cho thấy những “Kim Tự Tháp” này giống như Kim Tự Tháp của Ai Cập. Sau khi phân tích những bức ảnh này, các nhà khoa học đã đưa ra kết luận: Độ cao của các “Kim Tự Tháp” khoảng 40-75 thước. Các nhà khoa học Liên Xô dự đoán độ cao này lớn hơn rất nhiều, cao gấp ba lần so với dự đoán của các nhà khoa học Mỹ, ít nhất cao hơn 125 thước, tương đương với tòa nhà 15 tầng trên Trái Đất. Nhà địa chất học, giáo sư Bulaiya lại chứng minh rằng, những “Kim Tự Tháp” này cao hơn rất nhiều so với bất kỳ kiến trúc nào trên Trái Đất. Điều đáng quan tâm hơn so với Kim Tự Tháp trên Mặt Trăng là kết cấu hình của chúng. Nhà sinh vật học thuộc phòng nghiên cứu khoa học công ty sản xuất máy bay sóng âm của Mỹ, giáo sư Kennedy Morfin cho rằng, những “Kim Tự tháp” này hoàn toàn được sắp xếp dựa trên nguyên lý hình học.

Ngày 26 tháng 2 năm 1967, thời báo Los Angeles của Mỹ đã cho biết giáo sư Kennedy Morfin đã vận

dụng nguyên lý hình học tiến hành phân tích làm rõ mối quan hệ vị trí giữa các “kim Tự Tháp” này. Ông đã đưa vào những bức ảnh do máy thăm dò quỹ đạo Mặt Trăng số 2 chụp để thảo ra bức vẽ Về vị trí của 7 “Kim Tự Tháp” trên bản thảo này, giáo sư Kennedy Morfin hoàn toàn tin tưởng chúng không phải được xây dựng lên một cách tự nhiên. Trong bản thảo mà thời báo Los Angeles đăng đã nói rõ: “3 đỉnh và 2 đáy tạo thành 6 tam giác cân”. Từ đó cho chúng ta thấy, việc xây dựng lên “Kim Tự Tháp” không phải là do tự nhiên. Căn cứ có sức thuyết phục là cạnh phía tây của “Kim Tự Tháp” lại có vùng đất trũng hình chữ nhật. Giáo sư Kennedy Morfin lại giải thích thêm quan sát tỉ mỉ phía sau của “Kim Tự Tháp” có thể biết được điều này. Ở đó là một vùng đất vuông vức, là cơ sở để tiến hành xây dựng các công trình kiến trúc. Một nhà kiến thiết không gian Liên Xô cũng đã nghiên cứu các bức ảnh mà máy thăm dò quỹ đạo Mặt Trăng gửi về. Ông cho rằng sự sắp xếp của các “Kim Tự Tháp” này thường có những thay đổi rất rõ. Ông tính toán ra góc độ kiến tạo xây dựng và đã vận dụng nguyên lý hình học tiến hành phân tích tỉ mỉ, kết quả của nó làm con người kinh ngạc: phương thức sắp xếp của các “Kim Tự Tháp” này và Kim Tự Tháp Ai Cập mà chúng ta đã quen thuộc là hoàn toàn giống nhau. Giáo sư Kennedy Morfin cho rằng phương thức cấu thành nên các vật thể kiến trúc trên Mặt Trăng là do con người tạo nên.

Qua một thời gian dài nghiên cứu và phân tích, Viện trưởng Viện bảo tàng hàng không vũ trụ Mỹ, giáo sư Flake Alabari đã có một số dự đoán từ hình thù kiến trúc này: “Màu sắc của “Kim Tự Tháp” này sáng hơn nhiều so với ánh sáng Mặt Trăng xung quanh chúng”, hiển nhiên, chúng là do các vật chất khác cấu thành, không giống như các vật chất trên Mặt Trăng. “Kim Tự Tháp” đã phát hiện ở bình nguyên của Mặt Trăng điểm hạ cánh mà “kế hoạch Apollo lựa chọn cũng chính là bình nguyên này. Xem ra không phải là một sự trùng khớp ngẫu nhiên. Cục hàng không vũ trụ chắc chắn biết rõ vị trí của các “Kim Tự Tháp”. Thời gian chụp nó là năm 1966, sớm hơn 3 năm so với “kế hoạch Apollo”. Cục hàng không vũ trụ đã dùng những bức phác họa để thông báo cho công chúng, họ không biết những Kim Tự Tháp này được hình thành tự nhiên hay do con người xây dựng lên nhưng họ cho rằng cần thiết phải nghiên cứu. Tuy nhiên vì sao lúc đó họ lại không công khai những phát hiện này? Điểm tiếp đất trên Mặt Trăng mà kế hoạch Apollo lựa chọn là bình nguyên, vậy là bức phác họa đã đưa ra câu trả lời cho bí mật này. Viện trưởng Viện bảo tàng hàng không vũ trụ Flake Alabari phân tích: “Cục hàng không vũ trụ Mỹ đã bí mật điều tra nghiên cứu khoa học, họ vẫn không công bố tất cả những phát hiện của mình cho công chúng. Có lẽ Cục hàng không vũ trụ Mỹ trong quá trình thực thi “kế hoạch Apollo” đã phát hiện ra một điều gì đó”. Có lẽ,

ngài Alabari nói đúng, họ đã phát hiện được điều gì? Tổ phó tổ quan sát dưới nước thuộc Viện khoa học Liên Xô cung cấp: gần đây ở Mỹ đã xuất bản hai bộ sách chuyên ngành. Tác giả của một bộ là chuyên gia chế tạo thiết kế hàng không nổi tiếng Mores Sarlen và những người hợp tác cùng ông là chuyên gia của hệ thống dây chuyền "Apollo", tác giả của một bộ sách khác là viện sĩ Belre và giáo sư Alabari. Họ đã đặt tên cho tác phẩm của mình là "Mặt sử vũ trụ". Trong tác phẩm này, các tác giả đã viết gì vậy? Chúng ta đều biết người Mỹ thường hay thổi phồng công tác chuẩn bị của các phi hành vũ trụ, nhất là báo cáo về phi hành Apollo 11 tiếp đất Mặt Trăng. Tác giả đã miêu tả một cách tỉ mỉ, từ màu sắc balô của các nhà du hành vũ trụ đến bữa điểm tâm mà họ ăn. Nhưng báo giới đã không cho biết đội du hành đã sử dụng các đường dẫn vi mô, có kích cỡ giống như kích cỡ của kính thiên văn và bảng vàng, phía trên dùng phương pháp đặc biệt ghi lại một số tài liệu như: dùng 74 ngôn ngữ để giao tiếp với người ngoài Trái Đất, trích dẫn tuyên ngôn nhân quyền, trích dẫn bộ luật dân sự về không gian vũ trụ đã được thông qua trong hội nghị Asonnaha, lời kêu gọi của tổng thống Mỹ và lời kêu gọi của Cục hàng không Mỹ.

Lần đầu tiên đưa thành công con người lên Mặt trăng trong kế hoạch Apollo là Apollo 11. Khi Apollo 11 bay vào quỹ đạo Mặt trăng, trong khoang tàu chỉ còn lại



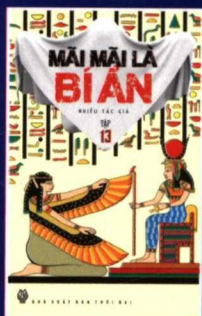
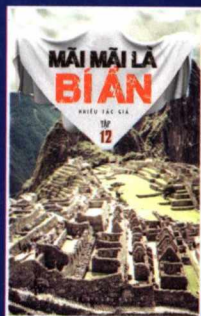
Kolins. Khoang “ngôi sao sắn môi” đổ bộ lên Mặt Trăng đưa hai nhà phi hành Amstrong và Oderlin lên bề mặt Mặt Trăng, liên hệ qua dây dẫn đôi. Trong đó một đường dẫn chủ yếu là đường dẫn vô tuyến, một đường dẫn tín hiệu thứ hai là đường dẫn dự phòng. Khi họ tiếp xúc với bề mặt của Mặt Trăng, phi hành gia Amstrong thốt lên trong điện thoại. Ông đang đứng giữa một trận chấn động lớn, công việc duy nhất kịp hoàn thành là mở đường dẫn các thiết bị dự phòng. Ông thốt lên: “Quái lạ thật? Tôi rất muốn biết đây là cái gì? Bên cạnh một miệng núi lửa, có vài con tàu đang đứng ở đó. Tàu vũ trụ rất lớn đang theo dõi chúng tôi”. Tiếp đó ông hét lên bằng một giọng khàn khàn: “Hãy phát lệnh cho Kolins, chuẩn bị

bay". Còn Oderlin rất bình tĩnh, ông mở đường dẫn chính sau khi tiếp xúc với bề mặt Mặt trăng. Ông chụp các bức ảnh màu 16mm, ghi lại tất cả các chi tiết. Oderlin dùng các đường dẫn chính để truyền về tất cả thông tin thu được và mở các thiết bị dự phòng liên hệ với đường dẫn. Ông nói: "Tôi đã nhìn thấy các viên đá tự phát sáng". Trong nhật ký trực ban của phi hành đoàn đã viết: "Đến hôm nay chúng tôi vẫn không hiểu, đi theo sau chúng tôi là bạn hay là kẻ thù, vật thể bay lạ cọ sát vào phi thuyền tạo ra luồng hơi nóng, ánh sáng đập vào con tàu vũ trụ nhưng con tàu vẫn tiếp tục bay."

Người Mỹ xác định nhiệm vụ của phi hành đoàn Apollo 11 là dẫn thiết bị "nguyên tử địa lôi" trên bề mặt Mặt Trăng, mục đích là tạo nên những chấn động nhỏ từ đó lấy được tư liệu kết cấu của Mặt Trăng. Thí nghiệm đã được chuẩn bị ổn thỏa, đường dây nóng giữa vũ trụ và Trái Đất được liên hệ không ngừng. Cùng lúc đó, trên tàu vũ trụ xảy ra tiếng nổ, ống dẫn khí oxy bị vỡ ra. Tuy không có bất cứ sự thương vong nào nhưng thí nghiệm đã bị phá sản. Lúc đó một chiếc UFO đang ở bên cạnh phi thuyền. Các chuyên gia bình luận, xem ra kế hoạch người ngoài Trái Đất đến Mặt Trăng đã bị thiết bị của chúng ta phá hỏng. Nhà phi hành nói: "Họ giống như những con ong mật trong tổ ong". Những hiện tượng này lúc giả lúc thật, có lẽ chỉ có trực tiếp thâm nhập vào Mặt Trăng thì tất cả bí mật mới được khám phá.

MỤC LỤC

10 BÍ ẨN THÚ VỊ NHẤT VỀ CÁC NỀN VĂN MINH...	5
VƯỜN ĐỊA ĐÀNG	18
VƯỜN TREO BABYLON	22
BÍ ẨN THỜI KỲ ĐỒ ĐÁ	25
BÍ ẨN CỦA NGHỆ THUẬT KHẮC HỌA ĐÁ	30
ĐIỀU BÍ ẨN CỦA TƯỢNG NHÂN SƯ	40
BÍ ẨN CỦA TỤC THỜ THẦN MITHRAS (THẦN ÁNH SÁNG) .	50
BÍ ẨN CÁC NÉT VẼ NAZCA	60
BÍ ẨN CỦA PHẦN MỘ 55	66
CHỮ VIẾT THỜI CỔ ĐẠI & CHỮ VIẾT CHƯA GIẢI MÃ	76
BÍ MẬT CỦA NGÔI MỘ NỮ HOÀNG HETEPHERES	82
BÍ MẬT VỀ SỰ RA ĐỜI CỦA VŨ TRỤ	93
BÍ ẨN VỀ CHỖN QUY TỤ CUỐI CÙNG CỦA VŨ TRỤ	97
BÍ ẨN LỖ ĐEN	102
BÍ ẨN CỦA CÁC PHẦN VẬT CHẤT TRONG VŨ TRỤ	106
BÍ ẨN VỀ "KỶ SĨ MÀU ĐEN" TRONG VŨ TRỤ	110
BÍ MẬT VỀ VŨ TRỤ	115
BÍ ẨN VỀ TAI NẠN CỦA TRÁI ĐẤT	117
BÍ ẨN VỀ SỰ HÌNH THÀNH CỦA TRÁI ĐẤT	132
BÍ ẨN VỀ SỰ CHUYỂN ĐỘNG CỦA TRÁI ĐẤT	135
BÍ ẨN BÊN TRONG TRÁI ĐẤT	138
BÍ MẬT VỀ SỰ KHỞI NGUỒN CỦA MẶT TRĂNG	142



**NHÀ SÁCH
VĂN CHƯƠNG**

78-80 NGUYỄN CHÍ THANH F.2 Q.10
 ĐIỆN THOẠI: 08. 3 8307360
 WEBSITE: www.vanchuongbooks.vn
 EMAIL: nhasachvanchuong@yahoo.com.vn

3



1 109060 138360

Giá 35.000đ